



CHÁNH PHÁP

HOÀNG PHÁP — GIÁO DỤC — VĂN HỌC PHẬT GIÁO — TIN TỨC PHẬT SỰ

Địa chỉ tòa soạn: 4717 W. First Street, Santa Ana, CA 92703 – U.S.A. | Tel.: (714) 571-0473 | Email: baivochanhphap@gmail.com
Website: chanhphap.us | chanhphap.org | chanhphap.net

Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Trí**
Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**

Chủ bút: **Vĩnh Hào**

Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Tâm Quang**

Hình bìa: **Minka2507 (Pixabay.com)**

LIÊN LẠC:

• Bài vở: baivochanhphap@gmail.com

• Quảng cáo / Phát hành:

(714) 266-4171

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thế hiện lòng đại bị, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

Nguyệt san Chánh Pháp là báo biểu, không trả nhuận bút cho bài vở gửi đăng. Quý văn thi hữu nào muốn có nhuận bút xin ghi rõ "có nhuận bút" và địa chỉ liên lạc để tòa soạn quyết định. Bài gửi đăng xin đánh máy sẵn và gửi bằng electronic file qua email:

baivochanhphap@gmail.com

Trân trọng cảm ơn.

Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHÁP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 3
- **NGHIÊN CỨU THỨC THỨ TÁM**, t.t. (HT. Thích Thắng Hoan dịch), trang 7
- **THƠ ĐỀ MÙ SƯƠNG, CHỖN ĐẤT XƯA** (thơ Lý Thừa Nghiệp), trang 9
- **HAI NGÀ ĐẠO-ĐỜI VÀ BỐN PHẦN NGƯỜI PHẬT TỬ...** (HT. Thích Đức Nhuận), trang 10
- **TAM BẢO** (thơ Đồng Thiện), tr. 11
- **VỀ THĂM HUỆ TRONG MƠ** (thơ ĐNT Tin Nghĩa), trang 12)
- **CÁO BACH: HT. THÍCH ĐỒNG TUYÊN VIÊN TỊCH** (HĐĐH), tr 13
- **CHIẾN TRANH VÀ BẤT BAO ĐỘNG** (HT. Thích Quảng Độ dịch), trang 14
- **NHẪN NHỤC - DỨT HẬN THÙ LÀ PHÁP TÔI THƯỢNG** (Quảng Tánh), trang 16
- **BẢN LÊN TIẾNG VỀ TÌNH HÌNH CHIẾN TRANH TRÊN ĐẤT NƯỚC UKRAINE** (VP Điều Hợp Liên Châu GHPGVNTM), trang 17
- **CHIẾN TRANH – NHÂN LOẠI TƯƠNG TÀN** (thơ Thích Đồng Trí), trang 18
- **GIỚI THỨ TƯ, KHÔNG VỌNG NGŨ: BẢO VỆ HÒA BÌNH VÀ AN LẠC** (Tâm Thường Định dịch), trang 19
- **ĐÊM TRĂNG ĐỌC THƠ ĐƯỜNG** (thơ Nguyễn An Bình), trang 21
- **NHỮNG TỪ NGỮ CHÂN THÀNH** (Dalai Lama - Tuệ Uyên dịch), tr. 22
- **THÔNG BÁO AN CƯ KIẾT HẠ VÀ ĐẠI HỘI THƯỜNG NIÊN** (HĐĐH), trang 23
- **KHI TÔI MỘT MÌNH QUA PHỐ...** (thơ Tôn Nữ Mỹ Hạnh), trang 24
- **BÁT CHÁNH ĐẠO – CON ĐƯỜNG ĐƯA ĐẾN CHẤM DỨT ĐAU KHỔ**, t.t. (Bhikkhu Bodhi - Thích Tâm Hạnh & Cs. Tâm Cảnh dịch), trang 25
- **HỒI SINH** (thơ Xuyên Trà), tr. 27
- **MÁU AI CŨNG ĐỎ, NƯỚC MẮT AI CŨNG MẶN** (Huệ Trân) tr. 28
- **QUY Y VÀ BỒ ĐỀ TÂM – Phật Pháp Thứ Năm** (Nhóm Áo Lam), tr. 30
- **LÀM SAO THOÁT KHỎI BỘC LƯU** (TN Hằng Như), trang 31
- **VIẾNG CHÙA QUÊ** (thơ Hoa Nguyễn), trang 34
- **THIỆN SỰ TẾ HIỂN BỬU DƯƠNG...** (Thích Thánh Minh), trang 39
- **NHƯ ÁNG PHÙ VÂN, LÒI RU CÁT BỤI** (thơ Nhật Quang), trang 41
- **CỘ THỰC TẬP ĐÚNG TÁM ĐIỀU ĐỀ TĂNG PHƯỚC** (Tâm Lương Đào Mạnh Xuân), trang 42
- **HÀNH GIẢ** (thơ Diệu Viên), tr. 43
- **ĐẠO PHẬT VÀ NHÂN QUYỀN TRONG LỊCH SỬ VN** (Tạ Văn Tài), trang 44
- **SA-KÊ CHIÊN SẢ ÓT** (Gia Phương), trang 48
- **TAI HẠI CỦA THAM ÁI** (thơ TM Ngô Tăng Giao), trang 49
- **ĐỪNG NÓI** (Tâm Không Vĩnh Hữu), trang 50
- **VAI TRÒ CỦA DINH DƯỠNG** (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 52
- **NHỮNG CUỘC CHIẾN CHƯA HỀ CHẤM DỨT, BAO CHƯA** (thơ Thanh Nguyễn), trang 54
- **TRUYỆN CỰC NGẮN** (Steven N), trang 55
- **GIẢI THOÁT** (Tiểu Lục Thần Phong), trang 57
- **HOÀNG HẬU VI ĐỀ VỚI PHÁP MÔN TỊNH ĐỘ** (Truyện cổ Phật giáo), trang 59
- **MÙA XUÂN VẤN ĐẾN** (thơ Hoàng Thục Uyên), trang 60
- **NGŨ THOÁT – chương 12, t.t.** (truyện dài Vĩnh Hào), trang 61
- **TÌM MỘ** (thơ Hồ Thanh Nhã), trang 65
- **THE STORY OF A YOUNG SOW** (Daw Tin), trang 66



Báo Chánh Pháp số 125, tháng 04 năm 2022, do ĐLHT. Thích Thắng Hoan (CA) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Kính nguyện Đại Lão Hòa Thượng pháp thể kính an, chúng sinh dị độ; chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa Soạn

ĐI VỀ HƯỚNG TỰ DO

Hoa hướng dương trong những ngày tháng gần đây, không chỉ mọc và nở trên đất, mà còn được trang trí khắp nơi, trên vải, trên tranh ảnh nghệ thuật, trên những bức tường vôi, khẩu hiệu, và trong cả tâm tư những người yêu chuộng tự do, hòa bình. Mùa hè năm 1996, hoa hướng dương được các giới chức lãnh đạo Mỹ-Nga-Ukraine trồng nơi căn cứ Pervomaysk ở miền Nam nước Ukraine để đánh dấu sự kiện loại bỏ vũ khí hạt nhân khỏi đất nước này sau sự tan rã của Liên bang Xô-viết năm 1991 (1). Từ đó, hoa hướng dương mặc nhiên trở thành quốc huy của đất nước Ukraine với ý nghĩa hướng về tự do, hòa bình. Khi quân đội Nga xâm lăng nước Ukraine vào ngày 24 tháng 2 năm 2022, hoa hướng dương lại càng nở rộ khắp thế giới trong tâm tư và tình cảm của nhân loại, cùng hướng về ủng hộ chính nghĩa bảo vệ tổ quốc của nhân dân Ukraine.

Lại chiến tranh. Lại bom đạn. Loài người đã kinh qua hai lần thế chiến, chẳng ai muốn khởi mào cho cuộc chiến thứ ba. Nhưng nếu thế chiến thứ ba xảy ra, người ta sẽ chạy đi đâu để lánh nạn? Không nơi nào an toàn trên trái đất này để tránh hiểm họa bom nguyên tử. Dù vậy, khuyển hướng tị nạn vẫn luôn nghiêng về thế giới tự do, hòa bình. Tránh chiến tranh để tìm hòa bình, tránh độc tài để tìm tự do.

Hàng triệu người dân Ukraine đã lũ lượt rời bỏ quê hương để lánh nạn trong những ngày qua. Hàng triệu người dân miền Nam Việt Nam cũng từng rời bỏ đất nước bằng đường bộ, đường thủy từ cuối tháng Tư cách nay gần nửa thế kỷ. Họ đã bỏ lại tất cả sự nghiệp, gia sản, thân nhân, bạn bè, và trên hết, mảnh đất quê hương, để tìm tự do. Nhiều người trong số họ có thể chấp nhận ở lại để chịu đựng bất cứ hậu quả nào với chính quyền mới, nhưng vì tương lai của thế hệ sau, họ đành liều chết ra đi, hoặc đau lòng đẩy con trẻ đi về hướng tự do. Cuộc tị nạn của người Việt năm xưa không giống cuộc tị nạn của người dân Ukraine ngày nay: những chuyến ghe ra biển, mười phần chỉ sống một. Người tị nạn Việt Nam

đã đem sinh mệnh của mình ra mà thách đố với thời cuộc: tự do hay là chết (2).

Sống thì có trăm năm, nhưng chết thì chỉ một lần. Chọn tự do hay cái chết cho thấy tự do là vô giá.

Trời tháng Tư năm xưa âm đạm đen tối; trời tháng Tư năm nay cũng u buồn, đầy khói lửa, nơi miền đất xa xôi tận trời Âu. Khóc thương những đoàn người lỵ hương biệt xứ. Từ xa xin gửi tặng nhành hoa hướng dương để cùng chia sẻ ước vọng tự do khôn nguôi của con người khắp hành tinh, của con người mọi thời đại.



- 1) Ngày 24/8/1991 Ukraine rút ra khỏi Liên bang Xô-viết; ngày 01/12/1991, Ukraine tuyên bố độc lập; ngày 14/01/1994, Tổng thống Mỹ Bill Clinton, Tổng thống Nga Boris Yeltsin và Tổng thống Ukraine Leonid Kravchuk ký kết tuyên bố giải trừ hạt nhân của Ukraine. Tháng 6/1996, các đầu đạn hạt nhân cuối cùng đã được chuyển cho Nga và các hầm chứa hạt nhân tại Ukraine đã bị hủy bỏ toàn bộ vào cuối năm 2001.
- 2) Theo Jennifer Hassan, trong bài "The sunflower, Ukraine's national flower, is becoming a global symbol of solidarity," đăng trên *The Washington Post*, March 2, 2022: <https://www.washingtonpost.com/world/2022/03/02/ukraine-sunflower-solidarity-russia-war/>
- 3) "Give me liberty or give me death" (hãy cho tôi tự do, hoặc cho tôi cái chết) là câu nói bất hủ của Patrick Henry trong bài diễn văn "Liberty or Death" năm 1775 tại Virginia Convention. "Tự do hay là chết" về sau trở thành phương châm, tuyên ngôn, hay lời hiệu triệu cho các phong trào đòi độc lập tự do của nhân dân và quốc gia trên thế giới. Patrick Henry (1736 - 1799) được coi là một trong những "cha già" thành lập Mỹ quốc (Founding Fathers).

TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

CAM BỐT: Khóa đào tạo kết nối Phật giáo và thiên nhiên

Từ ngày 22 đến 26-2-2022, Trung tâm Bảo tồn Đa dạng Sinh học Angkor đã tiến hành một khóa đào tạo về Phật giáo và môi trường cho 25 nhà sư và các thành viên cộng đồng địa phương tại Rừng Cộng đồng Sorng Rukhavorn.

Ngày 25-2, Hòa thượng Tho Thou Ros, người đứng đầu cộng đồng, nói rằng khóa đào tạo này tập trung vào Phật giáo và môi trường tự nhiên, do đó đề cập đến văn hóa cũng như động vật hoang dã.

"Điều rất quan trọng là mọi người đều được đào tạo như vậy. Ở đây, nhà sư là người sáng tạo và cũng là người bảo vệ. Phật giáo đã gắn liền với thiên nhiên, tài nguyên rừng và đa dạng sinh học từ rất lâu đời, kể từ thời Đức Phật," ông nói và lưu ý rằng Đức Phật đã đàn sinh, giác ngộ và đạt được Niết bàn dưới một gốc cây.

Hòa thượng Tho Thou Ros nói thêm rằng: Khóa học nói trên cũng đề cập đến các hoạt động của con người trong rừng, và về mối quan hệ giữa Phật giáo và biến đổi khí hậu. Có những giới luật nói rằng chửi bậy ni Phật giáo không được chặt phá cây cối, bụi rậm hoặc bụi cây. Bất cứ ai vi phạm các giới luật này sẽ là kẻ bất tuân luật của Đức Phật, và như vậy là tham gia vào việc phá hủy tài nguyên rừng cũng góp phần vào biến đổi khí hậu.

(Tipitaka Network – March 3, 2022)



Các nhà sư và thành viên của cộng đồng rừng Sorng Rukhavorn được đào tạo về Phật giáo và môi trường từ ngày 22 đến 24-2-2022
Photo: Phak Seangly

ẤN ĐỘ: Ngôi chùa của Đức Đạt lai Lạt ma sẽ mở cửa cho công chúng sau hai năm

DHARAMSHALA, Ấn Độ - Chùa Thekchen Choeling Tsuglakhang, thường được gọi là ngôi chùa của Đức Đạt Lai Lạt Ma và là nơi tập trung của cộng đồng người Tây Tạng lưu vong, cuối cùng sẽ mở cửa cho du khách từ thứ Năm ngày 3-3-2022, đánh dấu Năm mới Tây Tạng (Losar). Kể từ khi đại dịch bùng phát vào tháng 3-2020, ngôi chùa này đã hoàn toàn đóng cửa đối với khách tham quan do lo sợ về sự lây lan của Covid-19.

Sau gần hai năm, nay ngôi chùa sẽ mở cửa cho tất cả những người mộ đạo và du khách với các biện pháp phòng ngừa được áp dụng. Thông báo ngày 28-2 yêu cầu công chúng phải luôn đeo khẩu trang, giữ khoảng cách xã hội thích hợp và làm vệ sinh khi có bất kỳ ai bước vào cơ sở.

Tuy nhiên, không có thay đổi về thông tin liên quan đến lịch trình của Đức Đạt Lai Lạt Ma trong những tháng sắp tới mặc dù chùa Thekchen Choeling Tsuglakhang sẽ mở cửa cho các tín đồ và khách viếng.

Đức Đạt lai Lạt ma cũng đã không trực tiếp tiến hành bất kỳ buổi giảng pháp hay xuất hiện trước đại chúng nào kể từ tháng 2-2020, vì ngài đã đình chỉ tất cả các cuộc tham gia và cuộc họp sau khi Covid-19 bùng phát trên khắp thế giới.

(NewsNow – May 3, 2022)



Chùa Thekchen Choeling Tsuglakhang, thường được gọi là ngôi chùa của Đức Đạt Lai Lạt Ma - tại Ấn Độ—Photos: Phayul

HÀN QUỐC: Kêu gọi Hòa bình và Hành động: Hòa thượng Pomnyun kêu gọi về kiểm chế ở Ukraine

Ngày 2-3-2022, cuộc xâm lược của Nga vào Ukraine đã bước sang ngày thứ 7, với các báo cáo truyền thông kể về bạo lực leo thang nhanh chóng kèm theo đau khổ và mất mát nhân mạng.

Khi các nhà lãnh đạo tinh thần và các nhà hoạt động hòa bình trên khắp hành tinh đồng thanh phản đối cuộc đổ máu vô nghĩa này, vị thiền sư Hàn Quốc và là nhà hoạt động xã hội đáng kính Pomnyun hôm Chủ nhật 27-2-2022 đã đưa ra một tuyên bố chân thành vì hòa bình ở Ukraine, nhấn mạnh sự cần thiết đối với những người Nga yêu hòa bình và cộng đồng toàn cầu để đưa ra tiếng nói chung của họ trong một lời kêu gọi đoàn kết khôi phục hòa bình.

Chỉ trích cái giá phải trả của con người bởi chế độ bạo lực do nhà nước lãnh đạo, Hòa thượng Pomnyun kêu gọi chấm dứt ngay lập tức các hành động thù địch ở Ukraine và xây dựng một mặt trận quốc tế thống nhất chống lại sự áp bức phi lý.

Hòa thượng Pomnyun là một vị tôn sư, tác giả và nhà hoạt động xã hội được khắp nơi kính trọng. Ông đã thành lập nhiều tổ chức, sáng kiến và dự án trên khắp thế giới, dựa trên lời dạy của Đức Phật là tôn trọng tất cả chúng sinh.

(Buddhistdoor Global – March 2, 2022)





Hòa thượng Pomnyun
Photo: Jungto Society

HOA KỲ: Xưởng dạy làm đèn lồng Hàn Quốc đầy màu sắc mừng lễ Phật Đản

Làng St. Andrews, Maine - Có một thế giới khác biệt giữa một ngôi làng ven biển ở Maine và những ngôi chùa Phật giáo của Hàn Quốc, nhưng vào thứ Sáu, ngày 25-2-2022, hai nền văn hóa đã hội ngộ trong một xưởng làm đèn lồng hoa sen do Thư viện Tưởng niệm Cảng Boothbay (BHML) tổ chức.

Ước tính lớp học buổi chiều có khoảng 28 người tham gia với 11 người theo dõi là một nhóm từ Làng St. Andrews và những người còn lại đến từ nhà của họ; và buổi tối có 35 người tham gia.

Các lớp học được giảng dạy bởi Dự án Thúc đẩy Văn hóa và Tinh thần Hàn Quốc (KSCPP), một tổ chức phi lợi nhuận do Kim Jae Woong thành lập năm 2005 nhằm nâng cao nhận thức và hiểu biết về lịch sử và văn hóa Hàn Quốc.

Như Younhee Shin, điều phối viên chương trình của KSCPP, giải thích: Theo truyền thống, lồng đèn hoa sen kỷ niệm ngày Đức Phật đản sinh 8 tháng 5 và được nhìn thấy trên khắp Hàn Quốc. Cô nói: "Hoa sen là loài hoa đẹp và tượng trưng cho lòng từ bi và tâm trong sáng của Đức Phật. Các xưởng làm đèn lồng bắt đầu vào năm 2009 và tiếp tục thông qua Zoom kể từ năm 2020. Chúng ngày càng phổ biến. KSCPP đã tổ chức 80 lớp học vào năm 2021..."

Những người đăng ký tham gia xưởng được nhận nguyên liệu để làm lồng đèn hoa sen gồm khung dây, cánh hoa và lá bằng giấy và keo dính. Những người tham dự được thực hiện từng bước thông qua việc xếp một hàng giấy đầu tiên và sau đó là các hàng tiếp theo cho đến khi khung dây được bao phủ trong một loạt "cánh hoa" đầy màu sắc. Shin giải thích và trình bày cận kề các bước và dành

nhiều thời gian để học sinh làm theo cô.

(Boothbay Register – March 3, 2022)



Younhee Shin, cô giáo dạy làm đèn lồng Hàn Quốc



Cô Shin trình bày cách làm đèn



Các học viên làm đèn lồng tại xưởng ở làng St. Andrews (ảnh trên) và tại nhà qua Zoom (ảnh dưới)



Photos: boothbayregister.com

ĐÀI LOAN: Phật giáo Dẫn thân: Hội Phật giáo Từ Tế phản ứng với khủng hoảng tị nạn Ukraine

Ngày 4-3-2022, Hội Phật giáo Từ Tế - tổ chức từ thiện và nhân đạo có trụ sở tại Đài Loan - cho biết rằng họ đang tổ chức một chương trình viện trợ nhân đạo để đáp ứng với cuộc khủng hoảng người tị nạn ngày càng gia tăng do hậu quả của cuộc xâm lược liên tục của Nga vào Ukraine. Sáng kiến cứu trợ này có tên là "Tình yêu và lòng trắc ẩn cho Ukraine," nhằm cung cấp nguồn cung cấp thiết yếu cho các cá nhân và gia đình chạy trốn khỏi chiến tranh, hiện đã là ngày thứ 9.

Hội Phật giáo Từ Tế cho biết với hơn một nửa số người tị nạn của Ukraine vượt biên sang Ba Lan, các tình nguyện viên của Hội ở châu Âu đã kết nối với các cơ quan và đối tác địa phương dọc theo biên giới Ba Lan-Ukraine.

"Theo Cao ủy Liên hiệp Quốc về người tị nạn, hơn 874,000 người đã rời Ukraine tính đến ngày 2-3 (2022)..." Hội này thông báo. "Hơn một nửa đã đến Ba Lan và những người khác đã đến Hungary, Moldova, Romania và Slovakia, với 43,000 người chuyển đến Nga. Về phần những người đã ở lại Ukraine - hàng triệu người, bao gồm các nhóm dễ bị tổn thương và người già - thì đã bị buộc phải tập trung vào các cơ sở phòng không như ga tàu điện ngầm để tránh các cuộc không kích".

Giám đốc điều hành của Hội Từ Tế Po-Wen Yen lưu ý rằng hội luôn duy trì lập trường nhân đạo, mở rộng vòng tay giúp đỡ những người tị nạn trên khắp thế giới - bao gồm cả ở Jordan, Serbia, Thái Lan, Thổ Nhĩ Kỳ và



Malaysia. Ông Yen nói rằng Từ Tế sẽ bắt đầu các hoạt động hỗ trợ người tị nạn cho người Ukraine sớm nhất có thể.
(Buddhistdoor Global - March 4, 2022)



Poster "Tình yêu và lòng trắc ẩn cho Ukraine" của Hội Phật giáo Từ Tế—Photo: tzuchi.us

HÀN QUỐC: Hiệp hội Phật giáo Hàn Quốc phát hành sách về bảo vật quốc gia Phật giáo

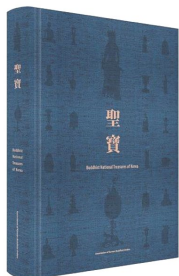
Hiệp hội các Tông phái Phật giáo Hàn Quốc (AKBO) báo đã xuất bản cuốn "Bảo vật Quốc gia Phật giáo của Hàn Quốc", một danh mục toàn diện giới thiệu lịch sử đằng sau tất cả các hiện vật Phật giáo vốn được coi là bảo vật quốc gia.

Được viết bằng cả tiếng Hàn và tiếng Anh, cuốn sách cung cấp giải thích về các đặc điểm chính của mỗi bảo vật và đặt chúng vào bối cảnh lịch sử lớn hơn của sự phát triển năng động của nghệ thuật Phật giáo Hàn Quốc.

Hiệp hội cho biết sách sẽ giúp hiểu rõ hơn về các hiện vật quý hiếm mà trước đây chỉ có thể được xem trực tiếp thông qua các chuyến thăm đền chùa hoặc các cuộc triển lãm đặc biệt của viện bảo tàng trong quá khứ.

Tổng cộng 2,000 bản sách sẽ được phân phối đến các đại sứ quán nước ngoài tại Hàn Quốc, các Trung tâm Văn hóa Hàn Quốc và các chùa Phật giáo trong nước và nước ngoài.

(KoreaTimes.co.kr - March 12, 2022)



"Bảo vật Quốc gia Phật giáo của Hàn Quốc"
Photo: AKBO

MIẾN ĐIỆN: Chính quyền quân đội đánh bom một tu viện Phật giáo đầy thường dân

Vào chiều thứ Ba (9-3-2022), chỉ vài giờ sau khi binh lính của họ nã pháo vào một khu phức hợp Phật giáo khác ở nơi khác trong khu vực, quân đội Myanmar đã pháo kích vào một tu viện, nơi có khoảng 1.500 dân thường đang trú ẩn khỏi bạo lực gần đây ở Thị trấn Kalay của Vùng Sagaing, Mười người trong đó có 3 trẻ em bị thương nặng khi 4 quả đạn pháo hạng nặng rơi vào tu viện ở làng Nat Myaung này vào khoảng 1 giờ chiều, khiến 3 phụ nữ và 6 trẻ em khác bị thương nhẹ trong vụ tấn công.

Ba trong số những quả đạn pháo của quân đội đã rơi xuống khuôn viên của tu viện trong khi một quả trúng vào tòa nhà chính.

Mọi người đã ở trong những căn lều bạt bên trong tu viện và đang cần gấp bột điện giải và các loại thuốc khác, một số đã ở đó được gần 4 tháng.

Trước đó cùng ngày, 2 trẻ em và 4 người khác đã thiệt mạng khi binh lính quân đội nã pháo vào một tu viện ở Thị trấn Yinmabin của Vùng Sagaing này.

(Myanmar NOW - March 9, 2022)



Những chiếc lều bạt nơi thường dân ở trong tu viện Nat Myaung, Sagaing (Miến Điện)
Photo: Myanmar NOW

ẤN ĐỘ: Pho tượng nằm lớn nhất của Đức Phật đang được xây ở Bồ đề Đạo tràng

Bihar, Ấn Độ - Mạng mạch hành hương Phật giáo ở Ấn Độ đang được hồi sinh một cách chủ động và Bồ đề Đạo tràng là một phần không thể thiếu trong đó. Theo tiến trình này, nơi Đức Phật Cồ Đàm đạt được giác ngộ sẽ sớm tôn trí pho tượng nằm lớn nhất của Ngài, dài 100 feet

- cao 30 feet. Việc xây dựng tượng bắt đầu trở lại vào năm 2019, với sự điều hành của Giáo hội Phật giáo Quốc tế phúc lợi. Tượng được xây bằng sợi thủy tinh bởi các nhà điêu khắc đến từ Bengal.

Tượng Phật khổng lồ này sẽ được mở cửa cho các tín đồ tham quan từ tháng 2 năm 2023.

Bồ đề Đạo tràng ở bang Bihar là một di tích tôn giáo và là nơi hành hương của những người theo đạo Phật. Tượng truyền Đức Phật Cồ Đàm đã đạt Giác ngộ dưới một gốc cây được gọi là Cây Bồ đề, khiến Bồ đề Đạo tràng trở thành địa điểm hành hương và tôn kính của cả người theo đạo Hindu và đạo Phật.

(FE Online - March 9, 2022)



Pho tượng Đức Phật nhập diệt lớn nhất đang được xây dựng tại Bồ đề Đạo tràng, Ấn Độ
Photo: ANI

THÁI LAN: Tổ chức Trung tâm Thiền của Phụ nữ Quốc tế trao Giải thưởng Nữ Phật tử Xuất sắc năm 2022

Trùng với Ngày Quốc tế Phụ nữ 8-3, Tổ chức Trung tâm Thiền của Phụ nữ Quốc tế (IWMCF) từ trụ sở chính ở Rayong (Thái Lan) đã công bố giải thưởng hàng năm dành cho những Phật tử xuất sắc. Năm nay, 20 phụ nữ - bao gồm cả nữ cư sĩ và tu sĩ từ khắp nơi trên thế giới - đã được vinh danh với giải thưởng này.

Thành tích và kế hoạch tương lai của từng người đoạt giải được liệt kê trên trang web IWMCF, cũng như những người chiến thắng trong quá khứ từ năm 2002.

Giải thưởng được trao cho sự xuất sắc trong một số hạng mục, bao gồm thực hành thiền định, công tác xã hội và phát triển cộng đồng, truyền bá Phật pháp, và hoạt động vì hòa bình. Các nữ



Phật tử được đề cử hàng năm và sau đó được lựa chọn sau khi công đức của họ được kiểm tra bởi 12 thành viên ủy ban.

Giải thưởng phục vụ một số mục đích, bao gồm cả việc nâng cao tiếng nói của những nữ Phật tử xuất chúng. Sau sự kiện năm nay, các nhà tổ chức có kế hoạch mở rộng công việc của mình để bao gồm mạng lưới trao quyền cho phụ nữ toàn cầu.

(Buddhistdoor Global - March 10, 2022)



Biểu trưng của Tổ chức Trung tâm Thiền của Phụ nữ Quốc tế—Photo: tricycle.org



ANH QUỐC: Tu viện Phật giáo ở Greater Manchester có kế hoạch mở rộng

Ngôi chùa và tu viện Phật giáo Nguyên thủy Wat Sriratanaram ở khu vực Greater Manchester, miền bắc nước Anh, có kế hoạch mở rộng sang khuôn viên của một sân gôn cũ lân cận để tạo ra một trung tâm nhập thất thiền định.

Được thành lập vào năm 2016, chùa Wat Sriratanaram, tọa lạc tại thị trấn Kearsley, nằm trong nhà câu lạc bộ của sân gôn cũ và đóng vai trò là trung tâm của người dân địa phương Thái Lan.

Các kế hoạch mở rộng ngôi chùa gồm không gian thiền định, giải trí, trồng vườn thiền và chẵn thả nông nghiệp - tất cả đều phù hợp với mục đích của hội đồng quận là bảo tồn khu vực này như một không gian xanh. Tòa nhà hiện có của ngôi chùa bao gồm chỗ ở cho 4 nhà sư thường trú, một nhà bếp và một thiền đường trung tâm.

Tu viện đã tổ chức các buổi thiền định hàng ngày kéo dài hàng giờ cho công chúng, thường thu hút tới 100 người.

Các nhà lập kế hoạch tại hội đồng quận sẽ xem xét đơn xin



quy hoạch của ngôi chùa này trong vòng vài tuần tới.

(HOME: Buddhistdoor Global - March 8, 2022)



Tượng Phật trong khuôn viên chùa Wat Sriratanaram ở thị trấn Kearsley (Anh Quốc)

Photos: theboltonnews.co.uk & messengernewsletters.co.uk



NGHIÊN CỨU THỨC THỨ TÁM

Nguyên tác Hán văn: **Kha Diệu Kỳ**

Dịch giả: **THÍCH THẮNG HOAN**

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

CHƯƠNG II: DANH XƯNG CÁC CHỨNG TỬ CỦA THỨC THỨ TÁM

Thức thứ tám là chỗ nương tựa chung của các bậc Thánh và của những kẻ phàm phu, là căn bản của chân và vọng, là vi tế của tự tánh, không phải chỗ phàm phu có thể biết được và cũng không thể chỉ bày được thể tánh của nó. Cho nên tốt nhất là đem chỗ tác dụng của nó ra để thành lập các thứ danh xưng, giúp cho học giả đạt được nhận thức tổng quát.

Thành Duy Thức Luận, quyển 3 giải thích rằng: "Dĩ nhiên Thức thứ tám mặc dù các hữu tình đều được thành tựu, mà tùy theo nghĩa riêng biệt để thiết lập các thứ danh xưng: nghĩa là hoặc gọi tên **Tâm**, là căn cứ nơi chủng tử các pháp luân tập; hoặc gọi tên **A Đà Na**, là căn cứ nơi sự chấp trì các chủng tử và các sắc căn khiến không cho hoại diệt. Hoặc gọi tên **Sở Tri Y**, là căn cứ nơi chỗ nương tựa cho sự hiểu biết các pháp nhiệm tịnh. Hoặc gọi tên **Chủng Tử Thức**, là căn cứ nơi khả năng gánh lấy bảo trì tất cả chủng tử các pháp thế gian và xuất thế gian; các danh xưng đây đều thông đến tất cả ngôi vị. Hoặc gọi tên **A Lại Da**, là căn cứ nơi khả năng tàng trữ và bảo trì phẩm vị tất cả pháp tạp nhiễm khiến không cho tiêu mất và còn làm tự ngã bên trong cho Chấp Tàng Ngã Kiến Ai, v.v...; những danh xưng đây chỉ có ở nơi Dị Sanh [tên khác của phàm phu] và Hữu Học. Còn ở ngôi vị Vô Học và Bồ Tát Bất Thối thì không bao giờ có cái nghĩa Chấp Tàng các pháp tạp nhiễm. Hoặc gọi tên **Thức Dị Thục**, là căn cứ nơi khả năng hướng dẫn quả Dị Thục thiện và bất thiện đi vào sanh tử; danh xưng đây chỉ có ở nơi Dị Sanh, Nhị Thừa và các ngôi vị Bồ Tát. Nhưng ở ngôi vị Như Lai thì không bao giờ còn có pháp Dị Thục Vô Ký này. Hoặc gọi tên **Thức Vô Cấu**, là căn cứ chỗ nương tựa của các pháp vô lậu thanh tịnh tột cùng; danh xưng này chỉ có ở nơi chỗ Như Lai. Ngôi vị Bồ Tát, Nhị Thừa và Dị Sanh còn duy trì chủng tử hữu lậu thì Thức thứ tám chưa được thanh tịnh." Theo sự tường thuật sáu thứ danh xưng được đề cử nơi phần tựa trên đây, mỗi danh xưng lại cộng thêm phần giải thích như sau:

1.- Danh xưng Tâm: là bao gồm hai nghĩa tích tập [chứa nhóm] và tập khởi [phát khởi].



Nguyên nhân là có khả năng thu góp sanh ra các chủng tử hữu lậu vô lậu và cũng có khả năng luân tập các pháp nhiệm tịnh. Nhiệm pháp tức là chỉ cho ngã kiến, ngã ái, ngã si, ngã mạn, chứa nhóm các pháp nhiệm khiến các hữu tình sanh tử lưu chuyển. Tịnh pháp tức là nương nơi Thánh Giáo Lượng mà chứng được chân lý Ngã Pháp Nhị Không [ngã không, pháp không], tiến tới đạo Niết Bàn Tịch Diệt; Niết Bàn Tịch Diệt là nơi mà tất cả ngôi vị như Phạm Phu, Nhị Thừa, Bồ Tát và Phật có thể chứng đắc. Tập Khởi là nghĩa của Tâm, tức là chỉ cho một loại Tâm Thức có khả năng chứa nhóm chủng tử của tất cả pháp đã được nội kết thành tựu và cũng có khả năng phát khởi các pháp hiện hành ở đời vị lai, đó chính là Thức thứ tám. Nếu như Tích Tập là nghĩa của Tâm thì có Năng và Sở; Năng Tích Tập là chỉ cho bảy Thức trước có khả năng luân tập; Sở Luân Tập là chỉ cho Thức thứ tám có khả năng làm chỗ dung chứa để luân tập. Nói cách khác, Thức thứ tám này có khả năng chứa nhóm và nảy nở các sắc, thanh, hương, vị, xúc, v.v... nên gọi là Tâm.

2.- Danh xưng A Đà Na: đây là tiếng Phạn, nghĩa là chấp trì. Kết hợp lại ba nghĩa chấp trì [chấp trước và bảo trì], chấp thọ [chấp trước và cảm thọ] và chấp thủ [chấp trước và bảo thủ] gọi là A Đà Na. Niếp Đại Thừa Luận giải thích rằng: "Do nhân duyên gì mà thuyết minh Thức A Đà Na; nguyên do Thức này chấp trước tất cả hữu sắc căn và tất cả tự thể của hữu sắc căn đều bám lấy Thức này làm chỗ nương tựa." Thành Duy Thức Luận quyển 3 giải thích rằng: "Do có khả năng chấp trước và bảo trì chủng tử các pháp, lại có khả năng chấp trước và cảm thọ sắc căn y xứ [sắc căn là cửa ngõ nương tựa] và cũng có khả năng chấp trước và bảo thủ những chủng tử nội kết phát sanh tương tục, cho nên gọi Thức này là A Đà Na." Riêng nương theo ý của Thành Duy Thức Luận quyển 3 lược thuật như sau:

a- Khả năng chấp trì [chấp trước và bảo trì] chủng tử các pháp, các pháp tổng quát gọi là tất cả pháp hữu vi. Chủng loại của chúng có thể phân làm hai thứ:

1)- Hữu Lậu Hữu Vi, nghĩa là pháp tạp nhiễm, tức là chỉ cho chúng sanh pháp có phiền não.

2)- Vô Lậu Hữu Vi, nghĩa là pháp thanh tịnh, tức là chỉ cho Thánh Giả Pháp không có phiền não.

Chủng tử cũng có thể phân ra hai thứ: Chủng tử Nghiệp và Chủng tử Danh Ngôn. Chủng Tử Nghiệp tức là chủng tử Tâm Sở Tử, chủng tử Tâm Sở này có khả năng điều khiển tất cả thiện ác và sự sinh hoạt của các Tâm Sở khác, bao gồm có sự tác dụng của duyên tăng thượng. Chủng Tử Nghiệp cũng quan hệ cả hữu lậu và vô lậu, vấn đề Nghiệp đây vẫn sau sẽ tường thuật đến nó. Còn Chủng Tử Danh Ngôn, tức là tập khí đặng lưu [tập khí đồng loại], các pháp mỗi loại hiện hành đều do mỗi chủng tử đồng loại tự sanh khởi lấy, gọi là Chủng Tử Đặng Lưu. Chủng Tử Nghiệp là nguyên nhân thúc đẩy luân hồi và Chủng Tử Danh Ngôn là nguyên nhân thuộc vật liệu của luân hồi.



Chủng Tử Nghiệp thì tương đương phẩm đức sẽ nói đến ở sau, còn Chủng Tử Danh Ngôn thì tương đương với tài năng. Hai thứ công năng bảo trì này đều hiển hiện trong thời gian của một sanh mạng, đó chính là Thức A Đà Na.

b- Khả năng chấp thọ [chấp trước và cảm thọ] Sắc Căn Y Xứ, tức là chỉ cho năm Căn gồm có: Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt và Thân thể. Sắc Căn có hai phần, phần thô và phần tịnh; Sắc Căn Thô thì hiện đủ bên ngoài, còn Sắc Căn Tịnh tức là hệ thống thần kinh. Sắc Căn Tịnh nương nơi Thức A Đà Na kết thành bảo thân một thời hạn của hữu tình. Nhiếp Luận giải thích rằng: "Các Căn có sắc do đó có chấp thọ, không bị hoại mất, mạng sống đã tận thì tùy theo đó chuyển biến." Ý của chấp thọ là chấp làm tự thể khiến sanh hiểu biết về cảm thọ. Y Xứ đây là chỉ cho khí giới; khí giới của nhân tố bên ngoài và căn thân của hữu tình cả hai cùng quan hệ với nhau đều do Thức A Đà Na chấp trước và cảm thọ.

c- Khả năng chấp thủ [chấp trước và bảo thủ] và kết sanh tương tục: kết sanh tương tục là chỉ cho ba pháp: Hoặc, Nghiệp và Khổ. Do mê hoặc chân lý [Hoặc], lấy giả làm thật, tạo tác ba nghiệp [Nghiệp], từ đó nghiệp quả tự sanh khởi các pháp lạc khổ [Khổ]. Hơn nữa cũng từ sanh ra chỗ này đến sanh ra chỗ kia, từ bản hữu cho đến tử hữu, tử tử hữu cho đến trung hữu, từ trung hữu cho đến hậu hữu, phải có một Thức ở trong luôn luôn hành động chấp nhận và cảm thọ không gián đoạn, khiến chúng tương tục không dứt; nếu không Thức này một khi chết là đoạn diệt ngay, thì trở thành sai lầm quá lớn. Quan hệ nơi lý luận đây sẽ được tường thuật trong tánh sanh diệt và không sanh diệt, Kinh Lăng Nghiêm giải thích rất rõ, có thể tham khảo.

3.- Danh xưng Sở Tri Y: tên này được phát sanh từ *Nhiếp Thừa Luận*. Luận đây giải thích rằng: "Căn cứ nơi các đức Phật thể tôn, ngôn ngữ có mười tướng rất thù thắng: một là nương tựa nơi ngôn ngữ sở tri rất thù thắng." [Muốn rõ ngôn ngữ có mười tướng thù thắng xin đọc *Thập Thủ Thắng Ngữ* trong *Tử Điển Phật Học Huệ Quang* tập 9, trang T 7997 thì rõ]. Sở Tri ở đây tức là chỉ cho tánh của thiện, tánh của ác, tánh của vô ký, mà trong nó bao hàm cả pháp thiện vô lậu và pháp nhiễm hữu lậu. Chữ Y là nguyên nhân, nghĩa là

Thức thứ tám chính là nguyên nhân căn bản của tất cả duyên sanh sở tri nhiệm tịnh, cho nên gọi là Sở Tri Y.

4.- Danh xưng Thức Chủng Tử:

chủng tử tức là công năng được thâm nhiếp, tàng trữ và tiềm ẩn ở bên trong Thức thứ tám có khả năng đích thân sanh ra tự quả; cũng tức là công năng sanh khởi các thứ hiện tượng vạn pháp trong vũ trụ. Công năng đây gồm có ba thứ:

a- Không mất công năng, tức là được thâm nhiếp và tàng trữ trong Thức A Lại Da và hiện tiền sanh ra quả vĩnh viễn không bị tiêu mất.

b- Công năng sanh quả, nghĩa là chủng tử di thực thì có thể đích thân sanh ra quả.

c- Công năng tùy diệt, nghĩa là mỗi mỗi chủng tử sau khi sanh khởi hiện hành thành pháp quả, bao gồm bản tánh của công năng chủng tử phút chốc liền bảo hiệu tiêu mất, nguyên do nó cùng lúc hòa hợp trọn vẹn với hiện hành.

Chủng tử chia thành hai loại: chủng tử hữu lậu thế gian và chủng tử vô lậu xuất thế gian và chúng quan hệ tất cả phẩm vị. Đây là hiển bày nhân tướng của Thức thứ tám.

5.- Danh xưng A Lại Da: dịch là Tạng, nghĩa là tàng trữ các pháp tạp nhiễm. Chúng sanh luôn luôn chấp lấy Thức Tạng làm tự ngã, mà có tà kiến cho rằng Thiên Quốc sống vĩnh hằng hoặc Đại Ngã biến khắp mười phương, v.v... Chữ Tạng có ba nghĩa:

a- Nghĩa Năng Tạng: là đối với chủng tử của các pháp mà gọi là Năng Tạng.

b- Nghĩa Sở Tạng: là đối với các hiện hành huân tập của bảy Chuyển Thức mà gọi là Sở Tạng. Đây cũng tức là chỉ cho thể của Sở Tri Y [Thức A Lại Da là y chỉ của ba tánh Sở Tri: Tánh Y Tha Khởi, Tánh Biến Kế Sở Chấp và Tánh Viên Thành Thật].

Chúng ta hiện tại tiếp xúc và phát hiện tất cả hiện tượng tâm lý đều do sự hoạt động của bảy Thức trước. Thức thứ tám thì hoàn toàn không biết, mặc tình các pháp hiển hiện; nhưng ngược lại chỉ làm chỗ ẩn chứa của tất cả pháp tạp nhiễm, cho nên gọi là Sở Tạng. Thí dụ như thấy hình tượng của cái bình liền phân biệt hình trạng tốt xấu của cái bình mà quên mất ghi lại thể của nó là đồ sứ.

c- Nghĩa Chấp Tạng: Chấp Tạng bao gồm ý nghĩa giữ vững không buông xả. Giống như kho chứa trong thế gian, nhất định là chỗ để cho con người trông nom giữ gìn. Thức thứ tám cũng thế, vì bị Thức Mạt Na ô nhiễm chấp làm ngã kiến cố và khởi lên các phiền não kiến, ái, si, mạn, cho nên gọi là Chấp Tạng.

Từ nghĩa trên, Ngã Ái Chấp Tạng sai lầm quá nặng. Đây là hiển bày tướng riêng của Thức thứ tám. Nguyên vì A Lại Da trên vị trí chúng sanh mặc dù không phải là pháp vô vi thường hằng bất biến, nhưng nó từ vô thi đến nay lưu chuyển liên tục không phải gián đoạn mà cũng không phải luôn tồn tại mãi, cũng giống như dòng thác nước chảy xiết. Từ trên bề mặt xem ra tợ hồ là toàn diện đều một vị không biến. Thức Mạt Na không

rõ chân tướng của nó mới chấp làm tự ngã. Và từ đó hiện tượng phân biệt mình và người, vật và ngã không bình đẳng sản sanh. “Phật Pháp chỗ nói rằng phá trừ ngã chấp không phải là phá trừ phân biệt ngã kiến thông thường trên tư tưởng có thể được giải thoát mà chính là cần phải từ trên hành vi khiến Thức thứ bảy không còn trở lại chấp Thức thứ tám làm nội ngã của mình nữa. Đây mới là phá ngã nhân kiến chân chánh để được giải thoát.” Cho nên danh xưng Thức A Lại Da đến ngôi vị vô học hoặc ngôi vị Bồ Tát Bất Thối liền trừ bỏ danh xưng.

6.- Danh xưng Thức Dị Thục: hữu lậu vô ký gọi là Dị Thục, nguyên vì ở nơi Nhân thì có thiện có ác mà ở nơi Quả thì thuộc loại vô ký. Chúng tử Nghiệp thiện ác hai tánh do nơi sáu Thức trước huân tập lỗi kéo chúng sanh hữu tình luân hồi trong ba cõi sáu đường, đi thọ quả báo thuộc tánh vô ký làm chỗ để cho thuộc loại thiện ác chiêu cảm; tùy theo Quả đây cùng quan hệ với Nhân Dị Thục gọi là Thức Dị Thục. Đây là hiện bày Quả Tướng chỗ có riêng của Thức thứ tám. Danh xưng Thức Dị Thục khi đến ngôi vị Như Lai mới trừ bỏ đi, nguyên vì ngôi vị Như Lai thuần túy Thiện Vô Lậu, không có tánh vô ký.

7.- Thức Vô Cấu: nghĩa là trong Nhân không dứt huân tập pháp thiện vô lậu, cho đến khi hai chướng phiền não và sở tri trói buộc được giải trừ, chỗ nương tựa chỉ hoàn toàn các pháp vô lậu thanh tịnh tột cùng, cho nên gọi là Thức Vô Cấu. Thức đây chỉ có ở chỗ Như Lai, nguyên nhân toàn là thuần thiện không có huân tập, cùng tương ứng với Trí Đại Viên Cảnh.

Duy Thức Tam Thập Tụng giải thích: “Thức A Lại Da khi đến ngôi vị A La Hán thì xả bỏ.” Thế thì Thức Vô Cấu có thể xả bỏ không? Đáp rằng: “Thế của Thức Vô Cấu không có thời gian xả bỏ và lợi lạc hữu tình cũng không có thời gian chấm dứt.” (Chú thích 6) Nguyên nhân hạnh nguyện của Như Lai là lợi lạc hữu tình không có cùng tận, cho nên Thế của Thức Vô Cấu thì vĩnh viễn tồn tại. Sáu thứ danh xưng bắt đầu từ nơi Tâm thứ nhất cho đến Thức Vô Cấu thứ sáu đều thông khắp nơi Thánh Phàm và chỉ căn cứ theo nghĩa mà lập danh xưng; tất cả đều là Thế của Thức thứ tám, do bởi nhiệm tịnh không động mà có sự sai biệt. Theo ý nghĩa này, kẻ tu hành chỉ cần khử trừ chướng ngại trước của nó và cho đến công năng của Thức thứ tám cùng lúc nếu chưa bài trừ thì không nên làm cho trong Tâm không còn tướng là đã đặc đạo.

Chú thích Chương II:

Chú thích 6: Thành Duy Thức, quyển 3, Đại Chánh Tạng tập 311, trang dưới 13.



THƠ ĐỀ MÙ SƯƠNG

*Này mộng mạ, này rừng thông
Đêm qua lữ sáo mang giông gió về
Tầm dâu chìm nổi tư bề
Nên thơ vô ngã thơ đề mù sương
Từ tâm máu nhạt cương thường
Buồn tôi man mác tận nguồn mưa xưa.*

CHÓN ĐẤT XƯA

*Mai kia vắt áo về bên núi
Thả lá trôi về chón đất xưa
Này chén nắng mưa chùng đã nguội
Đánh giọt rơi đều xuống túi thơ*

*Về giữa thêm trăng thời thơ dại
Tác lòng nguyên vẹn những mầm xanh
Tắm áo nằm im thom mùi vải
Phố còn nguyên đất, phố mùa xuân*

*Gió dậy phù sinh say lướt khướt
Tóc tai xanh mượt lượn ba đào
Vút một đường bay con diều giấy
Chưa biết về đâu, rớt nơi nào*

*Rót nắng đông đây con gió bụi
Ta mang hoa trái với tro tàn
Rắc xuống đời sau sương hay khói
Thức giấc chưa tàn nửa nén nhang.*

thơ **LÝ THỪA NGHIỆP**

HAI NGẢ ĐẠO ĐỜI VÀ BỐN PHẬN NGƯỜI PHẬT TỬ TRƯỚC CỬA NGÕ THỜI ĐẠI

HT. Thích Đức Nhuận

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Nếu quan niệm rằng: Phật giáo chỉ như một tôn giáo không thôi, thì đạo Phật chỉ là đất dung thân của những người chán đời hay thất vọng tình đời đi tu, mong thoát cảnh khổ não của cõi thế gian này. Hay nói một cách khác là Đạo Phật chỉ chủ trương xuất thế chứ không nhập thế. Chỉ giải quyết nhân tử quan chứ không giải quyết nhân sinh quan. Sở dĩ có những hiểu lầm trên, vì dưới chế độ thực dân thống trị gần một thế kỷ, các nhà tu hành chỉ được phép phát triển khía cạnh tôn giáo trong một phạm vi rất nhỏ hẹp, rất thiếu thốn, và rất vô tổ chức, nên riêng về khía cạnh Đạo cũng đã bị xuyên tạc, nói gì đến việc chuyển hiện đạo Phật vào cuộc đời.

Sự thực cho ta thấy Phật giáo đã là lẽ sống muôn thuở của con người rồi, nên người theo ngả Đạo, tất phải tu hành theo phương pháp mà đức Phật đã chỉ dạy trong các kinh điển: diệt tham, sân, si để thân tâm trở nên trong sáng; không bị phiền não dục vọng ràng buộc, hầu thoát kiếp luân hồi, thành bất sinh bất diệt. Còn phần Đời, theo Phật giáo, là lẽ sống hiện tại của con người, con người cần giác ngộ lập trường Người tử tiếu ngã đến đại ngã, để giải thoát cho con người khỏi những đè nén của tự nhiên, giải thoát cho con người khỏi những khổ não bởi con người gây ra, hầu xây dựng một xã hội công bình, hạnh phúc trên căn bản vì người. Nói tóm lại, Phật giáo là Đạo GIẢI THOÁT cho con người về mọi mặt.

1. ĐỨNG VỀ PHƯƠNG DIỆN ĐẠO:

Phật giáo chủ trương giải thoát con người khỏi tự nhiên chi phối trong kiếp sống hiện tại để tạo nên một lý tưởng sống muôn thuở. Cho nên người tu hành phải hy sinh cái hiện tại giả tạo để tiến tới tương lai vĩnh cửu. Đức Phật Thích Ca tuy đang ở ngôi vị cao sang cũng đã nghĩ tới lẽ sống trường cửu cho con người, bỏ đi tu để mong thoát cảnh luân hồi. Ngài muốn vượt lên, muốn thoát khỏi tất cả mọi lẽ sống, già, bệnh, chết của vô thường. Ngài đã thành công và truyền lại những phương pháp hữu hiệu để hướng dẫn cho con người tìm về với ánh sáng Đạo.

Đạo của Ngài cao siêu quá. Tập tài liệu nhỏ này không dám lạm bàn tới lẽ Đạo, mà chỉ muốn nói đến lẽ Đời trong Phật giáo để góp phần xây dựng một xã hội lý tưởng trên nền tảng Phật mà thôi.

2. ĐỨNG VỀ PHƯƠNG DIỆN ĐỜI:

Phật giáo chủ trương giải thoát con người về cả hai phương diện: Khổ não tự nhiên và khổ não do con người.

a. Khổ não của tự nhiên:

Sự đau khổ của con người ngay từ khi có loài người, là những khổ não của tự nhiên đã đè nặng lên kiếp sống của con người. Cho nên, công việc đầu tiên của con người là phải chống lại tất cả những khổ não tự nhiên đó, như nghĩ cách làm nhà để tránh mưa nắng, may quần áo che gió rét, kiếm thuốc men trị bệnh tật. Rồi từ chỗ tạm ổn định được nơi ăn, chỗ ở, con người còn phải lo trồng cây trái, đào kinh dẫn nước, đắp đập ngăn sông bảo vệ mùa màng, chăn nuôi gia súc. Từ hình thức sống thấp nhất đến trình độ kỹ thuật cao nhất ngày nay. Con người vẫn còn phải mang bộ óc và bàn tay ra cho đời sống loài người sinh sản ngày một nhiều. Cái mục tiêu tranh đấu với tự nhiên để giúp ích cho đời sống người, dù chưa đạt tới mức độ thắng hẳn tự nhiên như Phật đã thắng ở khía cạnh Đạo, dù đứng ở cương vị Đạo hay Đời, con người của hiện đại cũng phải công nhận tinh thần Phật giáo là tinh thần khoa học.

b. Khổ não do con người:

Sau khổ não của tự nhiên, con người còn làm khổ lẫn nhau. Vì thiếu giác ngộ Phật tính, vô tổ chức trong việc gieo nhân, khiến lòng tham của thú tính nổi dậy giằng xé nhau, giết hại nhau để tạo nên những nền văn minh rất dã man của kẻ thắng lẫn người bại.

Lịch sử loài người ghi chép toàn chuyện chiến tranh, hết chiến tranh này tới chiến tranh khác. Cuộc đời là một trường tranh đấu thiên diễn tới vô tình. Nhiều nhà Đạo đức đã bị quan đến độ cho rằng: Loài người sắp đến ngày tận thế, khi thấy khoa học tự nhiên đã tiến tới chỗ có thể làm tan trái đất thành tro bụi, bởi vũ khí hạch tâm do con người sáng chế ra, để rồi quay lại tàn sát chính con người. Hình ảnh chết chóc của loài người đã hiện ra trước mắt mà chính những kẻ gây ra sẽ phải lãnh trước. Luật nhân quả của nhà Phật một lần nữa được chứng minh ngay ở quốc gia vô tôn giáo và khác tôn giáo. Tinh thần khoa học Phật giáo đang được các nhà thức giả phục hưng để giải quyết mâu thuẫn tư tưởng, cứu vớt loài người khỏi ngày tận thế đó.

Thế nghiệm trong đau thương và là nạn nhân của thời đại, Phật tử Việt quyết giờ cao đức tuệ soi đường giải thoát cho mình, cho người, tìm về chân lý.

Lý tưởng Phật trong đời sống sẽ vạch ra một phương châm chính trị đúng đắn nhất. Tinh thần Phật sẽ giác ngộ con người sử dụng mọi phát minh khoa học phụng sự nhân sinh, chứ không phải để

tiêu diệt nhân loại. Phật tính trong con người sẽ sống dậy, xua đuổi hết thú tính, và giải thoát hết mọi khổ não của tự nhiên cũng như tự thể của mỗi người. Phật giáo đã sống dậy bởi cái khổ cùng cực của con người không muốn bị tiêu diệt.

3. BÓN PHẬN CỦA PHẬT TỬ TRƯỚC CỦA NGŨ THỜI ĐÀI:

Người theo Phật giáo sau khi nhận định rõ hai ngã Đạo-Đời chỉ là một. Dù lẽ Đời là một giai đoạn của lẽ Đạo, hình thức sinh hoạt của tu sĩ theo Đạo và hình thức sống của dân chúng vẫn không khác nhau, nhất là cái tinh thần không câu chấp của Phật giáo, đôi khi đã khiến các tu sĩ làm việc đời như những chiến sĩ khi lâm biển.

Để giữ vững lập trường Đạo để giúp việc Đời, hai nhà cách mạng đạo đức Huỳnh Phú Sổ và Lý Đông A cũng đã khởi nguồn từ lẽ Đạo để nhập thế theo ngã đời, và sẽ xuất thế theo ngã Đạo khi việc Đời đã giải quyết xong.

Vị lãnh tụ họ Huỳnh, người sáng lập ra Phật giáo Hòa Hảo và Đảng Dân Xã đã cương quyết vung bảo kiếm vào đời:

"Tuốt gươm vàng lên ngựa xông pha
đền xong nợ nước thù nhà
Thiền môn trở gót Phật đà nam mô."

Còn vị thủ lĩnh họ Lý, người đã dựng lên học thuyết Duy Dân thẳng nghĩa cũng chủ trương tương tự như thủ lĩnh họ Huỳnh, là:

"Chèo sang một bến Cực lạc
vớt lấy trăm bể trầm luân
làm tròn giấc mộng tiền sinh ấy
trở lại hang sâu nhập niết bàn."

Những phương pháp tranh đấu cao độ của các nhà lãnh tụ tôn giáo từ ngã Đạo qua ngã Đời, hoặc từ ngã Đời sang ngã Đạo chúng minh rõ Phật giáo như thế nào rồi.

Riêng đối với những người đã giác ngộ hay chưa giác ngộ chủ trương của Phật giáo, cần lưu ý hành động của mình trước hai ngã Đạo và Đời.

a. Khi lâm biển, việc Đời phải lo trước việc Đạo. Vì đời có thịnh Đạo mới hưng; xã hội có yên việc tu hành mới không bị phá hoại.

b. Lúc bình thường, việc tu dưỡng đạo đức để nâng cao giá trị con người của mỗi người cũng rất cần thiết, dù người đó chỉ hành nghiệp của Bồ Tát mang thân mình ra phụng sự Đời.

Tại sao vậy?

Ví: "Đạo Phật là một phương pháp để giác ngộ con người tới chân lý." Phương pháp đó có thể làm lợi cho tất cả mọi người, chứ không phải chỉ dành riêng cho các tu sĩ trong Phật giáo.

Để kết luận, đặt ra vấn đề Minh danh Phật, là nhằm mục đích mở đường cho việc tìm hiểu "Tinh thần Nhân chủ xã hội Phật giáo," tuy chưa đủ sáng tỏ đối với một giáo lý như giáo lý của Phật. Nhưng, với cái nhìn ở một góc cạnh chính trị về Phật giáo, tưởng cũng không phải là vô ích, đối với phong trào cách mạng dân tộc hiện nay.

THÍCH ĐỨC NHUẬN

(Trích "Xây Dựng Nhân Sinh Quan Phật Giáo"
của Thái Đạo Thành, Tu Thư Vạn Hạnh xuất
bản 1973)



TAM BẢO

Phật bảo là đây, hy hữu thay
Nhu Lai thị hiện thế gian này
Thế Tôn danh hiệu người xưng tán
Mở đường giải thoát sáng tương lai
Một hôm trời biếc ánh sao mai
Tri huệ bừng lên giác ngộ rồi
Nhân loại theo đường thầy chỉ lối
Ân đức dày sâu Tối Thắng Tôn
Pháp bảo lưu hành lắm pháp môn
Căn cơ đại chúng vốn không đồng
Địa dư, văn hóa nhiều giòng giống
Mật - hiển, tịnh - thiền tông khác cơ
Lăn lộn tử sanh vốn vật vờ
Tứ đế giảng bày để độ ta
Khô, tập, diệt, đạo là tất cả
Sự thật nhân sinh đã rõ ràng
Soi sáng nhân thiên ánh đạo vàng
Ba ngàn thế giới pháp âm vang
Bắc - nam tuy có nhiều sai biệt
Cốt lõi nương theo quyết bảo toàn
Trung đạo đường tu bỏ cực đoan
Bát chánh noi theo mãi mãi còn
Lục độ nâng cao tròn đại nguyện
Bồ đề quả mãn thiện nhân duyên
Tăng bảo sa môn vốn tinh chuyên
Tu tâm tịnh hóa hết ưu phiền
Thường lạc tháng ngày thiền lâm xứ
Tự độ độ tha cử pháp hành
Thiền thất không môn bốn tịnh thanh
Truyền thừa quảng bố những tinh anh
Tam bảo danh xưng và tự tánh
Muôn đời tôn quý ánh quang minh.

thơ ĐỒNG THIỆN

VỀ THĂM HUẾ TRONG MƠ

Tôi bước vội vào ghé vừa ngồi xuống,
Cửa máy bay đã khép lại đàng hoàng,
Cô chiêu đãi vừa cất tiếng oang oang,
Kêu gọi mọi người tuân hành luật lệ,
Tôi an nhiên và đã ngồi chễm chệ,
Mắt hướng về khung cửa nhỏ nhìn ra,
Thấy cây cảnh bên ngoài chạy ngược lại,
Chung quanh tôi, mọi người đều thoải mái...
Tôi nghĩ rằng ai nấy cũng giống tôi,
Chẳng có mấy ai muốn nói hay cười,
Mà để nghe cô chiêu đãi dặn lời...
Bên ngoài phi đạo choáng đầy huyền ảo...
Tiếng động cơ các chuyến sẽ bay lên,
Mỗi một tàu đều có hướng bay riêng,
Tàu vượt không gian tôi thờ thần một mình...
Vị sắp được: một ngày đầy kỷ niệm,
Bao hồi ức đã lần về trong lưu luyến,
Lòng mừng vui vài ngày nữa được về quê,
Hơn hờ làm sao khi được nhìn trời Huế...
Giữa mùa xuân hoa rộn nở xum xuê,
Bao thân nhân bè bạn tụ nhau về,
Chuẩn bị đón tôi sau những ngày xa cách,
Ra khỏi máy bay trên tay cầm xách,
Đã thấy mọi người đồng thanh reo vẫy:
Thầy xa mặt nhưng không thể cách lòng,
Mắt tôi đắm đĩa và lòng đầy xúc động,
Bắt tay vị này chưa kịp buông thì đã:
Vị kia vỗ tới ôm choàng mừng rỡ,
Thế rồi tất cả đều bước lên xe,
Từ già sân bay chạy ngay về Huế,
Điều trước nhất, tôi chỉ muốn về chùa
Xe chạy boong boong lòng tôi rộn rã:
Mong đến chùa để đánh lễ Tôn sư,
Trước đi ánh Thầy tôi thật nghiêm từ,
Tay cầm phủ phát, đôi mắt thần khí,
Tôi sụp lạy và xin Ôn hoan hỷ,
Vị đường tu: ngày xưa con lạy Ôn là thế...
Xin Ôn đủ lòng thương và xá kỷ,
Con ghi lòng về lại Mỹ cố tu,
Vị hoàn cảnh thấy trò đành đôi ngả...
Thân thăm chư huynh đệ mới cũ ở chùa...
Ngôi cổ tự bây giờ đã sửa lại khác xưa,
Kế đó rời chùa về thăm mô mã,
Thăm bà con bè bạn với xóm làng,
Trước mộ song thân xúc động bàng hoàng,
Mới đó, hơn bốn mươi năm xa cách,
Tôi phủ phục thấp hương và khấn nguyện:
Nguyện song thân được: trực vãng lạc bang.

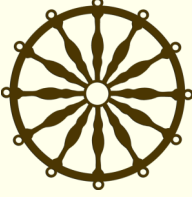


Thăm mô mã xong, quay về thành Huế,
Đi một vòng để ngắm cảnh sông Hương,
Cũng dòng sông đỏ với những con đường,
Rất thân quen và đọng đầy kỷ niệm...
Phủ Văn Lâu nay vẫn còn nguyên vẹn,
Cầu Trường Tiền, Bạch Hổ đối diện nhau,
Rồi bạn bè cùng tôi bước qua cầu,
Và lên xe để trở về lại Mỹ,
Ôi! Chào già biệt Huế đô, chùa Linh Mục,
Chùa Từ Đàm, dốc Nam Giao, núi Ngự,
Trường nữ sinh Đồng Khánh với Bò Đê,
Nguyễn Tri Phương, Hàm Nghi cùng Quốc Học,
Đã dày công đào luyện các đảng anh hùng,
Cùng nắm tay một dạ với non sông,
Không khuất phục dù phương Bắc đe dọa...
Vị vận nước nên mỗi người một ngã,
Nghĩ đến đó, tôi úp mặt khóc òa...
Bước xuống xe rồi mọi người quay gót,
Chỉ một mình tôi xách cái túi cầm tay,
Rồi rảo bước ra máy bay đứng đợi,
Tôi thờ thần đang nghĩ những ngày qua...
Đôi mắt đắm lệ chảy tràn xuống má,
Lòng thôn thức thì chuông đã giục già...
Bừng tỉnh giấc, tan kỷ niệm trong mơ,
Nó tan theo giấc ngủ tự bao giờ,
Còn đâu nữa mơ... về Huế đô thăm lại?...

Trọng xuân Nhâm dần, Feb. 10th, 2022

thơ

ĐIỀU NGỰ TỬ TÍN NGHĨA



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION

HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH
COUNCIL OF MANAGEMENT
CENTRAL OFFICE

4717 W. First Street, Santa Ana, CA 92703 – U.S.A. | Tel.: (714) 548-4148 / (714) 571-0473

CÁO BẠCH

HÒA THƯỢNG THÍCH ĐỒNG TUYÊN VIÊN TỊCH

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật,

Kính bạch chư tôn Thiên Đức Tăng, Ni,
Kính thưa quý Thiện Nam Tín Nữ Phật Tử,

Hội Đồng Giáo Phẩm và Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ thành kính cáo bạch:

Hòa thượng Thích Đồng Tuyên, tự **Hạnh Hưng**, thuộc dòng Lâm Tế Chánh Tông đời thứ 42; thế danh Trương Thái Siêu, sinh năm Ất Dậu 1945; thành viên Hội Đồng Giáo Phẩm, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Giáo Dục Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK; Trụ trì Chùa Đại Bảo Trang Nghiêm, thành phố Hayward, tiểu bang California, Hoa Kỳ, đã viên tịch vào lúc 6 giờ chiều, ngày 20 tháng 3 năm 2022 (nhằm ngày 18 tháng 2 năm Nhâm Dần), thế thọ 78, lập thọ 58.



Chương trình Tang Lễ sẽ được thông tri đầy đủ đến chư tôn Thiên Đức và quý Thiện nam Tín nữ qua Thông Tư sắp tới của Giáo Hội.

Ngưỡng mong chư tôn Thiên Đức trong mười phương nhất tâm hộ niệm: Giác Linh Hòa thượng Thích Đồng Tuyên cao đăng Phật quốc.

Thành tâm khuyến thỉnh chư tôn đức Tăng, Ni, quý Cư Sĩ, các Chùa, Tự Viện, Niệm Phật Đường là thành viên của GHPGVNTNHK, tùy điều kiện thiết lễ cầu siêu tưởng niệm cho Giác Linh Hòa thượng tân viên tịch thượng phẩm thượng sanh, hồi nhập Ta-bà, phân thân hóa độ.

Chùa Đại Bảo Trang Nghiêm tọa lạc tại số 2553 Darwin Street, Hayward, CA 94545.

Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật thùy từ chứng minh tiếp độ.

Phật Lịch 2565, Santa Ana, ngày 21 tháng 3 năm 2022

Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK,

Chủ Tịch

Sa Môn Thích Tín Nghĩa

CHIẾN TRANH VÀ BẤT BẠO ĐỘNG

Nguyên tác: “*Religion and Society*” by S. RADHANKRISHNAN

HT. Thích Quảng Độ dịch

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

LỜI DỊCH GIẢ

Không ai có thể phủ nhận được rằng chiến tranh là một tội ác, là một hình thức dã man. Nó là hiện thân của đau khổ, chết chóc, tàn phá và hủy diệt. Ngôn ngữ loài người không đủ để nói lên những hậu quả thảm khốc và tàn nhẫn của nó. Trên thế giới hiện nay, hơn bất cứ dân tộc nào, chỉ có dân tộc Việt Nam mới cảm nhận được một cách sâu xa và thấm thía tất cả những hậu quả đó.

Nhưng, trong cái thời đại mà con người rất tự hào về nền văn minh của mình, đã đặt được chân lên nguyệt cầu; tóm lại, là đã chinh phục được thiên nhiên, đã lột bỏ được lối sống của “rừng rú”, người ta có còn nên dùng hình thức chém giết, chết chóc và tàn phá để giải quyết những sự bất đồng về quyền lợi kinh tế, chế độ xã hội và ảnh hưởng chính trị nữa không? Những cái đó có giá trị gì cao hơn chính sự sống của chính con người? Đã đến lúc các vấn đề này cần được đặt thẳng với các nhà lãnh đạo thế giới còn chút lương tri, tự gán cho mình cái trách nhiệm đối với vận mệnh nhân loại (dưới chiêu bài dân chủ, tự do, thường được dùng như một đàn cừu làm công cụ cho những tham vọng cá nhân).



Về vấn đề này, S. Radhakrishnan đã bày tỏ nhiều trong tác phẩm *Tôn giáo và Xã hội* của ông. Cuốn sách này gồm những bài diễn thuyết ông đọc tại các đại học Calcutta và Benares vào mùa đông năm 1942. Tập sách này chúng tôi trích dịch tập I và II trong tác phẩm nói trên và đặt chung vào một tiêu đề **Chiến Tranh và Bất Bạo Động**. Chúng tôi đã không dịch trọn bộ vì những đề mục kia phần nhiều chỉ nói về Ấn Độ, không có tính cách phổ biến. Độc giả nào muốn biết về tư tưởng, nếp sống cũng như những phong tục, tập quán của người Ấn, có thể tìm đọc trong cuốn “*Religion and Society*” by S. Radhakrishnan do nhà xuất bản George Allen and Unwin LTD ấn hành.

S. Radhakrishnan là một nhà triết học nổi tiếng của Ấn Độ hiện đại; ông đã viết rất nhiều

sách, trong đó bộ lớn nhất là bộ Triết Học Ấn Độ (*Indian Philosophy*). Ông cũng là một chính khách có tài. Sau khi Ấn Độ thu hồi thống nhất, ông được bầu làm phó Tổng thống và khi bác sĩ Rajendra Prasad từ trần, ông lên kế vị làm Tổng thống. Năm 1966, vì già yếu, ông đã rời bỏ chính trường để tịnh dưỡng.

Sàigon mùa xuân Canh Tuất 1970
Thích Quảng Độ

CHIẾN TRANH VÀ BẤT BẠO ĐỘNG

I. CUỘC KHỦNG HOẢNG HIỆN TẠI

Chúng ta đang ở vào trong một giai đoạn quyết liệt nhất của đời sống nhân loại. Chưa bao giờ trong lịch sử loài người lại có quá nhiều người phải mang những gánh nặng đau đớn dày vò tâm can đến như thế. Chúng ta đang sống trong một thế giới mà những thảm trạng đã trở thành phổ biến. Mọi truyền thống và tập tục đang bị lung lay tận gốc. Những tư tưởng cho đến hôm qua vẫn còn là “khuôn vàng thước ngọc”, đã có thể hướng dẫn và qui định hành vi con người hàng bao nhiêu thế kỷ, thì hôm nay đã bị quét sạch. Thế giới rách nát vì những hiểu lầm, nghi kỵ, tranh giành. Bầu không khí tràn đầy những bất trắc và lo âu cho tương lai. Những thống khổ và cực nhọc của con người ngày càng tăng, sự khó khăn về kinh tế, các cuộc chiến tranh trên một quy mô lớn, sự bất đồng ý kiến trong các cuộc hội nghị cấp cao và tính lì lợm của những kẻ cầm quyền đang muốn và kéo dài một trật tự đang sụp đổ, muốn cứu một nền văn minh khập khiễng bằng bất cứ giá nào, tất cả những thứ đó đang thức tỉnh một tinh thần, mà bản chất là cách mạng, trên khắp toàn cầu. Danh từ “cách mạng” không phải luôn luôn chỉ các cuộc bạo động của quần chúng và tàn sát giai cấp thống trị. Bất cứ sự đòi hỏi cấp bách nào về sự thay đổi triệt để nền tảng của đời sống văn minh đều là đòi hỏi cách mạng. Tiếng *cách mạng* dùng theo hai nghĩa: 1. Sự nổi dậy đột nhiên và bạo động kết quả đưa đến một cuộc chính biến, chẳng hạn như cuộc Cách Mạng Pháp cuộc Cách Mạng Nga; 2. Sự chuyển tiếp dần dần qua một thời kỳ từ một chế độ xã hội này qua một chế độ xã hội khác, chẳng hạn như cuộc Cách Mạng Kỹ Nghệ Anh. Cái làm cho một thời kỳ có tính chất cách mạng không phải là sự thật thay đổi thường thấy trong lịch sử, mà là do mức độ thay đổi. Sở dĩ thời đại hiện tại là thời đại cách mạng là vì cái mức độ thay đổi quá nhanh. Xung quanh ta, đâu đâu cũng nghe tiếng đổ vỡ, những đòi hỏi thay đổi trong cơ cấu xã hội, chính trị và kinh tế, trong những lĩnh vực tín ngưỡng, tư tưởng, trong những

phạm trù căn bản của con người. Các nhà trí thức, sáng suốt và tinh táo, nhận thấy cái gì sai lầm ngay từ nền tảng của những cơ cấu chính trị, kinh tế và kỹ nghệ hiện tại, và người ta phải sửa đổi những khuyết điểm đó nếu muốn cứu vãn nhân loại.

Các nhà khoa học cho ta biết, trái đất có thể bị tiêu diệt bằng nhiều cách. Nó có thể bị hủy diệt khi nguyệt cầu tiến lại gần trong một tương lai xa vời, hay bởi mặt trời nguội lạnh đi. Một vì sao chổi có thể va vào trái đất, hay một thứ hơi độc có thể thoát ra từ chính trái đất. Tuy nhiên tất cả những cái đó chỉ là những khả-năng-tính xa vời, trong khi ấy rất có thể con người sẽ tự diệt bởi chính những hành động có tính toán của chính con người, bởi tính xuẩn động và ích kỷ đã "thâm căn cố đế" trong bản tính của con người. Thật mỉa mai, chua chát, lẽ ra chúng ta đã được sống một cuộc sống sung sướng trên trái đất này và biến nó thành một lạc cảnh cho tất cả mọi người nếu chúng ta chỉ dành một phần rất nhỏ những năng lực hiện đang dùng vào việc kiện toàn bộ máy chiến tranh [1] thì, ngược lại chúng ta đã để mặc cho chết chóc và tàn phá hoành hành. Một khuynh hướng tàn phá mù quáng hình như đã ám ảnh con người, và nếu không chặn đứng kịp thời, chúng ta nhanh chóng đi đến tiêu diệt hoàn toàn và sửa soạn cho một thời đại trí thức tâm tối, đạo đức man rợ, trong đó tất cả những thành quả cao đẹp của con người ở quá khứ chỉ còn là một đồng tro tàn. Cái thảm trạng ấy chắc chắn sẽ làm cho chúng ta đau đớn, vô xé cả thể chất lẫn tâm hồn. Chúng ta đang sống trong một thời kỳ đầy lo âu. Cả thế giới đang chìm trong trạng thái hôn mê.

Chúng ta đặt tất cả hy vọng tương lai vào những người có tâm hồn cao cả sẽ mang lại cho thế giới niềm hoan lạc và tươi sáng hơn. Trong mấy chục năm gần đây, không những chúng ta đã có sự phát triển về vật chất mà ngay cả ý thức đạo đức và tình cảm xã hội cũng đã tiến bộ một cách rõ rệt. Ước vọng đem áp dụng thành quả của công cuộc phát minh khoa học vào việc cải thiện đời sống càng ngày càng tăng. Ý thức trách nhiệm và quan hệ giữa người với người cũng đã phát triển trông thấy. Những chiến dịch chống lại việc bắt trẻ con làm việc nặng nhọc, quy luật lao động, trợ cấp người già cả và bồi thường cho những tai nạn v.v... là một vài thí dụ cho thấy ý thức về nghĩa vụ đối với mọi người trong xã hội đang tăng gia. Chưa bao giờ trong lịch sử thế giới người ta thấy ước vọng hòa bình lại tha thiết và lòng thù ghét chiến tranh lại mãnh liệt như hiện nay. Lòng dũng cảm bao dung và sự hy sinh không vụ lợi của hàng triệu con người trong cuộc chiến tranh này đã chứng minh sự tiến bộ về ý thức đạo đức và tình thương nhân loại.

Sự việc đang xảy ra hiện nay không phải chỉ ảnh hưởng đến vận mệnh của một quốc gia, Anh, Đức, Nga hay Hoa Kỳ mà liên quan đến toàn thế giới. Nó không phải chỉ là một cuộc chiến tranh, nhưng là một cuộc cách mạng xã hội trong đó chiến tranh là một cục diện, một sự thay đổi toàn thể tư tưởng và những cơ cấu, một cuộc khủng hoảng đến tận nền tảng của nền văn minh của chúng ta. Lịch sử đã đặt thế hệ chúng ta vào một thời kỳ như thế và chúng ta phải cố gắng hướng dẫn cuộc cách mạng như phận sự lý tưởng chung. Chúng ta không thể xoay ngược cuộc cách mạng.

Nền trật tự cũ, cha đẻ của những Hitlers, Mussolinis và Tojos, phải được đập đổ. Những ai chiến đấu chống lại bọn họ phải nhận chân rằng, ngay bây giờ và tại đây, mình đang đặt cơ sở cho một nền trật tự tự do mới. Chúng ta phải can đảm nếu chúng ta muốn hòa bình và chặn đứng mọi mầm mống gây ra tai họa cho tương lai. Để có được hòa bình lâu dài, chúng ta phải diệt trừ những yếu tố gây ra chiến tranh, và phải thành thật trong cách sống mới, có nghĩa là chúng ta phải gạt bỏ những quan niệm cố chấp sai lầm. Chúng ta đừng vì lòng căm thù, vì những nỗi thống khổ bởi sự xâm lăng mà phán đoán kẻ thù một cách bất công. Ngay với kẻ tàn bạo chúng ta cũng phải thể hiện tình nhân đạo; chúng ta hãy nhìn về tương lai và đừng để lòng thù hận nhỏ nhen vô ý thức làm lu mờ cái viễn tượng huy hoàng của nó.

Thế giới đang đứng giữa ngã ba đường và chỉ có hai lối để lựa chọn: đó là tổ chức nó thành một khối hoặc là những cuộc chiến tranh định kỳ. Chúng ta tạo ra xã hội trong đó chúng ta sống. Ta là chủ nhân ông của các chế độ mà vốn đã đi theo một đường hướng sai lầm và ta phải tìm ra một phương thuốc để cứu chữa cái xã hội bệnh hoạn này. Nếu, cho tới giờ đây, nền văn minh đã tiến bộ mà nhân loại hiện đang quặn quai trong đau khổ, điều đó không có nghĩa là nó đang bị một tiến trình lịch sử tàn bạo đưa đến sự tự diệt. Những thời kỳ sáng tạo lại là những thời kỳ nhiều thống khổ [2]. Thế giới sẽ phải trải qua một giai đoạn nhiều khủng hoảng trước khi tiến tới sự quân bình mới. Mặc dầu chậm chạp, đôi khi còn thụt lùi nữa, nhưng nhất định nhân loại sẽ phải đi đến một thế giới tốt đẹp hơn. Nhưng tiến trình ấy còn tùy thuộc vào lòng dũng cảm và trí khôn ngoan của con người. Những mục đích xây dựng có thể cứu vãn nhân loại thường đã bị bỏ quên, không phải vì thiếu thiện chí, nhưng vì đầu óc hỗn loạn và tính rụt rè của con người.

(trích từ tác phẩm Chiến Tranh và Bất Bạo Động, HT. Thích Quảng Độ dịch)

[1] Cp. Samuel Butler: "Chi trừ loài người, còn tất cả động vật đều biết rằng mục đích của cuộc sống là hưởng thụ nó."

[2] Cp. "Con người hiện đại đã đến điểm cao nhất, nhưng ngày mai họ sẽ bị vượt qua; thật vậy họ là sản phẩm cuối cùng của một thời kỳ triển khai lâu dài, nhưng, đồng thời, cũng là mỗi tuyệt vọng đau đớn nhất của niềm hy vọng của loài người. Chính họ cũng nhận thấy điều đó. Họ đã thấy khoa học, kỹ thuật và tổ chức đã mang lại lợi ích như thế nào nhưng chúng cũng gây ra tai biến như thế nào rồi. Họ cũng đã thấy những chính phủ 'mạnh' dọn đường đến hòa bình theo nguyên tắc 'trong hòa bình, chuẩn bị chiến tranh'. Giáo Hội Thiên Chúa, Tinh Huynh Đệ nhân loại, nền Dân Chủ xã hội quốc tế, và sự 'liên đới' những quyền lợi kinh tế, tất cả đều đã thất bại trong cuộc thử lửa - đối diện với cái thực tế... Rốt cục, đằng sau biện pháp hòa dịu ấy vẫn có một mỗi hoài nghi đang nhắm găm. Tóm lại, tôi tin rằng tôi không phóng đại khi tôi nói rằng, về mặt tâm lý, con người hiện đại hầu như đã hứng chịu một đòn chí mạng, và kết quả, đã rơi xuống vực thẳm hoài nghi" - C.G. Jung, Modern Man in Search of a Soul, E.T. (1993), pp. 230-31.

NHẪN NHỤC - DỨT HẬN THÙ LÀ PHÁP TỐI THƯỢNG

Quảng Tánh

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG



"Một thời Đức Phật du hóa tại Câu-xá-di, trong vườn Cù-sư-la. Bấy giờ các Tỳ-kheo ở Câu-xá-di đã nhiều lần cãi vã nhau. Do đó Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo ở Câu-xá-di rằng:

- Nay các Tỳ-kheo, các người chớ cãi vã nhau.

Vì sao?

Nếu lấy tranh dứt tranh

Đời nào dứt cho xong

Nhẫn nhục dứt hận thù

Đó là pháp tối thượng".

(Kinh Trung A-hàm, phẩm Trường thọ vương, kinh Trường thọ vương bốn khởi, số 72 [trích])

Việc cãi vã, tranh chấp vụn vặt cũng thường xảy ra trong chúng Tăng từ xưa tới nay, âu cũng là chuyện bình thường với người mới tu và đang tu. Vì khi phiền não còn nhiều, chấp thủ còn nặng thì vướng mắc, rắc rối, rầy rà là điều khó tránh. Đáng nói là những cuộc tranh chấp dữ dội, kéo dài lại xảy ra vào thời Đức Phật khiến cho chúng ta trần trở, suy ngẫm thật nhiều về tập khí, nghiệp lực của con người.

Sự kiện chúng Tăng ở xứ Câu-xá-di (Câu-diêm-di, Pāli: Kosambī) bất hòa, tranh chấp căng đến độ Đức Phật cũng không khuyên can được nên bỏ vào rừng, đã cho thấy phiền não của hội chúng bấy giờ dâng cao đến ngút ngàn. Một khi đã tức giận, quyết hơn thua thì mù lòa và mê muội, mọi thứ đều bỏ ngoài tai, kể cả lời khuyên của Thế Tôn. Kinh, Luật (*Mahāvagga, Tứ phần, Thập tụng*) đều ghi lại rõ ràng, chi tiết cuộc tranh chấp này để răn nhắc cho hàng hậu học. Sự việc này cho thấy quan điểm của Đức Phật, nếu không có bạn lành, hội chúng không hòa hợp thì thà sống một mình cô độc trong rừng vắng còn hơn.

Đức Phật đã nhiều lần răn dạy nếu cứ tranh chấp, đấu đá, hơn thua thì câu chuyện bất hòa sẽ kéo dài đến vô tận. Nhân sao thì quả vậy, phải dùng nhẫn nhục và từ bi, hai phía đều thấy mình

sai thì mới có thể ngồi lại và tìm ra cách giải quyết vấn đề. Còn ai cũng thấy mình đúng thì kết cục lại sai. Muốn tắt lửa thì phải rút bớt củi, cần buông cái tôi xuống, càng bớt chấp thủ mới có thể tìm được tiếng nói chung. Bất hòa nhiều vô kể nhưng đều có nguồn gốc từ danh lợi và chấp thủ hẹp hòi.

Nhiều bản kinh đã nói đến từ bi diệt hận thù. Pháp thoại này Thế Tôn nhấn mạnh đến nhẫn nhục là liệu pháp để hóa giải tranh chấp và thù hận. Nhẫn nhục là sự chịu đựng trong an tĩnh, là bản lĩnh của những người có sức sống nội tại mạnh mẽ. Chuyện gì cũng có cách giải quyết thấu tình đạt lý để đôi bên cùng có lợi nếu biết dẫn lòng mà ngồi xuống với nhau. Nôn nóng, hấp tấp, vội vàng rồi để xảy ra manh động, xô xát, xung đột chỉ đem lại thiệt hại cho cả hai.

Những ai đã trải qua xung đột và chịu nhiều thiệt hại mới thấm thía rằng, phải chi ngày ấy chịu dẫn lòng một chút thì giờ đây mọi chuyện sẽ khác. Khi người ta quyết đấu mà mình nhẫn được thì chẳng khác nào cú tung cước vào hư không. Không có điểm tựa để phản hồi lực thì người ra đòn liền rơi vào hụt hẫng, thậm chí tự ngã nhào. Nên nhẫn được là dừng, là sức mạnh thực sự của người trí chứ không phải nhẫn là nhục như nhiều người lầm tưởng.

Nhẫn được trong thời khắc quan trọng thì không xảy ra tai họa. Nhẫn chịu và kìm nén được mới có thể khai triển từ bi. Bởi tâm nóng giận và yêu thương không thể đồng thời có mặt. Chúng như nước và lửa luôn loại bỏ lẫn nhau. Một khi tức giận lên cao bùng bùng thì lấy từ bi ở đâu mà xoa dịu, tưới tắm. Vì thế cần khai triển nhẫn nhục trước, đây là bước đệm vô cùng quan trọng, là khoảng lặng cần thiết để huy động tâm từ. Vì thế, Đức Phật mới chỉ ra, nhẫn nhục là pháp tối thượng để dập tắt sân hận.



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT

The Unified Vietnamese Buddhist Congregation

VĂN PHÒNG ĐIỀU HỢP LIÊN CHÂU

The Inter-Continental Co-ordination Office

* Principal office: Pháp Bao Temple: 148-154 Edensor Road, St Johns Park NSW 2176 Australia
Tel: + 61.2.9610 5452, Email: phapbao@bigpond.net.au ; Website: www.phatgiaoucchau.com

BẢN LÊN TIẾNG

VỀ TÌNH HÌNH CHIẾN TRANH TRÊN ĐẤT NƯỚC UKRAINE

Thế giới đang chứng kiến cuộc chiến khốc liệt tại Ukraine. Chiến tranh đã chính thức khởi động vào ngày thứ Năm, 24 tháng 2 năm 2022, khi quân đội Nga tấn công sâu vào lãnh thổ Ukraine. Tổng thống Ukraine, Volodymyr Zelensky, đã cùng nhân dân quyết tâm bảo vệ lãnh thổ của tổ quốc khiến cho hầu hết các quốc gia và nhân dân trên thế giới cảm động và hết lòng ủng hộ. Chiến sự xảy ra suốt hơn 2 tuần qua khiến hơn 1 triệu dân Ukraine phải di tản qua các nước tự do láng giềng; hàng nghìn người dân vô tội đã bị tử vong hoặc thương vong dưới bom đạn từ quân đội Nga; nhiều thành phố, khu dân cư bị phá hủy nặng nề, và gần nhất, ngày 9 tháng 3 năm 2022, quân đội Nga đã ném bom vào một bệnh viện phụ sản ở thành phố cảng miền nam Mariupol của Ukraine khiến một số bệnh nhân phụ nữ, nhi đồng bị thiệt mạng hoặc bị thương.

Ngày thứ Năm, 10 tháng 3 năm 2022, Văn Phòng Cao Ủy Nhân Quyền Liên Hiệp Quốc báo cáo có ít nhất 549 dân thường bị thiệt mạng, trong đó có 41 trẻ em. Đó là chưa kể số tử vong từ quân đội hai bên mà ước lượng từ các nguồn tin quốc tế là con số hàng nghìn.

Đau lòng trước thảm họa chiến tranh khốc liệt đang xảy ra trên đất nước Ukraine, Văn Phòng Điều Hợp Liên Châu thuộc các Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Úc Đại Lợi và Tân Tây Lan, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Canada đồng thanh

LÊN TIẾNG:

1/ Kêu gọi quân đội Nga lập tức ngưng ném bom và bắn hỏa tiễn vào Ukraine, rút toàn bộ binh lính ra khỏi đất nước Ukraine. Dù viện dẫn bất kỳ lý do nào, sự việc đưa quân đội vào một đất nước khác, ném bom vào lãnh thổ nước khác, chúng tôi đều xem là hành vi xâm lăng, vi phạm Chương I, Mục đích và Nguyên tắc của Hiến Chương Liên Hiệp Quốc;

2/ Kêu gọi các nước lân bang của Ukraine cũng như các quốc gia tự do ở châu Âu mở rộng vòng tay tiếp nhận thêm người tị nạn Ukraine, giúp họ sớm ổn định cuộc sống và vượt qua tâm lý khủng hoảng vì chiến tranh, mất mát;

3/ Kêu gọi các nhà lãnh đạo các cường quốc trên thế giới dẹp bỏ tham vọng bá quyền dưới danh nghĩa của chủ nghĩa - ý thức hệ, không manh động dòm ngó hay xâm lấn các nước khác; bởi vì tấm gương nhân tiên của cuộc chiến tại Ukraine cho thấy nhân dân và quân đội của cả hai nước lâm chiến đều là nạn nhân thống khổ vì chiến tranh;

4/ Thiết tha kêu gọi chư tôn đức Tăng Ni và Phật tử Việt Nam trong nước cũng như hải ngoại, thể hiện lòng Từ Bi đối với khổ nạn của nhân loại, mỗi người tự nguyện nhường bớt một phần ăn, một phần tiền, để góp phần cứu trợ khẩn cấp cho đồng bào tị nạn Ukraine và quốc gia Ukraine đang trực tiếp hứng chịu thảm họa chiến tranh; khuyến thỉnh các đơn vị cơ sở thuộc Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại các châu lục, quốc gia tùy theo hoàn cảnh, tổ chức lễ cầu an vì hòa bình thế giới đồng thời gây quỹ từ thiện để tiếp ứng cho chương trình cứu trợ nhân đạo này.

Hải ngoại, ngày 12 tháng 3 năm 2022. Phật lịch 2566

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất
Văn Phòng Điều Hợp Liên Châu

Chánh Văn Phòng
Hội Chủ Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN Hải Ngoại tại Úc Đại Lợi—Tân Tây Lan
Hòa Thượng Thích Bảo Lạc

Chủ tịch Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN Hoa Kỳ
Hòa Thượng Thích Tín Nghĩa

Đệ nhất Chủ tịch Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN Âu Châu
Hòa Thượng Thích Tánh Thiệt

Chủ tịch Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN Hải Ngoại tại Canada
Hòa Thượng Thích Bổn Đạt

CHIẾN TRANH – NHÂN LOẠI TƯƠNG TÀN!...

Đừng ! Đừng ! Đừng ! ...

*U Krai na (Ukraine) vang trời bom đạn nổ
Ai gây chi cảnh khói lửa tương tàn?
Đẩy nhân dân vào lầm than khôn khổ
Bao đau thương, cảnh chết chóc lầm than !...*

*Có phải chăng bởi lòng tham không đáy
Muốn chiếm thâu, muốn mở rộng, ngang tàng?
Có phải chăng bởi lửa sân đốt cháy
Muốn đối phương phải quỳ gối, đầu hàng?*

*Có phải chăng bởi độc tài thống trị
Ý quân đông và vũ khí tối tân?
Theo ý thích, mặc tình ai suy nghĩ
Vì lợi riêng mà bất nghĩa, bất nhân?*

*Sông núi ai thì dân ai làm chủ
Quốc gia riêng và ranh giới rõ ràng
Không tranh đoạt như bao loài ác thú
Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn.*

*Khắp Âu Châu đã quyết tâm ngăn cản
Cả Hoa Kỳ cũng không nỡ làm ngơ
Sao nhắm mắt dăm lao vào bạo loạn?
Thây chất chồng, phổ thiêu rụi, xác xơ...*

*Người trốn chạy với hai bàn tay trắng
Lệ ngấm ngùi khóc tiễn biệt người thân
Cười ngạo nghễ, chờ tin vui đắc thắng
Xây công danh trên xác triệu người dân!?*

*Dốc tiền bạc đắp bồi cho quân lực
Rồi giết người, bao đổ nát tan hoang
Máu tuôn chảy vì bất công áp bức
Tham – Sân gây cảnh địa ngục trần gian.*

*Khi quyền lực tập trung vào chuyên chế
Họ không còn thức tỉnh với lương tri
Tùy hứng gây biết bao nhiêu thảm tệ
Chấp Ta đây, xem thế giới ra gì?*

*Có những người tưởng họ khôn tột đỉnh
Mãi leo thang lên ngất ngưỡng công danh
Họ đâu biết lòng Sĩ Mê lừa phỉnh
Chịu ngàn đời ô nhục với sử xanh.
Ai ca ngợi quân Mông Nguyên hung hãn
Khắp Đông Tây in vó ngựa trường chinh?*



*Ai đề cao Hít Le (Hitler) gây chiến loạn
Không lương tâm – chỉ tính lợi cho mình?*

*Bạn thấy đó khi không còn tự chủ
Khi ta là nô lệ của Tham Sân
Thì vợ vét biết bao giờ cho đủ?
Thì sá gì lẽ Thiện với điều Chân?*

*Ôi oan nghiệp của nhân sinh tương báo
Biết làm sao ngăn ngọn lửa chiến tranh?
Một nhóm người khiến triệu người khổ não
Tiếng kêu oan, thảm khóc, thấu trời xanh!...*

*Cơn dịch bệnh vẫn triển miên hành hạ
Rồi thiên tai, thêm khói lửa chiến tranh
Thế giới này biết bao giờ yên ả?
Nhân nhân đây kẻ cướp với lưu manh.*

*Nếu mai đây trái bom nguyên tử nổ
Vùi nhân sinh trong hủy diệt hoang tàn
Cơn ảo vọng gây bao nhiêu đau khổ
Triệu triệu người cảnh nước mắt, nhà tan...*

*Con thành tâm khẩn cầu chư Phật Thánh
Trái lòng từ thương xót khắp chúng sinh
Khiến hai bên chọn giảng hòa, ngưng đánh
Thương yêu nhau, cùng chung sống hòa bình.*

*Hãy chìa tay giúp nạn nhân cuộc chiến
Hãy làm vơi nỗi đau khổ lầm than
Tình nhân loại – họ đều là thân quyến
Cùng chung tay, góp sức giải nguy nan.*

*Người với người hãy yêu thương đùm bọc
Ban niềm vui, sống trọn vẹn nghĩa nhân
Làm xoa dịu nỗi đau ai đang khóc
Sống là cho – vì người khác quên thân.*

New York, 02/03/2022

thơ THÍCH ĐỒNG TRÍ

GIỚI THỨ TƯ, KHÔNG VỌNG NGŨ: BẢO VỆ HÒA BÌNH VÀ AN LẠC

The Fourth Precept: Protecting the Peace

By GIL FRONSDAL | Insight Meditation Center

Tâm Thường Định dịch Việt

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Về cơ bản, thực hành Phật giáo là sự rèn luyện trong hòa bình – và đạo đức Phật giáo đóng vai trò bảo vệ nền hòa bình này. Khi cảm giác thoải mái, hài hòa và bình tĩnh ngày càng sâu sắc với việc thực hành, chúng ta bắt đầu hiểu những lựa chọn đạo đức tác động đến trải nghiệm hòa bình của chúng ta như thế nào và chúng ta thấy rằng năm giới luật Phật giáo bảo vệ hạnh phúc của chúng ta.

Vì chúng ta thường xuyên nói chuyện và giao tiếp với người khác nên giới thứ tư – *tránh nói sai* – đặc biệt phù hợp trong cuộc sống hàng ngày của chúng ta. Sống theo giới luật này bảo vệ chúng ta và những người mà chúng ta tiếp xúc, khỏi bị tổn thương, phản bội và xung đột do vọng ngữ. Việc tránh nói sai thúc đẩy một xã hội hòa hợp và sự tin tưởng giữa các cá nhân mà sự hòa hợp xã hội phụ thuộc vào. Nó cũng hỗ trợ nền tảng của thực hành Phật giáo, nền tảng của cuộc sống của chúng ta dựa trên những gì là sự thật. Dưới đây là giành cho những ai có động cơ đi trên con đường hòa bình và tự do, hoặc hướng ngược lại.

Trung thực là chìa khóa để thực hành chánh niệm. Không thể có thực hành chánh niệm nếu không nhìn nhận một cách trung thực những gì chúng ta đang trải qua. Vọng ngữ can thiệp vào mục đích và sức mạnh của chánh niệm. Mặt khác, nói thật – tức là “chánh ngữ” – giữ cho chúng ta trong dòng chảy của chánh niệm, và việc giao tiếp có cơ hội hòa hợp với điều tốt đẹp nảy sinh thông qua thành ý của chúng ta.

Trạng thái điềm tĩnh, thư thái và an lạc cung cấp cho chúng ta những cơ sở tham chiếu quan trọng để sống theo giới thứ tư. Tương tự như cách một tấm vải sạch sẽ để lộ vết bẩn mới tốt hơn một tấm vải đã thấm đầy bụi bẩn, tâm trí bình tĩnh sẽ làm nổi bật sự kích động tốt hơn tâm trí bất an. Bởi vì nói dối kích động người nói dối, tâm trí thanh thản có thể tiết lộ cách mà sự không trung thực làm xáo trộn chất lượng cuộc sống nội tâm của chúng ta.

Vọng ngữ liên quan đến sự căng thẳng, gò bó và thu hẹp tâm trí, và nó thường tạo ra cảm giác sợ hãi bị phát giác. Nó cũng có thể dẫn đến mỗi căng thẳng về việc tiếp tục nói dối. Khi nói dối, chúng ta tạo ra khoảng cách với người khác vì không trung thực, ngăn cản khả năng xây dựng mối quan hệ dựa trên sự chân thành và hiểu biết lẫn nhau. Hơn nữa, nói dối để lại di chứng xấu hổ

và cảm giác tội lỗi sớm muộn cũng phải trải qua.

Những động cơ chung cho việc nói dối – tham lam, thù địch và sợ hãi – mang lại sự bất an cho tâm trí và trái tim của chúng ta. Đôi khi chúng được gọi là “cảm xúc phiền não” vì nỗi đau mà chúng gây ra. Vọng ngữ không giải phóng chúng ta khỏi những trạng thái phiền não này; nếu bất cứ điều gì, nó tăng cường sức mạnh cho chúng.

Trong khi tránh những hậu quả tiêu cực này có thể là lý do đủ để tránh nói sai sự thật, cam kết với giới thứ tư cũng có thể hỗ trợ trong việc duy trì trạng thái an lạc dễ dàng có thể tồn tại trong chúng ta. Trải nghiệm về sự ổn định và an lạc có thể được thỏa mãn và nuôi dưỡng sâu sắc. Khi chúng ta đang trải qua những trạng thái như vậy, chúng ta nên cẩn thận để không đánh mất chúng quá dễ dàng, đặc biệt là bằng cách làm hoặc lời nói mà sau này chúng ta có thể hối tiếc. Khi chúng ta tự biết rằng việc vọng ngữ làm xáo trộn sự bình yên của chúng ta, chúng ta có động lực lớn hơn để tránh nói sai. Theo cách này, giới thứ tư không chỉ là phòng bệnh để tránh phiền não; nó là một loại thuốc bổ hỗ trợ sức khỏe của chúng ta.

Tránh nói sai không có nghĩa là chúng ta phải nói điều gì đó chỉ vì nó đúng. Sự thật có thể gây tổn thương, và điều quan trọng là phải tính đến tác động của lời nói của chúng ta đối với người khác. Giáo lý Phật giáo nhấn mạnh rằng sự thật chỉ nên được nói ra nếu nó kịp thời, hữu ích và được chuyển đạt với thiện ý. Điều này có nghĩa là



lời nói trung thực phải kết hợp với trí tuệ – với khả năng của chúng ta để phân biệt bối cảnh, mục đích và hậu quả có thể xảy ra của những gì chúng ta nói.

Trí tuệ được nuôi dưỡng bởi các trạng thái an lạc. Khi chúng ta bị kích động, vội vàng hoặc bốc đồng, thật khó để trở nên khôn ngoan. Chúng ta không có thời gian hoặc tinh thần để trí tuệ hoạt động. Chúng ta ít có khả năng nhận ra khi nào nói là hữu ích, hay không, và ít có khả năng biết điều gì là đúng hoặc không đúng.

Thực tế là sự khôn ngoan hoạt động tốt hơn khi chúng ta bình yên, chắc chắn là một động cơ chính đáng để bảo vệ sự an lạc của chúng ta. Và trong khi các yếu tố khác nhau góp phần vào việc duy trì hòa bình an lạc. Cam kết với giới thứ tư – không vọng ngữ – có thể đặc biệt hữu ích khi nói đến đời sống xã hội. Sự quan tâm và chăm sóc liên tục cần thiết để “tránh nói sai” giúp chúng ta phát triển khả năng tỉnh táo, sáng suốt và không có lời nói ép buộc. Nó đòi hỏi phải dừng lại đủ lâu – để nhận ra những gì chúng ta sắp nói trước khi chúng ta nói ra. Nó cho phép chúng ta cân nhắc lý do mình muốn nói một điều gì đó.

Giới luật Phật giáo không phải là những quy tắc đạo đức bắt buộc. Tuy nhiên, chỉ bắt buộc nếu chúng ta muốn bảo vệ sự an lạc cá nhân lẫn mọi người chung quanh. Sự bình an, bình tĩnh, mãn nguyện và sáng suốt của chúng ta càng lớn, chúng ta càng có nhiều thứ đáng để bảo vệ khỏi sự kích động do nói dối. Tương tự, sự hòa hợp giữa các cá nhân, tình bạn và sự tin cậy của chúng ta càng lớn, thì những điều này càng đáng được bảo vệ khỏi những hậu quả khó lường của việc dối gạt người khác.

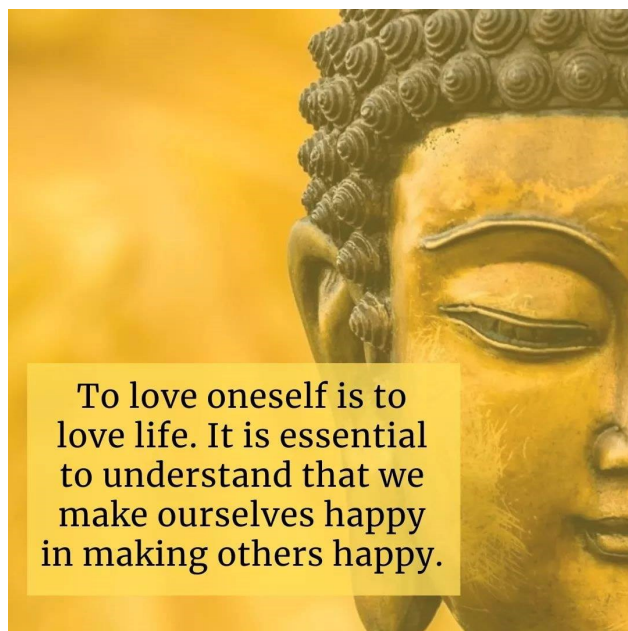
Đây là một lý do tại sao những người tham gia vào các thực hành chiêm nghiệm, chẳng hạn như thiền định, có xu hướng coi trọng hành vi đạo đức. Biết quá rõ những gì được-mất thông qua hành vi phi đạo đức, họ hiểu rằng họ tốt hơn hết là sống có đạo đức. Khi nói đến lời nói, họ biết tốt hơn hết là không nên dối với bất kỳ ai, kể cả chính họ.

FOURTH PRECEPT: PROTECTING THE PEACE

By [Gil Fronsdal](#) | [Insight Meditation Center](#)

Fundamentally, Buddhist practice is a training in peace — and Buddhist ethics serve as a protection of this peace. As our sense of ease, harmony, and calm deepen with our practice, we begin to understand how our ethical choices impact our experience of peace, and we see that the five Buddhist precepts safeguard our well-being.

Because we so frequently talk and communicate with others, the fourth precept — avoiding false speech — is particularly relevant in our daily lives. Living by this precept protects us, and those we interact with, from the hurt, betrayal, and conflict that come from lying. Avoiding false speech promotes social concord and the interpersonal trust that social harmony depends on. It also supports the foundation of Buddhist practice, which bases our lives on what is true. For those who are motivated to walk a



To love oneself is to love life. It is essential to understand that we make ourselves happy in making others happy.

path of peace and freedom, opposite direction.

Honesty is key to mindfulness practice. There can be no mindfulness practice without honestly acknowledging what we are experiencing. Telling lies interferes with the purpose and power of mindfulness. On the other hand, speaking truthfully — i.e., “mindfulness out loud” — keeps us in the flow of mindfulness, and our communications have the chance to be in harmony with the goodness that arises through careful attention.

States of calm, relaxation, and peace provide us with important reference points for living by the fourth precept. In the same way that a clean cloth will better reveal a new stain than a cloth that’s already saturated with dirt, a calm mind will better highlight mental agitation than a mind that is unsettled. Because lying agitates the person who lies, a peaceful mind can reveal the way dishonesty disturbs the quality of our inner life.

Lying involves a tension, tightness, and narrowing of the mind, and it often produces a fear of being caught. It can also lead to a stressful preoccupation with keeping the lie going. When we lie we create distance from others because dishonesty blocks our ability to build relationships based on genuine rapport and mutual understanding. Furthermore, lying leaves a legacy of shame and guilt to be experienced sooner or later.

The common motivations for lying — greed, hostility, and fear — bring their own unease to our minds and hearts. Sometimes these are called “afflictive emotions” because of the pain they cause. Lying doesn’t free us from these afflictive states; if anything, it strengthens them.

While avoiding these negative consequences can be reason enough for avoiding false speech, a commitment to the fourth precept can also be supportive in maintaining states of peace and ease that may exist within us. Experiences of settledness and peace can be deeply satisfying and nourishing. When we are experiencing such

states, it's good to take care not to lose them too easily, especially by doing or saying things we might later regret. When we know for ourselves that telling a lie disturbs our peace we have greater motivation to avoid lying. In this way, the fourth precept is more than preventive medicine for avoiding affliction; it is a tonic that supports our well-being.

Avoiding false speech does not mean we have to say something just because it is true. The truth can be hurtful, and it is important to take into account the impact our words have on others. Buddhist teachings emphasize that the truth should only be told if it's timely, useful, and delivered with goodwill. This means that truthful speech should work together with wisdom — with our ability to discern the context, purpose, and the likely consequences of what we say.

Wisdom is nurtured by states of peace. When we are agitated, in a hurry, or impulsive, it's hard to be wise. We don't have the time or the mental bandwidth to take into account the range of information that wisdom needs to function. We're less likely to recognize when speaking is useful or not, and less likely to know what is or isn't true.

The fact that wisdom operates better when we're peaceful is certainly a good reason to protect our peace. And while various factors contribute to remaining peaceful, the commitment to the fourth precept can be particularly useful when it comes to our social life. The care and ongoing attention needed to "avoid false speech" develops our ability to be mindful, discerning, and free of compulsive speech. It entails pausing just long enough — perhaps imperceptibly to others — to recognize what we are about to say before we say it. It allows us to investigate the reasons we want to say something.

Buddhist precepts are not obligatory moral rules. They are, however, required if we want to safeguard both our personal and interpersonal peace. The greater our peace, calm, contentment, and clarity, the more we have something that is worth protecting from the agitation that results from lying. Similarly, the greater our interpersonal harmony, friendships, and trust, the more these are worth safeguarding from the disruptive consequences of deceiving others.

This is one reason why people who engage in contemplative practices, such as meditation, tend to value ethical behavior. Knowing all too well what is lost through unethical behavior, they understand they are better off being ethical. When it comes to speech, they know they are better off not deceiving anyone, including themselves.

ĐÊM TRĂNG ĐỌC THƠ ĐƯỜNG

*Từ biệt Yên Đan ở đất này
Nổi lòng tráng sĩ tóc như mây
Người xưa đã mất ngàn năm trước
Sao nước sông còn lạnh đến nay.*

*Ngọn nước trường giang trôi lững lờ
Tình hoài lữ khách nhớ miên man
Thương cánh hoa tàn còn ôm hận
Lại nhẹ nhàng rơi không tiếng vang.*

*Xuống ngựa mời nhau chén rượu đầy
Về đâu bạn hữu lúc chia tay
Thôi đời đen bạc về non ở
Thần thờ tình mãi trắng ngàn mây.*

*Sông núi giang hồ biệt cố nhân
Gặp nhau hỏi tuổi ngỡ mộng tàn
Ngọn đèn khóm trúc mờ sương khói
Chén rượu vui đầy mặc hợp tan.*

*Đầu sông xuân thắm hàng dương liễu
Ngại ngân hoa nở khách sang sông
Tiếng sáo ly đình chiều tiễn biệt
Tôi về Tần, bạn hướng Tiêu Tương.*

*Lá vàng vườn cũ rụng rêu xanh
Tiếng ốc sàu tan mộng đầu thành
Đau lòng đêm vắng người xa khuất
Bồi hồi bóng khách dưới trăng thanh.*

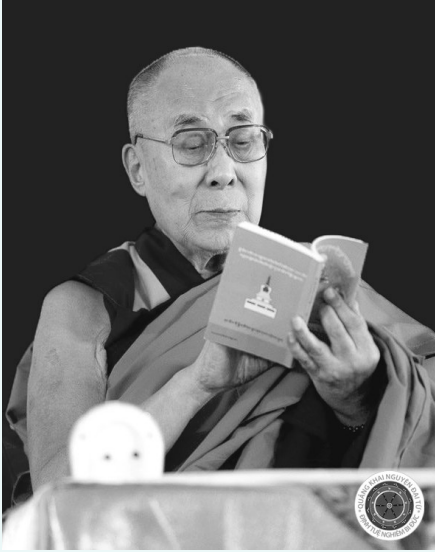
*Thuở ấy tiễn người qua sông lạnh
Nào ngờ trôi tuột mấy mươi năm
Hoàng hạc đã bay vào cổ tích
Còn lại mình tôi dưới ánh trăng.*

thơ NGUYỄN AN BÌNH

(1) Dịch thủy tống biệt-Lạc Tân Vương, (2) Nam hành biệt đệ-Vi Thừa Khánh, (3) Tống biệt-Vương Duy, (4) Tiễn biệt Hàn Thân ở quán Vân Dương-Tư Không Thụ, (5) Từ biệt bạn trên sông Hoài-Trịnh Cốc, (6) Nghe tiếng tù và nghĩ trở về-Cô Huồng.

NHỮNG TỪ NGỮ CHÂN THÀNH

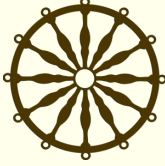
Lời cầu nguyện được đức **ĐẠT LAI LẠT MA** thứ mười bốn của Tây Tạng sáng tác, Vinh Danh và Nguyên Cầu Tam Bảo Đại Bi: Đức Phật, Giáo Huấn, và Cộng Đồng Tâm Linh



Ô chư Phật, chư Bồ tát và các hàng đệ tử của quá khứ, hiện tại và tương lai.
Có phẩm cách phi thường tuyệt diệu
Không thể đo lường như biển cả bao la
Những người đang quán sát chúng sinh
Như đứa con duy nhất không ai giúp đỡ
Xin thương tưởng lời nguyện cầu chân thành của chúng con.
Lời Phật dạy xua tan khổ đau cho trần thế
Hiện hiện và tỏa ánh hòa bình
Nguyên giáo nghĩa hiển dương lan tỏa phần thịnh và hạnh phúc khắp cả thế giới này
Ô những người thủ trì giáo pháp và những ai thực hành thành tựu
Nguyện cho sự thực hành mười điều lành đức hạnh của các ngài chiếu soi
Những chúng sinh phước bạc bị đọa đày với khổ đau
Không bao giờ ngưng nghỉ bị che lấp hoàn toàn không dứt bởi những hành vi tiêu cực dữ dội vô cùng
Nguyện cho tất cả những sự sợ hãi từ chiến tranh

không thể chịu đựng, đói khát, và bệnh tật được yên bình.
Để trở tự do trong đại dương của hạnh phúc và cát tường.
Và riêng cho những người hiểu đạo trên vùng đất tuyết, qua nhiều ý nghĩa khác nhau, bị tàn hại một cách nhẫn tâm bởi lũ người tàn ác bên màn đen tối.
Nguyện từ ái để năng lực từ bi hưng khởi
Để nhanh chóng đẩy lui nước mắt và máu tuôn tràn.
Những kẻ nhẫn tâm tàn ác đó, đối tượng của từ bi,
Nổi điên cuồng vì ám ảnh của tai ương
Cố tình tàn hại kẻ khác và chính họ
Nguyện cho họ đạt được con mắt của từ bi
Thông suốt những gì phải được làm và không nên làm
Và tồn tại trong vinh quang của tinh thân hữu và yêu thương.
Tâm nguyện này xin cho sự tự do hoàn toàn của Tây tạng
Điều được đợi chờ suốt cả thời gian dài
Được thanh thoát tự nhiên toại nguyện
Nguyện chóng được điều may mắn để mừng vui
Lễ hội hạnh phúc tinh thần với lễ thường trần thế
Ô đảng hộ vệ Quán Tự Tại, từ bi thương xót cho
Những ai đó đang chịu đựng vô vàn gian khổ
Hoàn toàn hy hiến cuộc sống thật đáng yêu, thân thể và tài vật, vì lợi ích của giáo nghĩa, hành giả, dân tộc và quốc gia.
Vì vậy, đảng hộ vệ Quán Tự Tại đã phát lời nguyện rộng sâu
Trước chư Phật, chư Bồ tát,
Để hoàn toàn hộ trì non nước Tuyết
Nguyện cho quá lành của những lời cầu nguyện này xuất hiện nhanh bởi sự thâm sâu của tương thuộc tính không và hình thể tương liên.
Kết hợp với năng lực của từ bi vĩ đại trong Ba Ngôi Tôn Quý và những Từ ngữ của Chân Lý
Và qua năng lực của quy luật không sai chạy của hành động và kết quả
Xin cho lời cầu nguyện chân thành này không bị trở ngại và nhanh chóng toại nguyện.

TUỆ UYÊN dịch



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH - EXECUTIVE COUNCIL
4717 W. First St., Santa Ana, CA 92703 – U.S.A Tel (714) 548-4148

THÔNG BÁO

AN CƯ KIẾT HẠ và ĐẠI HỘI THƯỜNG NIÊN

PL. 2566 – DL. 2022

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật
Kính gửi: Chư tôn Trưởng Lão, chư tôn Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni và quý Cư Sĩ thành viên GHPGVNTNKH,
Kính Bạch Chư Tôn Đức và kính thưa quý cư sĩ:

An Cư Kiết Hạ là nếp sống hòa hợp, thăng hoa thánh thiện của cộng đồng Tăng già đã có từ thời Phật. Nếp sống ấy là chất liệu để nuôi dưỡng bản thể trong sáng của Tăng già và làm nơi nương tựa chung cho tứ chúng đệ tử Phật. Chính vì ý nghĩa cao cả ấy, Giáo Hội thông báo đến chư Tôn Đức Tăng, Ni được liễu tri về mùa An Cư năm nay được tổ chức:

Địa điểm: Tu Viện Pháp Vương

715 Vista Ave. Escondido, CA 92026

Thời gian: Từ thứ Hai ngày 13 tháng 06 đến thứ năm ngày 23 tháng 06 năm 2022.

Điện thoại ghi danh: Thượng Tọa Thích Hạnh Tuệ (619) 278-9837

Đại Đức Thích Thường Thiện (714) 200-4703

Cùng thời gian này Giáo Hội sẽ họp Đại Hội Thường Niên lần thứ II nhiệm kỳ 4, vào ngày đầu của An Cư: thứ Hai ngày 13 tháng 06 năm 2022.

Giáo Hội kính gửi thông báo này đến toàn thể Chư Tôn Đức Tăng, Ni và quý cư sĩ thành viên của Giáo Hội, tiện bề sắp xếp các Phật sự tại bổn tự, cũng như gia đình để tham dự Đại Hội và An Cư được thập phân viên mãn.

Nhất tâm đánh lễ mười phương chư Phật gia hộ cho tất cả chúng ta luôn khỏe mạnh và Phật sự hanh thông.

Kính chúc quý Ngài phước trí nhị nghiêm, đạo quả viên thành.

Câu nguyện tất cả quý cư sĩ Phật tử thành viên của Giáo Hội: Thân tâm thường lạc, phước thọ miên trường.

Ấy là năng lực nguyện cho dịch bệnh Covid-19 sớm được tiêu trừ, chiến tranh mau chấm dứt, thế giới hòa bình, chúng sanh an lạc.

Nam Mô Thường Tinh Tấn Bồ Tát
California, ngày 09 tháng 03 năm 2022
Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNKH
Chủ tịch,
Sa Môn Thích Tín Nghĩa

Nơi nhận:

- Hội Đồng Giáo Phẩm “để kính thăm tường,”
- Hội Đồng Điều Hành “để tri hành,”
- Hồ sơ lưu.

KHI TÔI MỘT MÌNH QUA PHỐ

Ngày loanh quanh
Tôi qua phố cũng loanh quanh
Ngày cuối năm tiếng cười nào cũng rất xanh
Như màu xanh của trời, của mây, của nắng
Và tôi muốn tìm một nụ tình xanh
Nở trên môi người yêu đầu.

Ngày loanh quanh
Người qua phố cũng loanh quanh
Trong trái tim mong manh
Gió mùa xuân chợt làm em ngọt thờ
Quyện một chút hương hoa
Ngát ngậy mật ngọt
Ngát ngậy mùi gió
Ngát ngậy giấc mơ đại khờ
Tung tăng trong tay người tình trốn sau đám cỏ.

Ngày loanh quanh
Mình qua phố cũng loanh quanh
Ai khơi xuân tình làm mềm đá sỏi
Hương ngọc lan chợt thoảng bên thềm
Hàng cây bắt đầu hát
Sợi nắng vàng quàng qua vai thiếu nữ
Một thuở xuân thì
Tôi tìm mình trong đó
Đắm say không biết thời gian
Trôi qua rất vội.

HƯƠNG PHỐ MÙA ĐÔNG

Chút nắng mùa đông khẽ khàng
Lang thang từng góc phố quen
Cùng gánh hàng rong vừa ngang qua cửa
Món quà của thời thiếu nữ
Trong hương phố nồng nàn xa lắc
Bắt chợt quay về.

Đêm mù sương mắt ướt
Chim gù từ đâu khe khẽ gọi nhau
Lá vàng lao xao cuối phố
Không đợi tôi về đã lặng lẽ đi xa
Thèm được sóng đôi bước chân quen ngày nọ
Suốt con phố dài tro tro bóng khuya.

Người mang nỗi nhớ mùa đông
Có chở yêu thương về theo vòng xe đạp cũ
Trên mái ngói nâu trầm cổ tích
Thời gian gõ nhịp khôn nguôi
Con tắc kè còn đợi chờ tiếng khóc.

Cây bàng gầy guộc ngủ đông
Sợi tơ hồng trên cành đã úa
Mang theo ký ức ngọt ngào
Trên môi hồng đỏ quyên năm mười tám
Lén hôn thắm tuổi thanh xuân của tôi
Cuốn theo gió bay đi.

NHỮNG MÙA HOA VẠN THỌ

Cựa mình trong nắng ban mai
Hây hây gió sớm sân ngoài ngõ trong
Góc vườn ướt bãi đất thâm
Cành non tách nhánh nhú dần nụ hoa.

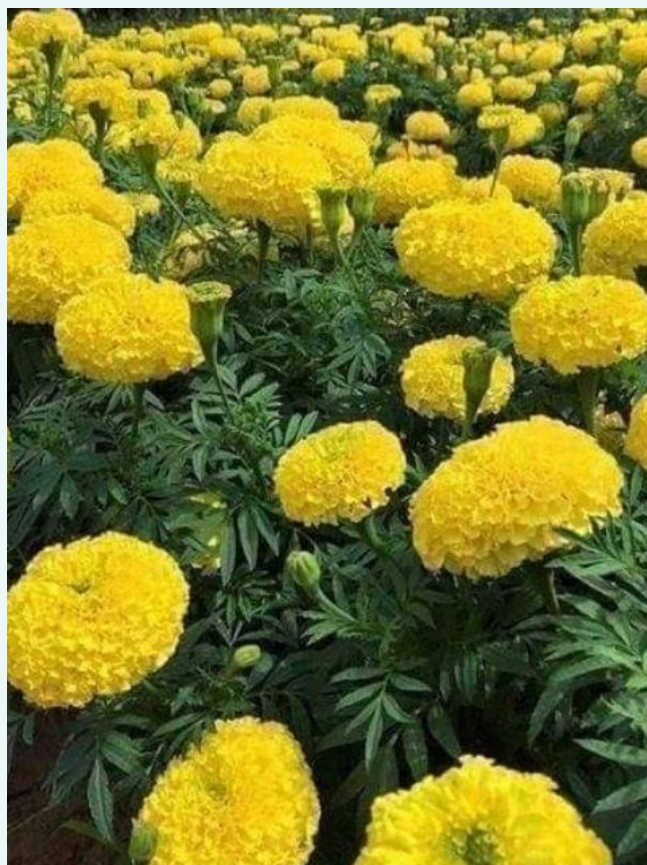
Nhớ sao cái tết quê nhà
Hanh hao sợi nắng la đà mưa xuân
Lan man hồn phố cuối năm
Mùa hoa vạn thọ nồng nàn trong tôi.

Cha gieo hạt giống luống cời
Mầm tơ đội đất nảy chồi non xanh
Chạp giêng ngày tháng đến gần
Chờ hoa bùng sắc rộn ràng ngõ trưa.

Se se gió chướng nghịch mùa
Bàn tay gầy guộc mẹ lùa lá mai
Cái dưa gói ghém trong ngoài
Nghe con chim khách đón ai trên cành.

Củi nồng thơm lụng chưng xanh
Giao thừa bên bếp lửa hồng băng khuâng
Mùa đi mùa đến bao lần
Biết ai còn nhớ sắc vàng hoa xưa.

thơ TÔN NỮ MỸ HẠNH



BÁT CHÁNH ĐẠO

“CON ĐƯỜNG ĐƯA ĐẾN CHẤM DỨT ĐAU KHỔ”

THE NOBLE EIGHTFOLD PATH “Way to the End of suffering”

Nguyên tác **BHIKKHU BODHI**

Dịch Việt: **Tỳ khuru Tâm Hạnh & Phật tử Tâm Cảnh**

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

(tiếp theo kỳ trước)

CHƯƠNG VI CHÁNH NIỆM (Samma Sati)

(2) Quán cảm giác trên cảm giác (Vedanàupassanà)

Tiếp theo là sự thành lập chánh niệm trên cảm giác (vedanà). Danh từ “cảm giác” dùng ở đây, không phải mang ý nghĩa của tình cảm (một hiện tượng phức tạp, cách tốt nhất là xếp vào phần thành lập chánh niệm thứ ba và thứ tư) nhưng trong ý nghĩa giới hạn thì nó mang sắc thái cảm xúc hay như “trạng thái vui thích” của nhận thức. Cảm xúc có thể được chia thành ba loại chính: cảm giác dễ chịu, cảm giác khó chịu, và cảm giác trung tính. Đức Phật dạy rằng cảm giác luôn luôn đi theo hoạt động của nhận thức. Bởi vì mỗi một hoạt động của nhận thức đều tùy theo một số tác động của cảm giác. Thế nên, nhận thức lúc nào cũng có cảm giác. Nó có thể mạnh hay yếu, rõ ràng hay không rõ ràng nhưng nhận thức luôn luôn phải có cảm giác đi theo.

Cảm xúc phát sinh tùy thuộc vào tâm sở “xúc” (phassa). Xúc là sự biểu hiện của “sự hợp nhất” của thức đối tượng và chức năng của từng giác quan. Nó là nhân tố có chức năng làm cho thức “kết hợp” với đối tượng đang hiện diện với nó để đi vào tâm thông qua giác quan. Như thế, có sáu loại xúc được phân biệt theo từng chức năng của sáu giác quan: Nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc và ý xúc. Sáu nhóm cảm giác khác nhau phát sinh từ sáu xúc.

Cảm giác có tầm quan trọng đặc biệt khi nó làm đối tượng cho thiền quán. Bởi vì, chính cảm giác thường kích hoạt cho các phiền não ngủ ngầm hoạt động trở lại. Cảm giác có thể không được ghi nhận một cách rõ ràng nhưng bằng nhiều cách tinh vi chúng nuôi dưỡng và duy trì những tâm lý hướng về những pháp bất thiện. Như vậy, khi một cảm giác vừa ý phát sinh, chúng ta đắm chìm trong sự chi phối của phiền não tham ái (hữu ái. ND) và bám lấy; khi cảm giác khó chịu phát

sinh, chúng ta phản ứng với sự bất mãn, thù ghét và lo sợ là những khía cạnh của phiền não sân (phi hữu ái ND); khi cảm giác trung tính phát sinh, chúng ta thường không quan tâm đến hoặc để cho nó ru ngủ chúng ta vào cảm giác bình an giả tạo, trạng thái tâm bị phiền não si (dục ái. ND) khống chế. Từ đây, chúng ta có thể thấy rằng mỗi phiền não căn bản được phát sinh tùy theo từng loại cảm giác khác nhau: tham theo cảm giác dễ chịu, sân theo cảm giác khó chịu, si theo cảm giác trung tính.

Nhưng sự liên kết giữa cảm giác và phiền não không nhất thiết phải có. Cảm giác dễ chịu không phải luôn luôn dẫn đến tham, khó chịu dẫn đến sân, trung tính dẫn đến si. Sự kết nối giữa chúng có thể bị cắt đứt và phương pháp chính yếu để cắt đứt là chánh niệm. Cảm giác chỉ kích hoạt phiền não khi nó không được ghi nhận, thay vì thỏa mãn với nó thì quán sát nó. Bằng cách chuyển cảm giác thành đối tượng để quán sát thì chánh niệm sẽ vô hiệu hóa cảm giác nên nó không thể kích hoạt pháp bất thiện hưởng ứng. Như thế, thay vì để

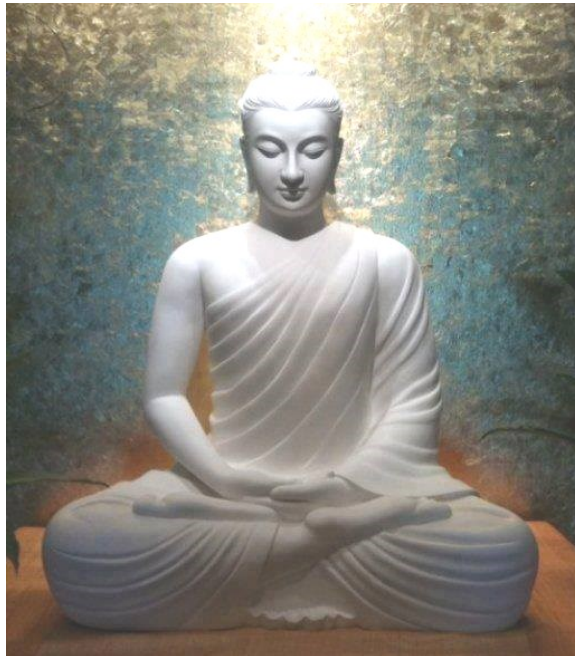
cảm giác liên kết với thói quen nắm giữ, xua đuổi hay lãnh đạm thì chúng ta hiểu chúng bằng thiền quán, dùng cảm giác làm bản đạ để hiểu đúng bản chất của nhận thức.

Trong những giai đoạn đầu, thiền quán trên cảm giác cần phải chú tâm vào những cảm giác đang phát sinh, ghi nhận những tính cách khác nhau của chúng: dễ chịu, khó chịu hay trung tính. Chỉ cần ghi nhận cảm giác chứ không đồng hóa với nó, không cho nó là “tôi” hay “của tôi” hay cái gì đó đang xuất hiện với “tôi”. Tính giác được duy trì liên tục bằng cách chỉ chú tâm: quán sát mỗi cảm giác đang xuất hiện, nếu thấy nó chỉ là một cảm giác, chỉ là một tâm sở đang xuất hiện thì cắt đứt ngay tất cả sự quan hệ đến chủ quan, tất cả những gì hướng về bản ngã. Sự tu tập chỉ đơn giản là ghi nhận tính cách của cảm giác, thuộc về dễ chịu, khó chịu hay trung tính.

Nhưng khi sự tu tập tiến bộ thì chúng ta tiếp tục ghi nhận từng cảm giác, để nó đi qua và ghi nhận cảm giác kế tiếp, sự chú ý quan sát thay đổi



từ tính chất của cảm giác sang tiến trình sinh diệt của chính cảm giác ấy. Tiến trình này cho thấy các cảm giác sinh diệt thay đổi không ngừng, liên tục nối tiếp nhau. Trong tiến trình này, không có gì tồn tại. Tự thân của cảm giác chỉ là một dòng chảy của những sự kiện, cảm giác xuất hiện nhanh trong từng giây phút rồi lại diệt đi rất nhanh như lúc chúng phát sinh. Đây là khởi đầu cho sự hiểu biết chính xác về vô thường. Sự hiểu biết chính xác này nhờ sạch ba gốc rễ bất thiện. Không có tham với cảm giác dễ chịu, không sân với cảm giác khó chịu, không si với cảm giác trung tính. Tất cả các cảm giác được xem chỉ là sự kiện thoáng qua, chỉ là phù du, không có gì để hưởng thụ thật sự hay làm cơ sở để liên kết.



(3) Quán tâm trên tâm (cittànupassanà)

Theo cách thành lập chánh niệm này, từ niệm cảm giác với một tâm sở làm đối tượng, chúng ta quay sang những trạng thái tổng hợp của tâm nơi mà các tâm sở phụ thuộc theo. Để hiểu rõ thiền quán này phải làm gì, chúng ta nên tìm hiểu khái niệm về tâm của Phật giáo. Thông thường, chúng ta nghĩ rằng tâm là một năng lực trường tồn, đồng nhất mãi mãi với chính nó mặc dù trải qua những nhận thức nối tiếp nhau; mặc dầu nhận thức thay đổi nhưng tâm trải qua những nhận thức dường như vẫn thế, có lẽ có thay đổi đôi chút nhưng vẫn giữ nguyên sự đồng nhất của nó. Tuy nhiên, giáo pháp của Đức Phật phủ nhận khái niệm về một tâm thức không thay đổi. Tâm được xem không phải là một chủ thể trường tồn của ý nghĩ, cảm giác và ý chí nhưng như là một chuỗi gồm nhiều động tác tâm lý ngắn ngủi nối tiếp nhau, mỗi động tác đều rõ ràng và khác nhau, tương quan theo nhau theo quan hệ nhân quả, không phải là bất biến.

Mỗi một hoạt động riêng biệt của thức được gọi là một "cita" mà chúng ta sẽ dịch là "một trạng thái của tâm". Mỗi một cita gồm có nhiều thành phần mà thành phần quan trọng nhất chính là thức, căn bản nhận thức đối tượng. Thế nên, thức cũng được gọi là cita; dùng tên chung của tất cả hoạt động tinh thần để gọi cho phần chính của nó. Cùng với thức, mỗi một cita bao gồm một tập hợp nhiều thành phần đi chung với nhau gọi là cetasikas, tâm sở. Chúng gồm có cảm giác, tướng (tri giác), ý chí, cảm xúc, v.v... Tóm lại, tất cả hoạt động của những tâm sở tùy thuộc cita hay thức là phần chính yếu để hiểu biết về đối tượng.

Thức, tự nó chỉ là sự nhận thức đơn thuần (thức tri. ND) về đối tượng nên khả năng tự nhiên của nó không có thể phân biệt đối tượng là gì mà phải kết hợp với các tâm sở theo nó, cetasikas. Các tâm sở tỏ vẻ làm cho nó có tính cách riêng.

Như vậy, khi muốn chọn cita làm đối tượng cho thiền quán, chúng ta phải dùng tâm sở như những dấu hiệu chỉ đường. Trong bài pháp về quán tâm do Đức Phật thuyết giảng, có lời giới thiệu mười sáu loại tâm được ghi nhận kết hợp với các tâm sở: tâm có tham dục (ràga), tâm không có tham dục, tâm có sân (dosa), tâm không có sân, tâm có si (moha), tâm không si, tâm bị hôn trầm (samkhitta), tâm bị tán loạn (vikkhitta), tâm quảng đại (mahaggata), tâm không quảng đại (amahaggata), tâm vô thượng (anuttara), tâm hữu hạn (sanuttara), tâm định (samàhita), tâm không định (asamàhita), tâm giải thoát (vimutta), tâm không giải thoát (avimutta). Khi quyết định

tu tập, bắt đầu cần chú ý các trạng thái tâm từ một đến sáu, ghi nhận tâm đang bị kết hợp hay không bị kết hợp với các căn bản bất thiện. Khi một tâm nào đang hiện diện, chúng ta chỉ quán sát nó là một cita, một trạng thái của tâm. Không được đồng hóa nó với "tôi" hay "của tôi", không được nhận nó là "tự ngã" hay "thuộc về tự ngã". Dù nó là một tâm thanh tịnh hay nhiễm ô, cao thượng hay thấp kém, chúng ta không được vui mừng hay thất vọng với nó mà chỉ ghi nhận rõ ràng trạng thái ấy. Chúng ta chỉ ghi nhận và để nó đi qua, không bám víu vào những tâm mà ta thích hay ghét bỏ những tâm mà ta không thích.

Khi thiền quán tiến sâu, nội dung của tâm càng ngày càng trở nên trong sáng hơn. Các dòng ý nghĩ, tưởng tượng và cảm xúc vô lý bớt dần đi, chánh niệm trở nên sáng tỏ hơn, tâm trí tiếp tục chăm chú nhận thức, theo dõi tiến trình chuyển biến của chính nó. Đôi khi, chúng ta có thể thấy một nhân vật quan sát kiên trì đứng sau tiến trình, nhưng khi chúng ta tiếp tục hành thiền, ngay cả người quan sát chúng ta thấy rõ này cũng biến mất. Chính tâm trí, cái tâm trí có vẻ rắn chắc, vững vàng, biến thành một giọng citas chớp nhoáng hiện ra và biến đi từng lúc, không đến từ đâu và không đi về đâu cả, tuy thế cứ liên tục không ngừng tiếp nối nhau.

(4) Quán pháp (dhammànupassanà)

Trong bối cảnh của sự thành lập chánh niệm phần thứ tư, dhammà (ở đây dùng theo số nhiều) là danh từ có nhiều nghĩa. Như trong kinh nêu ra, dhamma có hai phần liên kết nhau. Một là tâm sở, nhân tố tâm lý (danh. ND), ở đây chỉ chú ý vào phần thiện của chúng, loại trừ vai trò tỏ vẻ cho tâm như trong phần quán tâm ở trước. Thứ hai là những thành tố của thực tại (sắc. ND). Trong giáo pháp của Đức Phật, hai thành phần này hợp thành nền tảng để cấu trúc cho sự nhận thức. Để diễn tả gồm cả hai thành phần, chúng ta dịch dhammà là "hiện tượng" vì không có từ ngữ chính xác hơn. Nhưng khi dùng từ ngữ này, chúng ta không nên

hiểu là có sự hiện hữu của noumenon (bản thể. ND) hay thực thể nào đó ở sau hiện tượng. Anattà, vô ngã là điểm quan trọng nhất trong giáo lý của Đức Phật; những thành phần tạo thành thực tại hoàn toàn chỉ là hiện tượng (suddha-dhammà) đang xảy ra chứ không có sự tác động của bất kỳ bản thể nào cả.

Trong kinh Niệm xứ, quán pháp được chia thành năm phần, mỗi phần cho một nhóm pháp khác nhau: năm triền cái, năm uẩn, sáu nội xứ (căn. ND) với sáu ngoại xứ (trần. ND), bảy giác chi và bốn thánh đế. Trong số này, năm triền cái và bảy giác chi là pháp trong ý nghĩa giới hạn về những tâm sở, những phần khác là pháp trong ý nghĩa rộng hơn về những thành phần của thực tại. (Tuy nhiên, trong phần thứ ba, có một sự tương tác giữa sáu nội xứ và sáu ngoại xứ, đưa đến phát sinh những kiết sử – samyojana. ND – thông qua các giác quan. Chúng cũng được bao gồm trong các tâm sở.) Trong chương này, chúng ta chỉ đề cập đến hai nhóm được xem là pháp trong ý nghĩa về các tâm sở. Chúng ta đã đề cập đến cả hai trong phần liên quan đến chánh tinh tấn (chương V). Ở đây, chúng ta chỉ khảo sát về sự quan hệ đặc biệt của chúng trong sự tu tập về chánh niệm. Chúng ta sẽ bàn luận về các nhóm pháp khác như năm uẩn và sáu xứ trong phần phát triển trí tuệ của chương cuối.

Cần phải đặc biệt chú ý về năm triền cái và bảy giác chi, bởi vì đối với sự giải thoát thì nhóm trước là những trở ngại chính nhưng nhóm sau thì hỗ trợ. Những triền cái: tham dục, sân, hôn trầm thụy miên, trạo hối và nghi thường xảy ra trong giai đoạn bắt đầu tu tập, ngay sau khi sự mong muốn lúc đầu và sự phân tâm phần thô lắng xuống, đồng thời những phiền não vi tế tìm cách xuất hiện. Khi bất kỳ triền cái nào phát sinh, nên ghi nhận nó đang hiện diện, khi nó đang mất dần đi, nên ghi nhận sự biến mất của nó. Để bảo đảm những triền cái đang được kiểm soát, một yếu tố cần phải có là ghi nhận chính xác: chúng ta phải biết rõ những triền cái xuất hiện như thế nào, cách nào để loại trừ chúng và cách nào ngăn ngừa chúng không cho xuất hiện trong tương lai (11).

Cách thiền quán tương tự được áp dụng cho bảy giác chi: niệm, trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, định và xả. Khi một trong những nhân tố này xuất hiện, sự có mặt của nó phải được ghi nhận. Sau khi ghi nhận sự hiện diện của nó, chúng ta phải tìm hiểu để khám phá nó xuất hiện như thế nào và thành tựu như thế nào (12). Khi chúng vừa xuất hiện, các giác chi còn yếu nhưng nhờ sự phát triển liên tục, chúng sẽ trở nên mạnh hơn. Niệm giác chi khởi đầu cho tiến trình tu tập thiền quán. Khi niệm được thiết lập vững chắc, nó thúc dục trạch pháp, năng lực chọn lựa của trí tuệ. Trạch pháp lần lượt đánh thức tinh tấn hiển lộ, tinh tấn làm phát sinh hỷ, hỷ đưa đến khinh an, khinh an đưa đến định trong một giai đoạn và định đưa đến xả. Như vậy, suốt quá trình tiến hoá của sự tu tập dẫn đến giác ngộ bắt đầu với chánh niệm và chánh niệm tiếp tục duy trì như là năng lực điều chỉnh để bảo đảm cho tâm được sáng suốt, hiểu biết và ổn định.

Chú thích Chương VI

11. Bản miêu tả đầy đủ, xem Soma Thera, *The Way of Mindfulness*, trang 116-127.

12. Như trên, trang 131-146.

HỘI SINH

*Ngon gió lành vạn pháp
Thổi qua rừng thâm u
Cỏ cây vừa thức dậy
Xóa màn đêm mịt mù*

*Bình minh nghe chim hót
Bước chân đời thiền ca
Lênh đênh bờ sinh tử
Đóa vô ưu lục hòa*

*Thảo am ngồi tĩnh lặng
Đuốc tuệ bùng thân, tâm
Khởi nguyên bờ sinh diệt
Giọt sương khuya lặng thắm*

*Hạt nảy mầm thọ giới
Niệm Phật A Di Đà
Kìa trời xanh bát ngát
Sen nở ngàn cánh hoa*

*Sơn tự chuông vừa điểm
Bước sa-di đường về
Từng sát na nghiệp chuông
Tỏa bóng sân Bồ Đề...*

thơ **XUYÊN TRÀ**
Atlanta, Tháng 11/2021



Máu ai cũng đỏ, Nước mắt ai cũng mặn!

HUỆ TRÂN

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Khi bom rơi, đạn nổ ập xuống nơi đâu thì sinh mệnh nơi đó đều chịu chung thảm trạng máu đỏ, thân phơi, tan xương, nát thịt ...! Nạn nhân có thể không đồng loại, nhưng máu đỏ ra thì cùng màu đỏ, nước mắt trào, cùng vị mặn như nhau!

Nước rơi từ mắt, là nước mắt

Đau đến từ thương, là đau thương

Chất bao nhiêu mới gọi là chất ngất?

Đoạn bao nhiêu mới gọi là đoạn trường?

Muôn loài đều muốn được bình an, đều muốn có hạnh phúc nhưng cũng chính muôn loài tạo thống khổ cho nhau. Vì đâu?

Ôi, đời này qua đời khác, kiếp này qua kiếp khác – đặc biệt là con người – với trí tuệ có thể vượt trội hơn nhiều loài khác nhưng khi dùng trí tuệ đó để nhân danh cho những ý thức hệ chủ quan, những tham vọng cay đắng nguy tạo vỏ bọc đường, thì hậu quả trầm trọng điều linh không sao kể xiết, không phải chỉ ở thời điểm xảy ra mà máu và nước mắt còn đầm đìa tới đời sau, đời sau nữa...!

Chỉ tạm nhìn lại những con số vô hồn ở thời điểm đệ nhị thế chiến mà nhiều người thời nay còn có thể nhớ. Đó là cuộc chiến tranh đẫm máu trong lịch sử nhân loại với sự tham chiến của hơn 30 quốc gia, khởi sự khi Đức quốc phát động cuộc xâm lăng Ba Lan ngày 1 tháng 9 năm 1939. Lập tức, thế giới chia thành hai phe thuận và nghịch để từ đó cuộc chiến không chỉ còn giữa hai nước Đức và Ba Lan, mà nhanh chóng trở thành thế chiến.

Những con số tử vong về cả hai mặt quân sự và dân sự được ghi lại là hàng nhiều nhiều triệu nhân mạng!

Dù thuận hay nghịch, những phe tham chiến đều đặt ra những mục tiêu có thể mang danh và lợi tới cho họ. Tất nhiên xứ nào cũng tự cho những



mục tiêu họ đặt ra là chính đáng, là công bằng nhưng thực tế không ngoài tham vọng muốn thống trị kẻ khác!

Chỉ 2 ngày, sau khi Đức tấn công Ba Lan thì Anh và Pháp đồng lòng tuyên chiến với Đức. Mỗi biển chuyển trên mỗi địa bàn đều trả giá bằng biết bao sinh mạng quân và dân! Đó là giá phải trả cho mỗi cuộc chiến, mà đại họa là thế chiến!

Trên bàn cờ phức tạp này, nhiều kẻ dự chơi đã không trở tay kịp vì những nước cờ bí hiểm khiến nay là bạn, mai đã là thù!

Hiệp ước Molotov – Ribbentrop được ký kết năm 1939 giữa Đức và Liên Xô để hai cường quốc này phân chia và sát nhập các nước láng giềng Châu Âu như Ba Lan, Phần Lan, Romania... nhưng chưa đầy 2 năm sau, Đức đã bất ngờ tấn công Liên Xô, mở ra mặt trận phía

đông, là chiến trường trên bộ, lớn nhất trong lịch sử chiến tranh thế giới!

Châu Âu đã vậy, Châu Á nào yên!

Với tham vọng thống trị Châu Á và Thái Bình Dương, Nhật Bản đã công khai gây chiến với Trung Hoa và còn tự tin, tiến xa hơn là bất ngờ dùng phi đoàn tối tân nhất của mình để tấn công hạm đội Hoa Kỳ tại Trân Châu Cảng! Đó là trận chiến dẫn tới thảm họa kinh hoàng cho xứ Phú Tang!

Con cộp bị đánh thức, nên tháng 8 năm 1945 Nhật Bản đã được nhận lại hai quả bom nguyên tử trút xuống thành phố Hiroshima và Nagasaki! Tan nát! Kiệt quệ! Không thể làm gì hơn là phải tuyên bố đầu hàng!

Chỉ đôi nét hồi tưởng lại suốt 6 năm thế chiến, từ 1939 tới 1945, nhân loại trên khắp hành tinh này thường xuyên sống và chết trong kinh hoàng ác mộng!

Nhân danh kẻ thắng, người thua, có ai được gì không, hay chỉ là tham vọng dẫn đến oán cứu

chồng chất, vay trả lẫn nhau!

Những trang sử còn đó. Mọi sự kiện tự hiển bày chân thực. Chỉ cảm quan lòng người tự sơn phết trắng hay đen mà thôi.

Vậy mà lạ thay, dường như hố lầy người đi trước, vẫn tiếp nhận bước chân người đi sau, để vẫn huỷ diệt nhau và cùng nhận lại máu và nước mắt!

Thời Phật tại thế, một lần quốc vương xứ Câu - Tát - La là vua Pasenadi đã tìm đến Đức Phật để xin Ngài chỉ dạy làm thế nào để xây dựng hạnh phúc cho dân chúng và tạo nên hoà bình với các xứ lân bang.

Đây là những điều tưởng như đơn giản vì thường xuyên được nhân gian đề cập tới nhưng trên thực tế thì chẳng mấy ai thực sự quan tâm. Từ thế kỷ này qua thế kỷ khác, đa phần nhân loại phải sống trong đau khổ vì nội tình thì phân chia giai cấp, các xứ láng giềng thì luôn có mối nghi ngờ, hiểm khích, chỉ chờ cơ hội chiếm đoạt nhau, như hoả diệm sơn âm i, bùng nổ bất cứ lúc nào!

Buổi viếng thăm lần đó, vua Pasenadi được Đức Phật tiếp trên một chiếc chõng tre, trước tịnh thất. Người im lặng nghe nhà vua than thở, kể lể những ưu tư khắc khoải. Và khi Đức Phật lên tiếng thì vua Pasenadi sững sốt, bàng hoàng.

- Đại vương có thương yêu dân chúng của mình không?

- Thưa Đức Thế Tôn, trăm thương yêu dân chúng của mình như các hoàng tử, công chúa vậy.

- Khi gửi các người trai trẻ ra trận mạc, đại vương có lo lắng cho tính mạng của họ không?

- Thưa Đức Thế Tôn, khi gửi những người trai trẻ ra trận mạc, trăm đau khổ, lo lắng như gửi các hoàng tử đi xa vậy.

- Khi chiến tranh giữa hai nước xảy ra, ngoài sự lo lắng cho những người trai trẻ của bản quốc, quốc vương có thương xót và lo lắng cho những người trai trẻ của nước đối nghịch hay không?

- Thưa Đức Thế Tôn, khi chiến tranh xảy ra, trăm thực tình thương xót và lo lắng cho tất cả những người trai trẻ đang lâm trận vì họ đều phải trực diện sự hiểm nguy, sự đau đớn.

- Đúng thế. Tôi tin rằng các quốc vương xứ khác cũng cùng tâm trạng như đại vương. Không ai muốn đẩy con cái của mình vào chốn hiểm nguy nhưng chiến tranh luôn xảy ra là bởi sự khác biệt về ý thức hệ mà do bản ngã tự tôn, đã không chấp nhận nhau; do lòng tham, xứ nọ muốn thôn tính xứ kia để giàu mạnh, rộng lớn hơn; Rồi cũng bởi sự nghi kỵ về những âm mưu thôn tính đó nên lại nhân danh sự tự vệ mà ra tay trước, v.v...

Khi suy nghĩ và hành động như thế thì lòng

thương yêu dân chúng của quý vị nằm ở đâu? Lòng thương yêu đó đã bị che lấp mất rồi! Nếu những nhà lãnh đạo đều yêu thương dân chúng xứ khác như dân chúng của mình thì chiến tranh đã không có mặt. Đồng thời, bao nhiêu tài nguyên, kinh phí, sinh mạng, thay vì đổ vào chiến tranh sẽ được dùng để vun bồi, phát triển sự lớn mạnh về cả vật chất lẫn tinh thần cho đất nước mình.

Đây không phải là điều quá lý tưởng. Đây là điều có thể thực hiện được, nhưng nó không xảy ra chỉ vì những người nắm vận mệnh quốc gia đã không đồng thời cùng suy nghĩ và tin tưởng như thế.

Lịch sử nhân loại chứng minh một sự thật mà người đời vẫn cố không tin. Đó là, sự giàu có và an lạc của quốc gia này không bao giờ bền vững do được tạo nên bởi sự nghèo khó và chết chóc của quốc gia khác! Nếu mọi vị lãnh đạo đồng dẹp được tham sân và nghi kỵ thì mỗi quốc gia vẫn tự phát triển trong hạnh phúc mà không cần tới bạo động.

Thầy Thích Nhất Hạnh - vị Thiền sư của bao môn sinh khắp thế giới - đã từng ân cần chia sẻ rằng *"Liều thuốc cho bạo động và thù hận chính là lòng từ bi. Không có phương thuốc nào khác. Thật không may, lòng từ bi không có bán trong các nhà thuốc. Bạn phải tạo ra mật ngọt của lòng từ bi trong trái tim bạn. Giáo lý của Đức Phật đã tùy căn cơ chúng sanh mà chỉ dẫn nhiều phương thức để tạo ra năng lượng từ bi ..."*

Những ai thực sự quan tâm tới thế giới hoà bình, chúng sanh an lạc, xin cùng cất bước trên đường "tạo ra mật ngọt của lòng từ bi" để hiển dâng hạnh phúc cho mình và cho người.

Ngon gió xuân về muộn, có đồng cảm lời Phật chẳng mà như vừa chợt thoáng dư âm lời nói của Tổng Thống Abraham Lincoln, vị Tổng Thống thứ 16 của Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ, người đã đem lòng từ bi chấm dứt chế độ nô lệ và lãnh đạo thành công đưa đất nước vượt qua cuộc nội chiến cam go:

"Khi viên đạn xuyên vào một người lính - dù thuộc bên nào, sắc tộc nào đi nữa - thì thực ra nó đã đồng thời xuyên vào trái tim của một người mẹ".

Nam Mô Đại Từ Đại Bi tàm thanh cứu khổ cứu nạn
Quần Thế Âm Bồ Tát

Huệ Trân

(Tào-Khê tịnh thất - những ngày tịnh tu)





QUY Y VÀ BỒ ĐỀ TÂM

(*Phật Pháp Thứ Năm*— bài viết hàng tuần của GDPT
do **NHÓM ÁO LAM** thực hiện)

TRANG GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

Thưa ACE Lam Viên thương mến,

Có nhiều bạn thắc mắc: sao chương trình tu học Phật Pháp của ngành Thiếu hay nhắc đi nhắc lại một đề tài, ví dụ QUY Y, BỒ ĐỀ TÂM, NIỆM PHẬT, v.v... đã học ở Hướng Thiện, Sơ Thiện... còn nhắc lại ở các bậc trên, thậm chí đến trại Huấn luyện Lộc Uyển, A Dục v.v...

Xin thưa, bắt buộc phải nhắc lại vì sự quan trọng của vấn đề cần nhắc đi nhắc lại, và không phải chỉ nhắc lại mà còn nâng cao...

Xin đưa một ví dụ cụ thể để dễ hiểu hơn: chúng ta học toán từ nhỏ đến lớn, học cộng, trừ, nhân, chia, lũy thừa, căn số, v.v... nhưng tại sao cứ lặp lại hoài? Vì không có lớp nào không có các phép tính này, lại nữa, có thêm nhiều định nghĩa mới, bổ sung hoặc nâng cao, ví dụ về số ảo (complex numbers). Ví dụ ở các lớp dưới chúng ta học: một số âm (negative) không có căn số bậc chẵn vì

$(-3) \times (-3) = +9 \Rightarrow$ căn bậc 2 của $(+9)$ là $(+3)$ và $-3)$

Nhưng không thể có căn bậc 2 của (-9) được.

Thế mà khi học ở lớp cao hơn một chút, khi có thêm số ảo, hay số phức (i) , với định nghĩa: (i) là một số mà BÌNH PHƯƠNG CỦA nó bằng -1 : $(i) \times (i) = -1$ vì vậy căn bậc 2 của (-1) là (i) .

Với định nghĩa này, một chân trời mới của Toán học và Khoa học nói chung được mở rộng ra, nhất là về các ứng dụng của điện và điện từ (application of electricity & magnetic electricity).

Cũng vậy, các bài học về Quy-y, niệm Phật, Bồ đề tâm, v.v... mà chúng ta đã học ở dưới, hôm nay trong chương trình các trại huấn luyện Huỳnh trưởng Huyện Trang, Vạn Hạnh... chúng ta sẽ được nghe về định nghĩa BỒ ĐỀ TÂM mở rộng hơn, đưa TÂM chúng ta vào một chân trời mới, một bầu trời mới, một vùng không khí mới, khơi dậy và nâng cao lòng Từ Bi và Trí tuệ vốn có trong mỗi người...

Thưa Anh Chị Em, xin mời vào...

BỒ ĐỀ TÂM LÀ GÌ? - Đó là chí nguyện nóng bỏng của một chúng sinh tự thấy mình đang sống trong cảnh tối tăm, giữa đọa đầy khổ nhục, mong tìm một con đường sáng, không những để giải thoát bản thân khỏi những đe dọa áp bức, mà còn là giải thoát cho tất cả những người cùng cảnh ngộ.

Bồ đề tâm, đó là ý chí kiên cường bất khuất của một người bị trôi trên ngọn lửa rực cháy, bị chà đạp dưới những sức mạnh tàn khốc của tham vọng điên cuồng của chúng ta và của một tập thể ma quái chung quanh ta.

Kinh Hoa nghiêm nói: BỒ ĐỀ TÂM LÀ HẠT GIỐNG CỦA HẾT THẦY PHẬT PHÁP. Bồ đề tâm là ruộng phước vì nuôi lớn pháp bạch tịnh. Bồ đề tâm là cõi đất lớn, vì nâng đỡ hết thầy thế gian. Bồ đề tâm là tịnh thủy, vì rửa sạch tất cả cấu bợn phiền não.

Và QUY Y là gì? - Quy y là sự gieo xuống hạt giống Bồ đề. Hạt giống bồ đề không được gieo trồng vào một cánh đồng trùu tượng xa xôi nào, cũng không chờ đợi để được gieo vào một vùng đất hứa thần thoại nào khác, mà nó được gieo trồng ngay trên sa mạc sinh tử khô cằn, với những đau khổ triền miên của chúng sinh. Rồi hạt giống ấy cần phải được tưới bằng nước ngọt của từ bi để lớn mạnh, để đến thời thì trở hoa giác ngộ (1).

Thương kính chúc Anh Chị Em bước vào một mùa Vía Xuất Gia đang đến gần với Tâm bồ đề và với lòng Từ rộng mở.

Trân trọng,

Nhóm Áo Lam

(1) Trích một đoạn ở sách "THẮNG MAN GIẢNG LUẬN" của Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ - (Chương 2, "Bồ Đề Tâm và Quy Y")



LÀM SAO THOÁT KHỎI “BỘC LƯU”?

Thích Nữ Hằng Như

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

I. DẪN NHẬP

Đời sống của con người thọ mạng nhiều lắm chỉ trên dưới trăm năm. Trong chuỗi thời gian này con người hưởng hạnh phúc không bao nhiêu, mà phải trải qua bao cuộc thăng trầm vinh nhục, đau thương và sợ hãi. Nỗi đau khổ và sợ hãi lớn nhất của con người là sự chết. Không ai muốn chết nhưng cái chết vẫn cứ đến. Cái chết đến theo chu kỳ sinh, già, bệnh rồi chết, nhưng cũng có khi nó đến bất cứ lúc nào không ai biết trước được. Cái chết chấm dứt đời sống này, nhưng rồi lại phải tái sanh qua đời sống khác hầu trả nghiệp do mình đã tạo ra. Cứ như thế mà chịu trầm luân trong sáu cõi Trời, Người, A-tu-la, Súc sanh, Ngạ quỷ, Địa ngục. Muốn thoát khỏi vòng luân hồi, con người cần phải tu tập buông bỏ những khát vọng luyến ái đam mê, buông bỏ những ham muốn dục lạc thế gian, hành trì quán chiếu theo lời dạy của Đức Phật, diệt tận tham, sân, si. Đức Phật là ai?

Hơn hai ngàn sáu trăm năm trước, có một vị Thái tử ở đất nước Ấn Độ cổ xưa đã từ bỏ cuộc sống vinh hoa phú quý, từ bỏ ngai vàng điện ngọc, xa lìa cha mẹ, vợ con... ra đi tìm đạo giải thoát. Trải qua sáu năm dài khổ hạnh trong rừng sâu, tự thân Ngài đã vượt thắng những quyến rũ thường tình của ngũ dục. Rồi từ đó tìm ra phương pháp tu tập. Sau bốn tuần thiền Định dưới cội Bồ Đề, Ngài chứng quả Vô Thượng Chánh Đẳng Giác được tôn vinh là Phật với mười thánh hiệu, trong đó có thánh hiệu Thiên Nhân Sư là bậc Thầy của con Người và chư Thiên.

Chúng sanh sống ở cõi Trời được hưởng nhiều phước báu, muốn gì được đó. Nhưng nếu chúng sanh cõi này không biết tu tập giải thoát, thì sau khi hưởng hết phước sẽ bị đọa xuống làm người hay sinh vào ác thú tiếp tục trả nghiệp ác gây ra trước kia. Muốn tránh trường hợp sau này bị đẩy vào dòng thác lũ của đời người, đã có nhiều vị Thiên tìm đến Đức Thế Tôn để thỉnh pháp. Câu hỏi “Làm sao thoát khỏi bộc lưu” là câu hỏi khó, không riêng gì loài người mà ngay cả loài Trời cũng thắc mắc phần vẫn.

Có một bài kinh ngắn tựa là “Bộc Lưu” kể lại giai thoại một vị Thiên tử đã đến thỉnh pháp từ Đức Thế Tôn trong một đêm gần sáng nơi thành Xá-Vệ tại khu vườn Cấp-Cô-Độc. Kinh “Bộc Lưu” được ghi lại trong Tương Ứng Bộ I, Chương Chư

Thiên, Phẩm Cây Lau. Bài kinh này chỉ cho dòng thác đang chảy xiết mà Đức Thế Tôn dụ cho sự chấp trước, sự chìm đắm mê muội trong ngũ dục, cả với dòng tâm thức trôi chảy sanh diệt quay cuồng trong quá khứ, hiện tại và tương lai không ngừng nghỉ của chúng sanh và cách thoát ra khỏi chúng.

II. KINH “BỘC LƯU”

- CHÁNH VĂN:

*"Như vậy tôi nghe;
Một thời Thế Tôn ở Sàvatthi (Xá-Vệ), Jetavana (Thắng Lâm), tại vườn ông Anàthapindika (Cấp Cô Độc). Rồi một vị Thiên, khi đêm đã gần tàn, với nhan sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, vị Thiên ấy bạch Thế Tôn:*

- Thưa Tôn giả, làm sao Ngài vượt khỏi bộc lưu?

- Này Hiền giả, không dừng lại, không bước tới, Ta vượt khỏi bộc lưu.

- Thưa Tôn giả làm sao không đứng lại, không bước tới, Ngài vượt khỏi bộc lưu?

- Này Hiền giả, khi Ta đứng lại, thời Ta chìm xuống. Này Hiền giả, khi Ta bước tới, thời Ta trôi dạt; do vậy này Hiền giả, không dừng lại, không bước tới, Ta vượt khỏi

bộc lưu.

(Vị Thiên)

Tử lâu, tôi mới thấy

Bà-la-môn tịch tịnh

Không đứng, không bước tới,

Vượt chấp trước ở đời.

Vị Thiên nói như vậy và bậc Đạo Sư chấp nhận. Vị Thiên ấy biết được: “Thế Tôn đã chấp nhận ta”. Vị ấy đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài, rồi biến mất tại chỗ.”

III. TÌM HIỂU Ý NGHĨA KINH “BỘC LƯU”

- **Như vậy tôi nghe:** Là cụm từ bắt đầu cho bất cứ bản kinh Phật nào. Nguyên do là khi Đức Phật sắp nhập Niết-bàn. Tôn giả A-Na-Luật đề nghị Tôn giả A-Nan bạch hỏi Phật bốn điều:

1) Khi kết tập kinh điển, mở đầu văn kinh nên dùng chữ gì làm tiêu biểu cho tất cả kinh tạng?

2) Khi Phật còn tại thế thì các đệ tử đều an trú cùng một nơi với Phật. Vậy sau khi Phật nhập Niết-bàn thì họ phải sống với ai?

3) Khi Phật còn trụ thế thì Phật là Thầy. Vậy



sau khi Phật nhập Niết-bàn thì nên tôn ai làm Thầy?

4) Nên đối phó như thế nào với các Tỷ-kheo có tánh tình xấu ác?

Đáp lời thưa thỉnh của ngài A-Nan, Đức Phật trả lời rằng:

1) Khi kết tập kinh tạng, hãy dùng bốn chữ "tôi nghe như vậy" (Như thị ngã văn) để mở đầu cho tất cả các bộ kinh.

2) Hãy nương theo Tứ Niệm Xứ mà an trú. Tứ Niệm Xứ chính là Thân, Thọ, Tâm và Pháp. Quán thân bất tịnh, quán thọ thì khổ, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã.

3) Khi Phật còn tại thế thì Đức Phật là Thầy. Khi Phật nhập Niết-bàn thì lấy Giới làm Thầy. Giới là Thầy của tất cả Tỷ-kheo và Tỷ-kheo-ni.

4) Hãy dùng phương pháp "mặc tẩn" để đối phó với các Tỷ-kheo tánh ác. "Mặc" nghĩa là mặc kệ, làm thinh, không nói chuyện với họ. Còn "tẩn" là làm lơ, không quan tâm, không để ý đến họ nữa.

Trở lại cụm từ "Như vậy tôi nghe." Như vậy là từ chỉ cho pháp, chỉ Bộ Kinh sắp diễn nói. "Tôi nghe như vậy" hay "Như vậy tôi nghe" có nghĩa là "Pháp như vậy, tư thân tôi (A-Nan) nghe Đức Phật nói, chứ chẳng phải tôi bày vẽ tạo ra."

- **Nhan sắc thù thắng:** Sắc đẹp vượt trội.

- **Thiên:** Là người phát ánh sáng chói rọi.

- **Danh từ chư Thiên:** Chỉ những chúng sinh sống trong thiện đạo. Nhờ những nghiệp tốt đã tạo, nên chư Thiên thọ mệnh rất dài và luôn sống trong an lạc hạnh phúc. Nhưng chính hạnh phúc này là chướng ngại trên đường giải thoát vì họ không hề giáp mặt với nỗi khổ. Do đó họ không biết khổ trong Tứ diệu đế là gì?

Theo Phật giáo có 28 cõi Thiên, gồm 6 cõi Dục giới, 18 cõi Sắc giới và 4 cõi Vô sắc giới. Dục giới có 6 cõi Trời, là những chúng sanh được hưởng nhiều phước báo, nhưng chỉ là phước báo tạm bợ, vẫn mang hình thể nam nữ nhưng vi tế hơn loài người, họ vẫn còn dục vọng như con người. Sáu cõi Trời của cõi dục còn gọi là lục dục thiên được xếp theo thứ tự từ thấp lên cao gồm: (1) Tứ-Thiên-Vương; (2) Đạo Lợi (cõi trời 33 tức Tam-Thập-Tam Thiên); (3) Dạ-Ma Thiên; (4) Đâu-Suất Thiên là cõi của thiên nhân có niềm vui thâm lặng, đó là chỗ Bồ-tát Di-Lặc đang giáo hóa. (5) Hóa-Lạc Thiên và (6) Tha-Hóa-Tự-Tại Thiên.

Các chư Thiên sinh trong Sắc giới là những vị đạt Tứ Thiên đã diệt tận tham ái xác thịt, nhưng vẫn còn sắc thân, vẫn còn phải chịu hành khổ, hoại khổ tức là khi thời điểm tới thân xác cũng chịu hư hoại rồi chết, chúng Thiên này chưa thoát khỏi luân hồi sanh tử.

Các vị đạt Tứ Xứ (Không Vô Biên Xứ, Thức Vô Biên Xứ, Vô Sở Hữu Xứ, Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ) sẽ sinh trong Vô Sắc giới, các vị này đã giải thoát khỏi Sắc uẩn nhưng vẫn còn Tâm, tức còn bốn uẩn Thọ, Tưởng, Hành, Thức.

Lưu ý: Trong quyển "Đức Phật và Phật Pháp", Hòa Thượng Narada Maha Thera đã nói: "Nên ghi nhận rằng Đức Phật không nhằm mục đích truyền bá lý thuyết về vũ trụ nào. Cho dù những cảnh giới trên có thật hay không cũng không ảnh hưởng gì tới giáo lý của Ngài, không ai bắt buộc phải tin một điều nào nếu điều ấy không thích hợp với suy luận của mình. Thế nhưng nếu bác bỏ tất cả những gì mà lý trí hữu hạn của ta không thể quan

niệm được thì điều đó cũng không phải hoàn toàn chính đáng".

- **Bộc lưu:** Bộc, âm Hán Việt nghĩa là thác nước. Lưu, nghĩa là dòng nước chảy. Bộc lưu có nghĩa chung là thác nước chảy xiết.

Bộc lưu trong bài kinh này mang ý nghĩa ẩn dụ là **dòng thác của cuộc đời đang cuốn đổ ập vào chúng sanh một cách khủng khiếp**. Nó xoay vần, cuốn hút, xô đẩy chúng sanh tạo nghiệp luân hồi sinh tử.

Bộc lưu trong Phật pháp bao gồm rất nhiều thứ. Chẳng hạn như bộc lưu dục vọng. Con người vốn sinh ra từ dục nên nhu cầu hưởng thụ dục vọng đối với họ là chuyện bình thường. Dục vọng là những điều ham muốn không bao giờ đủ của con người. Tùy theo vọng tưởng đam mê mà con người đắm chìm trong tài, sắc, danh, thực, thù. Vì những thứ này mà con người không kiềm chế được tâm tham, sân, si. Do lòng tham mà họ tranh giành cấu xé lẫn nhau có khi bắt chấp đạo đức để chiếm hữu hay thỏa mãn những gì họ mong muốn. Chính vì thế mà con người tạo ra không biết bao nhiêu là ác nghiệp.

Nghiệp được hiểu là hành động có tác ý, gồm ba phần thân, khẩu, ý gọi chung là tam nghiệp. Nghiệp có tốt có xấu, có thiện có ác. Nghiệp nhân đã tạo ra rồi thì sớm muộn gì cũng trở quả. Không ai có thể trốn tránh nghiệp, dù nghiệp đó đã gây ra từ nhiều đời quá khứ. Khi nghiệp xấu trở quả, nghiệp nhẹ có thể qua mau, còn nghiệp nặng, nó khiến con người gặp những phiền não, đau đớn, thất vọng, khổ sở, không góc đầu lên nổi. Cho nên hành nghiệp cũng được xem như là một loại bộc lưu kinh khủng. Vì thế còn nghiệp là còn bị trôi buộc trong vòng luân hồi sinh tử.

Sống trên đời không ai thoát khỏi quy luật sanh già bệnh chết. Quy luật này cũng chính là bộc lưu khiến con người lúc nào cũng sợ hãi phải đối đầu với nó. Mà cho dù có can đảm đối đầu đi nữa, nhưng nếu không có phương pháp, không có đường lối tu tập theo đúng với Chánh pháp, thì nghìn kiếp, triệu kiếp vẫn mãi trôi lăn theo vòng quay của bánh xe luân hồi không bao giờ có lối thoát.

- **Không đứng lại, không bước tới, Ta thoát khỏi bộc lưu:** Đây là câu trả lời của Đức Thế Tôn dành cho vị Trời cầu pháp "Làm sao vượt khỏi bộc lưu?" Câu này chúng ta có thể hiểu rằng "muốn vượt khỏi bộc lưu thì hành giả không được phép dừng lại, cũng không được phép bước tới!"

Câu trả lời của Đức Phật khiến cho vị Thiên tử kia, và ngay cả người thông thường như chúng ta cũng thắc mắc không hiểu nổi. Bởi một khi chúng ta đứng trên hay trước một dòng nước đang chảy xiết, thông thường chúng ta đứng lại, hoặc bước tới để chạy trốn khỏi dòng nước. Nhưng bậc Đại Giác lại bảo rằng "không đứng lại, không bước tới, thì ngay khi đó Ngài thoát khỏi bộc lưu". Thật là khó hiểu. Vì vậy, vị Thiên tử đã nêu lên thắc mắc: "Làm sao không đứng lại, không bước tới, Ngài vượt khỏi bộc lưu?" Bấy giờ Đức Phật mới khai thị:

- **Này Hiền giả, khi Ta đứng lại thời Ta chìm xuống, khi Ta bước tới thời Ta trôi đạt. Do vậy, không đứng lại, không bước tới, Ta vượt khỏi bộc lưu.** Đây là một câu nói ẩn dụ dành trả lời cho những người tu học theo đạo Phật.

- **Tại sao đứng lại thì bị chìm xuống:** Chìm

uống ở đây có nghĩa là con người bị dòng nước xoáy nhận chìm khi đứng lại. Dòng nước xoáy mạnh này dụ cho những tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, hôn trầm, trạo cử, kiết sử, tùy miên, vô tâm, vô quý, đam mê với tài, sắc, danh, thực, thụ, hoặc sống ngay trong hiện tại mà luôn truy tìm về quá khứ và sống vui buồn theo quá khứ, hoặc mê man hưởng thụ lạc thú, không nhận ra chân lý của cuộc đời qua lời dạy của các bậc Chân nhân thì người đó đã đứng lại và bị nhận chìm trong bộn bề tức bị những ác pháp nêu trên hành khổ.

- **Tại sao bước tới thì bị trôi dạt:** Bước tới nghĩa là cả thân tâm đều chạy theo ngũ dục trần cảnh, nghĩa là bị ngũ dục cuốn trôi. Ngũ dục vô tận, con người sống theo ngũ dục, nên cũng bị trôi dạt theo ngũ dục, theo phiền não vô tận. Bản chất tham lam khiến con người thường mong cầu cuộc sống hạnh phúc tốt đẹp trong tương lai, nên luôn để tâm trí theo đuổi hết vọng cảnh này đến cảnh mộng khác, từ ý nghĩ này sang ý nghĩ khác. Khi rơi vào trạng thái đó nghĩa là tâm thức đang trôi dạt hướng vọng đến tương lai. Đời sống nhân gian, đa số người ta có thói quen hưởng ngoại hơn hưởng nội. Giải quyết vấn đề gì cũng để ý thức phân biệt so sánh đưa tới cảm thọ thương ghét, giận hờn (tham, sân, si). Người nào để tâm nhĩ nguyên chiếm lĩnh xử lý mọi việc thì người đó đang bị lôi kéo, trôi dạt theo dòng nước cuốn.

Con người đứng lại thì bị nhận chìm, bước tới thì bị trôi dạt theo dòng nước cuốn. Như thế cuộc sống của họ lúc nào cũng lo âu phiền não. Nếu như có được chút sung sướng nhờ hưởng thụ một chút tiền tài, danh vọng, được ăn ngon, ngủ kỹ, thì người đó cũng phải trả một cái giá không nhỏ. Khi đạt được rồi lại nơm nớp lo sợ một ngày nào đó hạnh phúc bị mất đi. Từ xưa đến nay có cái gì của mình mà ở lại với mình mãi đâu. Đức Phật đã từng nói tất cả các pháp hữu vi đều vô thường mà! Con người không tinh ngộ, mãi mê phục vụ những đòi hỏi của bản ngã nên tạo nhiều nghiệp... để rồi phải chịu luân hồi sanh tử. Sống như vậy là sống trong đau khổ, sống trong thoi thóp nghẹt thở chờ chết, vì bị bộn bề xoáy cuốn tới bởi. Chính vì vậy nên Đức Phật đã khai thị ngắn gọn cho vị Thiên tử rằng là: "*Không đứng lại không bước tới, Như Lai thoát khỏi bộn bề.*"

Vậy lúc đó Như Lai đứng ở vị trí nào mà Ngài vượt thoát khỏi bộn bề. Đó là lúc tâm Ngài đang ở trong thực tại bây giờ và ở đây. Chỗ đó không bị ảnh hưởng của không gian và thời gian. Chỉ là một sự yên lặng tĩnh thức với cái Biết Không Lời của tâm về các đối tượng khi sáu căn tiếp xúc, mà ngôn ngữ Thiền gọi là Chánh Niệm Tĩnh Giác. "*Cái Biết Không Lời*" là đặc tính của Tánh giác. Khi cái Biết này sâu sắc thì trở thành "*Nhận thức không lời*" là đặc tính của Phật Tánh.

IV. LÀM SAO VƯỢT KHỎI "BỘN BỀ"?

Lời khai thị của Như Lai trả lời câu hỏi của vị Thiên tử "*Làm sao vượt khỏi bộn bề*" là "*không đứng lại, không bước tới, Ta thoát khỏi bộn bề*" thật ngắn gọn nhưng nó bao hàm cả một đời hay nhiều đời tu tập về Pháp Học và Pháp Hành cho những ai muốn thoát khỏi biển đời sinh tử trong nhà Phật.

Sau khi tìm hiểu nghĩa "*bộn bề*" dụ cho những nguyên nhân khiến con người bị nhận chìm và trôi



dạt đến một phương trời tăm tối si mê; muốn thoát ra khỏi "*bộn bề*" chúng ta phải có phương pháp tu tập. Trước hết phải gần gũi các bậc Chân Nhân học hỏi nơi các Ngài, để hiểu rõ bốn sự thật về khổ. Đó là Tứ Diệu Đế gồm Khổ đế, Tập đế, Diệt đế và Đạo đế. Nhờ học hỏi, chúng ta biết thêm rằng vạn pháp có mặt ở trên đời này do nhiều nhân nhiều duyên kết hợp mà thành. Khi duyên tan rã thì vật đó cũng tan rã biến mất để trở thành một dạng thể khác. Hiểu và tin rằng cuộc đời của con người được vận hành bởi Nghiệp quả thì chúng ta không dính mắc với những phiền muộn, đau khổ hay hạnh phúc do thế gian mang tới. Đây là Pháp Học.

Còn Pháp Hành? Chúng ta phải tu tập thiền Định và thiền Huệ. Nhờ thiền Định mà tâm chúng ta bình ổn. Nhờ thiền Huệ mà tâm trí chúng ta sáng suốt không bị bộn bề nhận chìm hay cuốn trôi vào vòng luân hồi sinh tử. Trong thời gian bốn mươi lăm năm giáo hóa, Đức Thế Tôn đã tùy theo căn cơ của chúng sanh mà truyền dạy rất nhiều phương pháp thoát khổ. Trong đó có pháp "*Thu Thúc Lục Căn*" thích hợp với nhiều người.

THU THÚC LỤC CĂN

Khi lục căn tiếp xúc với lục trần là khi mắt thấy sắc, tai nghe âm thanh, mũi ngửi mùi hương, lưỡi nếm vị, thân va chạm và ý suy nghĩ đưa đến cái biết. Cái biết do mắt tiếp xúc với sắc gọi là Nhãn thức, do tai tiếp xúc với âm thanh gọi là Tỷ thức, do mũi ngửi thấy mùi hương gọi là Tỷ thức, do lưỡi tiếp xúc với gia vị ngọt, cay, đắng, mặn, bùi... gọi là Thiệt thức, thân va chạm với lạnh nóng, thô kệch hay mịn màng có cái biết gọi là Thân thức, Ý suy nghĩ gọi là Ý thức.

Do các căn tiếp xúc với các trần có Ý thức xen vào phân biệt khen chê tác động vào tâm cảm xúc khiến con người sinh ra thích hay không thích, thương hay không thương, ưa hay không ưa. Tâm sẽ chạy theo những gì nó thích và tìm cách bám lấy hay chiếm đoạt cho bằng được. Còn như đối tượng nó không ưa thì nó lẩn tránh xua đuổi. Nếu không tránh được, có khi tâm rơi vào trạng thái sân giận chán ghét. Từ đó tâm tham sân si được thành lập. Tham sân si chính là bộn bề sẽ cuốn hút chúng sanh đến cảnh giới thích ứng và tạo nghiệp.

Thu thúc lục căn là tu tập bằng cách huấn luyện Ý thức yên lặng khi lục căn tiếp xúc với lục trần, hành giả giữ cái biết khách quan, "**không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng**

riêng", tức biết cái đang là của đối tượng, tâm biết nhưng đứng đưng không bị đối tượng cuốn hút hay quyến rũ đưa đến nhung nhớ, suy nghĩ... Pháp tu này, có nghĩa là hành giả không bước tới, không ôm ấp nắm giữ tướng chung hay tướng riêng của đối tượng. Tâm chỉ có cái biết chân thật về đối tượng. Đối tượng như thế nào biết như thế này!

Pháp này cũng được xem là pháp "**Như Thật**", thấy đối tượng như thế nào biết như thế đó hoặc pháp "**Không Gọi Tên Đối Tượng**" thấy đối tượng, biết nhưng không diễn nói, không gọi tên trong đầu, tức không nói thầm trong não, tâm hoàn toàn yên lặng. Đây là pháp thuộc thiền Huệ.

Thu thúc lục căn qua "**Chánh niệm**" nghĩa là lúc nào tâm cũng có mặt trong thực tại bây giờ và ở đây. Tâm không buông lung chạy theo vọng cảnh hay vọng tâm, không truy tìm bám víu quá khứ, cũng không mơ tưởng ước vọng tương lai. Ngay trong hiện tại không bị hoàn cảnh lôi cuốn theo ngũ dục. Khi hành giả ở trong "**Chánh niệm tinh giác**", có nghĩa là hành giả không dừng lại, không bước tới, hành giả an trú trong "**bây giờ và ở đây**". Tâm hành giả không động không rung chuyển trước bất cứ trận cuồng phong nào của cuộc đời thối tới như thành công hay thất bại, tán thán hay chê bai, si nhục hay khen thưởng, đau khổ hay hạnh phúc... thì ngay khi đó hành giả đã vượt thoát bực lưu.

V. KẾT LUẬN

Lời khai thị của Đức Phật dành cho vị Thiên tử vào một đêm gần sáng tuy ngắn gọn nhưng dụ một bài học lớn không chỉ dành cho vị Thiên tử đó, mà còn dành cho cả loài người chúng ta. Sống trong cuộc đời nếu không khéo học hỏi, không nhận thức và hành động đúng đắn, để cho bản ngã dính mắc vào với những buồn thương hay hạnh phúc của quá khứ hoặc chạy theo ảo ảnh của tương lai và bị nhận chìm trong những đam mê sắc dục, danh vọng, tiền tài, quyền lực... thì cả đời người chỉ khổ, vì những thứ đó trong nhà Phật so sánh như là những dòng nước lũ, nhận chìm hoặc cuốn trôi con người không bến đỗ. Bến đỗ ở đây chính là bờ giác ngộ, nơi không còn khổ đau. Bờ Giác Ngộ không dễ đến được trong một sớm một chiều, nhưng nếu chịu học hỏi tu tập theo Bát Chánh Đạo, giữ được Chánh niệm thì ngay lúc đó hành giả cũng đã chạm tới niềm an lạc hạnh phúc, vì không bị chìm xuống đáy vực sâu cũng không bị trôi dạt theo dòng nước lũ. Thực tập Chánh Niệm, chúng ta đừng quên lời dạy của Đức Thế Tôn trong bài kinh "**Nhất Dạ Hiền Giả**":

*Quá khứ không truy tìm
Tương lai không ước vọng
Quá khứ đã đoạn tận
Tương lai lại chưa đến
Chỉ có pháp hiện tại
Tuệ quán chính là đây
Không động không rung chuyển
Biết vậy nên tu tập!*

"**Tâm không động không rung chuyển**" giây phút nào, thì giây phút đó hành giả đã thoát khỏi bực lưu. Vượt qua bực lưu là vượt qua những đòi hỏi của bản năng, từ đó có cơ hội vượt qua biển khổ sinh diệt. Sáu căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý là sáu cánh cửa có thể giúp con người an trú trong cõi an nhiên tự tại bây giờ và ở đây, ngược lại nó



VIỀNG CHÙA QUÊ

*Ngõ làng gió thốc cát bay
Rát ran người, tản mây gây mỏng mưa
Chiều cuối năm, vắng chuông chùa
Kệ kinh quyện khói hương nhòa quê xa
Vọng ngân chí chôn sơn hà
Dội về rền thâu tâm xoa nổi lòng
Vách lưng dựa núi Đá Chồng
Đốc ghềnh sắc cạnh, lối mòn cỏ gai
Thâm sơn cùng cốc an bài
Chân tu ẩn dật thoát thai tục phàm
Dặm trường mỗi cánh thế trần
Ngộ mê tình kiếp xoay vần bốn ba
Viếng chùa chạnh nhớ người xa ...
Đường xưa muôn vạn lối qua thăm sàu.*

thơ HOA NGUYỄN

cũng dễ dàng đưa con người vào ba đường khổ, nếu không biết tu tập. Pháp tu "**Thu Thúc Lục Căn**" giúp thanh tịnh sáu căn với cái biết chân thật, thấy sao biết vậy, giúp kiềm chế, ngăn chặn, gội rửa những ô nhiễm do vọng tưởng gây ra. "**Thu Thúc Lục Căn**" là phương tiện cần thiết mà Đức Thế Tôn cũng như các bậc Thầy Tổ đã truyền dạy cho chúng ta. Muốn thoát khỏi bực lưu, chúng ta phải bắt đầu tu tập pháp này ngay từ bây giờ.

THÍCH NỮ HẰNG NHƯ

*(An cư Kiết Xuân 2022 tại Thiền Viện Chân Như,
Navasota, TX)*

THIỀN SƯ TẾ HIỂN BỬU DƯƠNG với ĐÒNG THIỀN LIỄU QUÁN XỨ TRẦM HƯƠNG

Thích Thánh Minh

LỊCH SỬ / TÀI LIỆU

(tiếp theo)

VI. MÔN ĐỆ THIỀN SƯ TẾ HIỂN BỬU DƯƠNG



1. Hòa thượng Đại Thông Chánh Niệm (1710-1810)

- Hòa thượng Đại Thông là vị tổ thứ 4 kế thừa chùa Hội Phước. Năm 1742, ngài đã dời chùa từ đồi Hoa Sơn (núi Một) xuống vùng đất bằng cát trắng ở vị trí chùa hiện nay và đổi lại tên thành chùa Hội Phước. Tổ thứ năm là ngài Đạo An Phổ Nhuận đã chú tạo đại Hồng Chung còn lưu truyền đến nay. Tiếng chuông ngân nga màu nhiệm vì có sự gia trì nhiều đời tổ sư. Hòa thượng Đạo An có bài kệ phó chúc cho 2 đệ tử Tánh Minh Trí Quang và Tánh Lý Trí Minh như sau:

*Pháp bốn nguyên lại thị pháp tâm
Pháp ngoại phi pháp mạc cánh tâm
Pháp lý ngộ thời chơn thị pháp
Vĩnh chấn tông phong vạn cổ truyền*
dịch nghĩa:
*Pháp vốn xưa nay là pháp tâm
Ngoài pháp chẳng pháp chớ lại tâm
Trong pháp tỏ rồi đây chơn Pháp
Bền vững tông phong mấy vạn năm.*

Hòa thượng Tánh Minh là tổ thứ 6 kế thừa chùa Hội Phước tiếp theo là các ngài: 7. Như Huệ Thiền Tâm, 8. Thanh Minh Huệ Châu, 9. Chơn Hương Thiên Quang, 10. Thanh Chánh Phước Tường, 11. Thị Thọ Nhơn Hiền, Ấn Ngân Tín Liên, Đồng Kinh Tín Quả và đương kim trụ trì là Hòa thượng Thích Quảng Thiện.

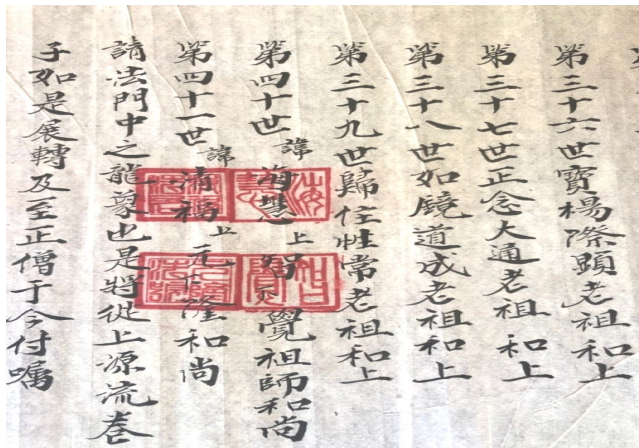
- Hòa thượng Đại Thông Chánh Niệm trong thời gian khai sơn chùa Thiền Lộc, Ngài có đệ tử Đạo Nguyên Viên Dung (1779-1834) là người đã chứng minh khắc bằng Khoa Du Già là một kỳ tích nổi tiếng của Phật Giáo Khánh Hòa với bài kệ truyền tụng:

*Mỗi nhật thần hôn nghệ chú hương
Ta thiên, tạ địa, tạ quần vương
Thường kỳ xứ xứ diên hòa thực
Đàn nguyện gia gia thọ mạng trường
Thánh chúa, hiền thần an xã tắc
Phụ tử, tử thuận ổn gia nường
Tứ phương binh định can qua tức
Tam chúc toàn xương tụng vô cương.*

Bản Kinh đã hoàn thành vào năm 1832 tại chùa An Dưỡng với sự chứng minh của chư tôn đức:

- An Dưỡng tự hựu Chương Huấn, tự Tông Giáo trú trí thủ hộ kinh
- Thiên Lộc tự hựu thượng đạo hạ Nguyên, Viên Dung Hòa thượng chứng minh
- Long Quang tự hựu thượng Liễu hạ Đạt, tự Bảo Hưng đại sự truyền thọ.

Hòa thượng Đạo Nguyên Viên Dung có đệ tử: Tánh Hồng Hải Tạng và các pháp tôn: Hải Vinh Phổ Tường, Hải Ân Tử Diệp Chánh Thành, Hải Huệ Chánh Nhơn, Thanh An Chánh Tín, Thanh Hương Phổ Hiện và truyền đến Hải Chấn Chánh Ký, Hòa thượng Trùng San Giám viện Phật học viện Hải Đức, Hòa thượng Thanh Trạng Như Tịnh chùa Linh Nghĩa, Hòa thượng Trùng Huệ Như Ý chùa Linh Sơn, và Hòa thượng Trùng Lộc Chơn Kiến chùa Thiên Phú v.v...



- Hòa thượng Đại Thông Chánh Niệm khai sơn chùa Tân Long (xưa là chùa Linh Sơn), có các đệ tử Đạo Thành Như Cảnh truyền đến ngài Tánh Thường Quy Trụ khai sơn chùa Thiên Thai Sơn Thạch Sông Cầu. Năm 1889, ngài Tánh Thường mở giới đàn tại chùa Thiên Tôn Tuy An.

Ngài Hải Huệ Trí Giác là đệ tử của Hòa thượng Tánh Thường: Trong dịp đại trai đàn tổ chức tại chùa Kim Quang Huệ. Hòa thượng Pháp Tạng chùa

Phước Sơn thủ gia trì chốn tế đại khoa, Hòa thượng Pháp Hỷ chùa Linh Sơn thủ pháp sư thuyết pháp, Hòa thượng Hải Huệ Trí Giác chùa Thiên Thai thủ sám chủ nghi lễ được vua Thành Thái mến phục ngợi khen và cúng dường nhiều bảo vật. Hòa thượng Trí Giác có đệ tử Thanh Phước Nguyên Long là bốn sư của đại sư Trừng Hằng Vĩnh Bảo kế thừa tổ đình Phước Long đã đào tạo nhiều Tăng tài như:

- HT Tâm Minh Truyền Chánh Liên Châu chùa Long Quang có đệ tử Nguyên Đạt du học tại Nhật và khai sơn thiền viện Liễu Quán và chùa Bảo Tịnh tại Nam Cali; Nguyên An khai sơn chùa Cổ Lâm Seattle, Nguyên Kim, Nguyên Thành đang dịch kinh tại chùa Bảo Tịnh Phú Yên, và Nguyên Tôn trụ trì chùa Long Quang Sông Cầu v.v...

- HT Tâm Dung Truyền Diệu Liên Phương kế thừa chùa Thiên Hưng, có đệ tử Nguyên Trực khai sơn chùa Từ Nhận tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu và Nguyên Trí khai sơn chùa Bát Nhã Nam Cali.

- HT Tâm Quảng Truyền Độ Viên Dung kế thừa chùa Châu Lâm, có đệ tử là Nguyên Đức thừa kế chùa Hồ Sơn Phú Yên.

- HT Tâm Bổn Truyền Lai Trí Nghiêm, người hy hiến cuộc đời cho đạo pháp. Sau khi tốt nghiệp tại Phật học đường Bảo Quốc, hoằng pháp tại các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên. Ngài là vị giảng sư lỗi lạc của Hội Phật Học miền Trung, là vị Đường đầu Hòa thượng của các đại giới đàn Trí Thủ, Thiên Hòa v.v... và đặc biệt đã phiên dịch rất nhiều bộ kinh, luận như: Kinh lời vàng, Kinh Phổ Môn Giảng Lục, Kinh Pháp Hoa Giảng Lục, Kinh Đại Bát Nhã, Luận Thành Thật v.v... Ngài có đệ tử Nguyên Tịnh chùa Thiên Tôn Canada.

- HT Tâm Thông Truyền Hữu kế thừa chùa Phước Long Xuân Lộc thủ chí phụng đạo và chọn việc chăm sóc ruộng vườn làm phương tiện tu tập "Dĩ nông vi thiền" để tấn đạo nghiêm thân.

2. Hòa thượng Đại Phước Liễu Tánh

Tổ thứ 2 kế thừa chùa Thiên Bửu là Hòa thượng Đại Phước Liễu Tánh kiêm trụ trì chùa từ An Gia Định. Long vị thờ ở chùa Từ An có ghi: "Lâm Tế gia phổ, Từ An trùng kiến, tam thập thất thế, hỷ Liễu Tánh thượng Đại hạ Phước".

(Có tài liệu ghi tổ thứ 2 kế thừa chùa Thiên Bửu là ngài Đại Trí (1897-1944). Đây là một sự nhầm lẫn bởi vì ngài Thích Đại Trí có pháp danh là Trừng Thông hiệu Nhơn Duệ là đệ tử của Hòa thượng Thanh Chánh Phước Tường (1867-1932) sau đó vào Phan Rang Tu học và được Hòa thượng Huệ Đạo ban cho pháp hiệu Đại Trí)

Tổ thứ 3 kế thừa chùa Thiên Bửu là ngài Đạo Phước Minh Tôn.

Tổ thứ tư là Hòa thượng Liễu Bửu Huệ Thân. Năm 1835, ngài được mời ra kinh đô dự "thủy lục đạo tràng" siêu độ vong quan vào tiết Trung



TỔ SƯ LIỄU QUÁN - THIẾT ĐIỀU (1667 - 1742)
KHAİ SƠN CHÙA THUYỀN TÔN - HUẾ

nguyên được vua Minh Mạng ban giới đao độ điệp và hiện nay vẫn còn lưu giữ tại tổ đình. Tiếp sau tổ Liễu Bửu Huệ Thân, kế thừa trụ trì Thiên Bửu được chi thành 2 nhánh:

- Chùa Thiên Bửu thượng tiếp kế thừa là các ngài: 5. Thanh Chánh Phước Tường là bốn sư của Hòa thượng Thích Quảng Đức, 6. Trừng Tường Nhơn Sanh năm 1934 tổ chức Đại giới đàn, 7. Tâm Đạo Nhơn Hưng, 8. Tâm Kính Bảo Thành, 9. Trừng Lãnh Nhơn Vinh, 10. Thị Hiệp, 11. Tâm Kỳ, 12. Tâm Hòa, 13. Tâm Vấn, 14. Tâm Bảo, 15. Nguyên Hoa Thiện Tường và ĐĐ. Nhuận Đăng.

- Chùa Thiên Bửu hạ tiếp kế thừa là các ngài: 5. Đạt Khương Từ Hội, 6. Ngô Hương Phổ Nhân, 7. Tâm Tự Hạnh Nguyên, 8. Ngô Giáo Phổ Châu, 9. Tâm Đức Từ Phong, 10. Tâm Phước Hạnh Hải và

11. Quàng Thường Ngô Tánh.

3. Hòa thượng Đại Bửu Kim Cang (1740-1765)

Hòa thượng Đại Bửu Kim Cang là vị tổ khai sơn chùa Linh Sơn Vạn Giã. lúc ban đầu gọi là Sa Long tự. Ngài là đệ tử đặc pháp với tổ Tế Hiển Bửu Dương tại tổ đình Thiên Bửu. Truyền rằng khi ngài ngồi tu dưới gốc cây, thì có một con hổ đến sanh nở bên cạnh, ngài vẫn điềm nhiên ngồi tĩnh tu. Năm 1761, ngài mới lập chùa, tạo tượng, đúc chuông. Đến đời Tây Sơn các chuông chùa đều bị tịch thu để đúc vũ khí, đại hồng chung chùa Linh sơn được bốn đạo mang đi dấu nhưng sau đó bị thất lạc. Một bà lão đi mò ốc một hôm phát hiện quả chuông tại cửa sông Hiền Lương, sợ quá bà tri hô lên. Làng Tân Đức và Hiền lương tranh nhau chiếm giữ quả chuông phải đưa đến cửa quan. Quan xử làng nào có chùa, chuông về làng ấy. Tân Đức không có chùa, nên chuông được cúng chùa Linh Sơn. Trên thành Hồng Chung có ghi rõ năm tháng chú tạo: "Cảnh Hưng nhị thập nhị niên, Tân Tỵ bát nguyệt" đúng vào năm tổ Đại Bửu đã khai sơn chùa nên mọi người đều mừng. Chùa Linh Sơn là một thắng địa hội tụ được khí thiêng sông núi để Phật tử bốn phương quy ngưỡng. Tiếp sau tổ Đại Bửu, kế thừa truyền đăng tục điệp là các ngài: Ngô Thuận Phước Minh, Ấn Chánh Huệ Minh, Chơn Hương Thiên Quang, Chơn Công Viên Giác, Thị Thủy Quảng Đức, Tâm Thanh Tịch Tràng và đương kim trụ trì là Hòa thượng Thích Thiện Dương.

4. Hòa thượng Đại Bồ Thiện Đề

Hòa thượng Đại Bồ Thiện Đề khai sơn chùa Kim Cang ở xã Bình Thạnh, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An là đệ tử tổ Tế Hiển Bửu Dương. Tiếp nối trụ trì là các ngài: Đạo Đăng Bửu Hương, Tánh Đức Vạn Bửu, Hải Lương Chánh Tâm (1836-1906), Thanh Nhứt Độ Long, Trừng Thọ Thiện Quới v.v...

Ngoài kiến trúc đẹp chùa Kim Cang hiện nay

chùa Kim Cang ở Long An còn lưu giữ 299 mộc bản chữ Hán tinh xảo trong đó có các kinh như Kim Cang, Bát Nhã v.v... của các tổ xưa để lại.

V. TÂM HƯƠNG NGUYỆN CẦU



*"Công ai đổ xuống đất này
Cho hoa đạo pháp càng ngày thêm
xinh"*

Tìm về cội nguồn lịch sử Phật giáo truyền thừa nơi xứ trầm hương này cũng chính là khơi dậy trong lòng Tăng Ni và Phật tử một niềm tri ơn toàn thiện. Tổ Tế Hiền Bửu Dương là người đầu tiên đem dòng thiền Liễu Quán đến Khánh Hòa và hàng môn đệ của ngài tiếp tục thắp sáng và truyền đèn pháp đến Đồng Nai, Sài Gòn Gia Định, Long An và Cao Nguyên Đà Lạt, soi tỏ đời sống tín ngưỡng và văn hóa tâm linh, giúp mọi người tự hoàn thiện với chính mình và vươn lên với "Chân, Thiện, Mỹ."

Dòng Thiền Liễu Quán xứ trầm hương đã ươm mầm bồ đề giải thoát cho nhiều thế hệ Tăng Ni tại Phật Học Viện Hải Đức, Trường Phật Học Khánh Hòa và các tổ đình: Hội Phước, Thiên Bửu, Long Sơn, Linh Sơn, Tân Long, Thiên Lộc, Thiên Phú, Nghĩa Phương, Đông Phước, Linh Nghĩa, Linh Quang, Liên Hoa, Giác Hải, Viên Ngộ, Kỳ Viên v.v... đều được gội nhuần diệu lý của "Thật tế đại đạo" và noi gương thầy tổ tiếp tục lên đường "Truyền trì diệu lý điển xứng chánh tông" trên quê hương thân yêu hoặc nơi xa hơn nữa là các quốc gia hải ngoại.

Để tưởng nhớ ơn sâu mở đạo, ghi lòng nghĩa lớn truyền đăng, nhân dịp Lễ tưởng niệm húy nhật Tổ Sư Thiệt Diệu Liễu Quán lần thứ 279, đốt nén tâm hương và xin chắp tay nguyện cầu đèn thiền luôn tỏ rạng soi đường cho hàng hậu học chúng con tiến bước.

*(Kỷ niệm ngày giỗ Tổ Liễu Quán tại chùa
Hội Phước New Mexico, năm Tân Sửu
2021)*

NHU' ÁNG PHÙ VÂN

*Trăm năm đá có bạc màu?
Thăng trầm tóc đã uả nhàu thời gian
Dòng đời dâu bể trái ngang
Nôi trôi theo sóng cuối ngàn phù vân*

*Thì tôi dẫu cũng một lần
Nhân sinh trong kiếp nợ nần đắng cay
Sang giàu, danh vọng có hay
Tử qui cuối nẻo, xuôi tay còn gì?*

*Nhẹ nhàng theo dấu thiên di
Mở lòng thiện phúc từ bi với đời
Dẫu bao sóng gió dập vùi
Tâm lòng thanh thoát cõi trời lạc hoan*

*Đừng vương chi kiếp đa đoan
Sân si cũng chuốc bể bàng hư không
Đời như một áng mây bông
Vơi tan theo gió giữa dòng phù du.*

LỜI RU CÁT BỤI

*Ru thân cát bụi chơi vơi
Trăm năm phận kiếp giữa đời chông chênh
Giọt chuông rơi khúc buồn tênh
Ru hời...cát bụi mông mênh cõi trần*

*Cuộc đời như áng phù vân
Truân chuyên, dâu bể, phù trầm đắng cay
Nhỏ nhoi cát bụi gió bay
Chuỗi ngày sinh, kỷ đoạ đầy oan khiên*

*Trả trần gian những lụy phiền
An vui, tự tại trao niềm yêu thương
Qua đi một kiếp vô thường
Về nơi cát bụi miền trường thiên thu.*

thơ NHẬT QUANG



CỔ THỰC TẬP ĐÚNG TÁM ĐIỀU ĐỂ TĂNG THÊM PHƯỚC

Tâm Lương Đào Mạnh Xuân

(chuyển thành văn vần)

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Phần được chuyển thành văn vần dưới đây, đã lấy ý chính từ đường link sau: <https://kinhduocsu.tumblr.com/post/166179348637/l%E1%BA%A1y-kh%C3%B4ng-ph%E1%BA%A3i-cong-l%C6%B0ng-n%E1%BA%B1m-s%E1%BA%A5p-m%C3%A0-l%C3%A0-bu%C3%B4ng-x%E1%BA%A3>

LAY: không chỉ cúi sấp, công lưng,
Cổ để Cống Cao phải tuyệt đường.
NIỆM: đầu cần phải ghi nhiều ít,
Thanh Tịnh Thân Tâm, đời tỏa hương.

XÁ: cốt Phải Cung Kính Đối Phương.
Chấp tay chào vái chỉ là thường.
ĐỊNH: chẳng phải ngồi yên bất động.
Đối Cảnh Vô Tâm mới đúng đường.

HỖ: không chỉ nét mặt vui tươi,
Thư Thái Thân Tâm mới tuyệt vời.
TU: chẳng chỉ buông bỏ dục vọng.
Tâm Không Ích Kỳ, rạng đời người.

THÍ: không phải tắt cả buồng đầu,
Từ Bi Chia Sẻ nhớ hàng đầu.
HỌC PHẬT: không luận tích tri thức.
Thực Hành Vô Ngã, pháp thâm sâu.

Để chúng ta để ý nhiều đến điều cần thực tập, chúng tôi xin rút gọn lại bài viết trên thành hai phần, như sau:



XÁ: Là cốt Phải Cung Kính Đối Phương.
LAY: Cổ cho Ngã Mạn tới cùng đường.
TU: Tâm Không Ích Kỳ cho lòng rộng.
NIỆM: Thanh Tịnh Thân Tâm, đời tỏa hương.

THÍ: Từ Bi Chia Sẻ nhớ hàng đầu.
ĐỊNH: Đối Cảnh Vô Tâm nhớ kỹ lâu.
HỖ: Thư Thái Thân Tâm đời tuyệt đẹp.
HỌC PHẬT: Thực Hành Vô Ngã, pháp thâm sâu.

Phần đọc thêm:

(1) LAY: Cống Cao, Ngã mạn phải tuyệt đường

Lay Phật, Cống Cao hết có ngày.
Tội nghiệp, lần lần giảm mới hay.
Sức khỏe, qua ngày, tăng thấy rõ.
Phước báo thêm dần thật tuyệt thay!
Ngã Mạn, Cống Cao chẳng tốt đâu.
Người ghét càng nhiều, Phước tổn mau.
Sao không Khiêm Tốn, nhiều người trọng?!
Phước báo tăng, đời sống tốt lâu.

(2) NIỆM: Thanh Tịnh Thân Tâm:
Trong trí nhiều điều xấu hiện lên.
Nhận biết, phải xua khỏi hẳn liền.
Cứ vậy, bớt dần tâm vẫn đục.
Thanh Tịnh Thân Tâm sẽ hiện tiền.

Điều tiêu cực, cứ vướng trong đầu,
Cổ gắng kìm tâm, đuổi chúng mau.
Ngày ngày thực tập, nhanh thành tựu.
Thân Tâm Thanh Tịnh đạt yêu cầu.

(3) XÁ: Phải Cung Kính Đối Phương:
Xá: cốt phải cung kính đối phương
Họ kính mình không chỉ chuyện thường.
Ai làm được vậy, cống cao mất.
Khiêm cung ăn nói, làm người thương.

(4) ĐỊNH: Đối Cảnh Vô Tâm:
Cảnh ở trước ta, tâm chẳng hay.
Tiếng nói vào tai, gấp thoảng bay.
Người ngồi Thiền Định tu như thế.
Mới là đạt Định, khó làm thay!

(5) HỖ: Thư Thái Thân Tâm:
HỖ, mặt vui tươi, chẳng đủ đâu.
Thân Tâm Thư Thái đạt yêu cầu.
Muốn nên điều ấy, làm cho được:
Buông bỏ giận sân,.. hết khổ sầu!

(6) TU: Tâm Không Ích Kỳ:
Tục ngữ, người xưa đã dặn dò:
Ở xối lờ, Trời sẽ cời cho

Ăn ở so đo, Trời buộc lại.
Chân lý muôn đời, cố nhớ cho.

(7) THÍ: Từ Bi Chia Sẻ:
Phàm khi bố thí,... hoặc hộ trì,
Chớ vì danh, lợi dẫn mình đi,
Tâm luôn cung kính, lòng thanh tịnh,
Có vậy, phước lành hưởng trọn y.

Đáng sá gì chào hỏi, cảm ơn.
Không được đáp ân, chớ giận hờn.
Cúng dường, Bố thí,... liền quên hết.
Mới là hiểu đạo, PHƯỚC nhiều hơn.

Xin ghi thêm: Cách cho, quý hơn của
cho. Vậy nên khi bố thí, cúng dường,
ta nên dùng hai tay để đưa của bố thí.

(8) HỌC PHẬT: Thực hành VÔ NGÃ:
Thực hành VÔ NGÃ pháp thâm sâu.
Chỉ học ở đây đoạn mở đầu:
Thực tập triệt tiêu TÂM CHẤP NGÃ.
CHẤP NGÃ quá nhiều, lắm khổ đau!

CHẤP NGÃ chính là bám CÁI TA.
CÁI TA tốt, CHẤP NGÃ lia xa.
Từ nay cố thực hành phần gốc.
Làm tốt, coi như xong việc mà!

Điều xấu đến, do lỗi ở mình.
Nhận rồi, xong cứ việc làm thiện.
Được vậy, CÁI TÔI không trôi dạt.
Tập nhiều, CHẤP NGÃ bớt hoành hành.

CÁI TA tu tốt, đứng hàng đầu.
Lâu ngày NGÃ CHẤP, chẳng còn đâu.
Đây là mẫu chốt trong đường đạo.
Hãy cố tu nhiều, kết quả mau.

Có tính KHIÊM CUNG, "TA" bớt ngay.
Nện chi cố gắng tập hằng ngày.
CÁI TA khó ngóc đầu lên được.
Tâm ta nhẹ nhõm, thật vui thay!

Tu tập cố nhiều phương tiện hay.
Diệt CHẤP NGÃ đi, trong số này.
Nên phải cố tâm, trừ CHẤP NGÃ.
Đường vào CÔI TỊNH chính là đây.

Kính mong quý bạn đạo cùng chúng
tôi cố gắng thực tập đúng Tám Điều ở
trên để tăng thêm Phước mỗi ngày.
Nếu nhiều đạo hữu làm được, chúng
tôi xin đem công đức này hồi hướng
cho tất cả pháp giới chúng sanh tương
lai đều trọn thành Phật đạo.

Thành thật cảm ơn quý vị đã đọc hết
bài viết và có thực hành.



HÀNH GIẢ

*Con đường hành giả tu Thiền
Tri tuệ khai mở, đảo điên lụi tàn
Chẳng còn vương bận lợi danh
Quyên cao, chức trọng chỉ làm nhiều tâm
Thế gian sinh-diệt, diệt-sinh
Ta chỉ là khách đi ngang đời này
Nghe kinh tinh giác mộng trần
Thấy đời hư ảo, hơn-thua chẳng màng
Sống đời ly dục cao thanh
Tuệ tâm soi sáng dẫn đường ta đi
Buông bỏ dục lạc hữu vi
Đạo cao đã hiểu, niềm tin sâu dày
Thấy đời thống khổ lòng đau
Thiết tha độ chúng trầm luân Ta-bà
Tu Giới-Định-Tuệ đủ đầy
Thành tựu giải thoát Niết Bàn trắng hoa
Ta trở về lại quê nhà
Cội nguồn muôn thuở chan hòa nắng mai
Tâm ta tự tánh Như Lai
Lâu lâu một thể hiện bày toàn chân
Chẳng còn sợi chỉ vướng chân
An nhiên tự tại hồng trần tiêu dao
Lên theo lối cũ non cao
Bốn bề tĩnh lặng đường vào Chân Không
Đạt Ma vượt biển sang đông
Hai tám vị Tổ nói dòng truyền trao
Thiên tông chỉ thẳng lối vào
Đạt Ma chỉ cả oai thần thậm thâm
Hôm nay dưới ánh nắng vàng
Nhớ về Tiên Tổ muôn vàn biết ơn
Huệ Năng, Lâm Tế, Đức Sơn...
Đều là những bậc cao tăng sáng ngời.*

thơ **DIỆU VIÊN**

ĐẠO PHẬT VÀ NHÂN QUYỀN TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM

Luật sư Tạ Văn Tài

Tiến sĩ Chính trị học và Thạc sĩ Luật học, nguyên Giảng sư Harvard Law School

LỊCH SỬ / TÀI LIỆU

Tác giả chân thành cảm tạ cư sĩ Nguyễn Tuệ đã sơ thảo bản dịch từ nguyên bản tiếng Anh sang tiếng Việt (và cả đạo hữu Nhật Thanh Tân là người giới thiệu), nhờ đó việc tác giả hiệu đính bản dịch giảm thiểu thời giờ rất nhiều.

Sau nhiều năm đàm phán, bản Tuyên ngôn bước ngoặt về "Sự Loại bỏ tất cả Những hình thức Bất Khoa Dung và Phân biệt Đối xử dựa trên Tôn giáo hoặc Tín ngưỡng" đã ra đời vào năm 1981 để giải thích cho các điều khoản về tôn giáo và tín ngưỡng trong Thỏa ước Quốc tế về Quyền Dân sự và Chính trị. Chỉ trong thập kỷ 1980 sự phân tích của học giả sự che chở cho tôn giáo và mối tương quan giữa nhân quyền và tôn giáo mới được khởi sự nghiêm túc, với sự trở dậy của tôn giáo trên vũ đài thế giới. Một vài biến cố quốc tế gần đây đã nhắc nhở các học giả nên quan tâm nhiều hơn đến tôn giáo như một vấn đề nhân quyền. Một là, Hoa Kỳ đã thông qua Đạo luật Tự do Tín ngưỡng Quốc tế 1998 với sự bỏ phiếu nhất trí tại cả hai viện Quốc Hội, đưa tự do tín ngưỡng lên thành mối quan tâm hàng đầu trong chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ; bổ nhiệm một Đại sứ toàn quyền về Tự do tín ngưỡng quốc tế, yêu cầu Bộ Ngoại giao đệ nạp báo cáo thường niên về tự do tín ngưỡng toàn cầu và Tổng thống phải áp dụng các biện pháp "củ cà rốt và cây gậy" để khích lệ các quốc gia khác cam kết không được vi phạm tự do tín ngưỡng. Hai là, trong vài năm gần đây, một số quốc gia Châu Âu đã cố gắng hạn chế những hệ phái hoặc nhóm cuồng tín tôn giáo mới xuất hiện. Ba là, loài người ngày càng quan tâm nhiều hơn đến cái gọi là "sự xung đột về văn minh" giữa những tôn giáo khác nhau, và bạo lực cùng sự ngược đãi nhân danh tôn giáo đã xảy ra, chẳng hạn sự đàn áp dã man đối với nữ quyền ở Afghanistan bởi phe Taliban nhân danh Hồi giáo, mà đã được tiết lộ khi Hoa Kỳ truy nã bọn khủng bố trong đất nước này sau những sự biến ngày 11-9-2001; hoặc là án tử hình cho người Hồi giáo nào muốn theo đạo Thiên Chúa, tại Afghanistan cả trong giai đoạn dân chủ hóa sau khi lật đổ chế độ Taliban, án tử hình này bị đe dọa áp dụng cho trường hợp Abdur Rahman và bị các lãnh đạo và báo chí Tây Phương phản đối.

Trong khung cảnh này, có nhiều cuộc thảo luận và các bài viết về cuộc xung đột lịch sử giữa tín đồ Hồi giáo và tín hữu Cơ Đốc giáo. Trong suốt lịch sử tám cuộc thập tự chinh kéo dài gần năm thế kỷ, từ năm 1095 – khi cuộc thập tự chinh thứ

nhất được tuyên khai, cho đến năm 1578 – khi cuộc thập tự chinh cuối cùng được tiến hành để chống lại người Thổ Nhĩ Kỳ ở Morocco, nhân quyền đã bị vi phạm bởi cả hai bên. Chẳng hạn, trong cuộc thập tự chinh thứ nhất, do những hiệp sĩ sùng đạo cầm đầu, các đội quân Cơ Đốc giáo từ Pháp, Đức, Anh và những nước khác đã hành quân qua lãnh thổ nước Hungary ngày nay đến Constantinople, sau đó tiến về Thánh địa Jerusalem, nơi mà để nỗ lực giành lại mảnh đất thiêng này về tay người Cơ Đốc, họ đã gieo rắc biết bao điều tàn, thảm sát. Về phía những người theo Đạo Hồi, mà ký ức của họ về các cuộc thánh chiến tàn bạo vẫn luôn sống động, phần thế giới bên ngoài không gian Hồi giáo được gọi là Thế giới của Chiến tranh – nơi sinh sống của những kẻ ngoại đạo (kafir), và nhiều người diễn dịch rằng danh từ "jihad" do Giáo chủ Mohammed truyền lại có nghĩa là "đấu tranh theo con đường của Thượng Đế" và cho rằng, trong cuộc đấu tranh vũ trang vì sự phát triển của khối Hồi giáo cho sự thống trị thế giới, những kẻ thù hàng đầu vẫn là những người Cơ Đốc giáo. Tuy nhiên, vì sự thất bại của người Thổ trong cuộc bạo vây Vienna năm 1683, lực lượng Cơ Đốc Châu Âu buộc thế giới Hồi giáo phải chịu đựng những cuộc chiến bại tiếp nối nhau.

Vi lý thuyết cho rằng người Do Thái ngược đãi Giê-su và chịu trách nhiệm về cái chết của Giê-su, nhiều người Cơ Đốc Giáo đã ngược đãi người Do Thái qua hai ngàn năm lịch sử (thí dụ, Hoàng Đế Theodosius II ra sắc dụ truy tố việc truyền đạo của người Do Thái là một tội phạm tử hình), mà giai đoạn chói lọi là cuộc Tận Tiêu Diệt Dân tộc Do Thái (Holocaust) của Hitler—mà Giáo Hoàng Pius XII không phát biểu một lời nói nào chống lại. Chỉ đến thời đại Giáo Hoàng John Paul II, thì Giáo Hội Công Giáo La Mã mới yêu cầu bốn đạo đưng có cố gắng vận động người Do Thái bỏ đạo theo Thiên Chúa Giáo và mới có một Tài Liệu 50 trang nhan đề "Hồi Úc và Hòa Giải, Giáo Hội và Lỗi Lầm Quá khứ", được Hồng Y Joseph Ratzinger (Giáo Hoàng tương lai) tuyên bố ngày 7 tháng 3 năm 2000 và được dùng trong buổi Đại Lễ ngày 12 tháng 3 năm 2000 do Giáo Hoàng John Paul II chủ lễ, để kêu gọi hòa giải với người Do Thái và các tôn giáo khác và để xin Thượng Đế tha thứ cho những lỗi lầm quá khứ.

Ngay trong nội bộ Thiên Chúa Giáo, đã có nhiều cuộc chiến tranh đẫm máu giữa những người theo Công Giáo La Mã và những người theo Tin Lành, chẳng hạn như các cuộc chiến tranh khi

nóng khi nguội giữa hai bên tại Ái Nhĩ Lan, kéo dài hai thế kỷ, nhưng đặc biệt ác liệt kể từ năm 1916 khi Đạo Quân Cộng Hòa Ái Nhĩ Lan (Irish Republican Army) được thành lập. Hiện nay, có một thí dụ khác về sự không bao dung giữa người Tin Lành và người theo Cơ Đốc Giáo Chính Thống bên Nga (Russian Orthodox), cũng gọi là Thiên Chúa Giáo Phía Đông (Eastern Christian): sau khi Liên Xô sụp đổ, vào thập niên 1990, Giáo Hội Chính Thống bên Nga—và cả các giáo quyền Hồi Giáo tại 4 nước trong Cộng Đồng các quốc gia độc lập, như Uzbekistan và Kazakhstan—muốn rằng nhà nước dùng quyền để dập tắt công cuộc truyền đạo của các người Tin Lành.

Trong nội bộ Hồi Giáo, trong suốt lịch sử của nó, đã có các cuộc chiến tranh giữa các hệ phái khác nhau, do các giáo phẩm khác nhau lãnh đạo, mà mỗi nhóm đều tự tuyên bố là hậu duệ chính đáng hay đích thực của Mohammed, giáo chủ thiết lập ra tôn giáo này. Sự thù nghịch giữa những người Sunnis và Shiites, và sự đàn áp của nhóm này chống lại nhóm kia, đã có từ lâu trong các quốc gia ở Trung Đông và ở ngay trong một quốc gia, thí dụ Iraq, và đã đưa đến các cuộc chiến tranh phe phái đẫm máu.

Khuynh hướng lịch sử này của lực lượng Cơ Đốc và Hồi giáo để giành độc quyền về quyền lực nhà nước và loại bỏ các đối thủ trong cuộc đấu tranh giành ưu thế tôn giáo thì tương phản với triết lý khoan dung và tôn trọng nhân quyền của người khác trong Phật giáo. Để minh họa nét đặc trưng này của đạo Phật và Phật giáo đồ, thật đáng bỏ công để điếm duyệt lại tài liệu lịch sử sau đây về ảnh hưởng của đạo Phật đối với nhân quyền trong đất nước Việt Nam truyền thống. Công trình nghiên cứu này cung cấp những chứng cứ xác đáng, ghi nhận được trong truyền thống Phật giáo của một nước Á châu, rằng các chuẩn mực về nhân quyền là những giá trị toàn cầu căn bản được chấp nhận bởi loài người ở những nơi chốn và thời gian khác nhau. Giáo sư Đại học Tokyo Nakamura cho rằng: Đạo Phật, với những quan niệm có sức lôi cuốn rộng rãi, đã và đang trở thành một tôn giáo của thế giới như Đạo Cơ Đốc và Đạo Hồi, đang vượt ra khỏi biên giới các quốc gia. (Tạp chí Oriental Studies, số 2/1989, trang 50 - 67).

Đặc biệt, công trình nghiên cứu này cũng giúp tạo cơ sở thuận lợi cho các cuộc đối thoại đáng được mong mỏi giữa các tôn giáo, nhất là đối thoại Phật Giáo - Thiên Chúa Giáo. Do nhân quan nhân quyền của Phật giáo, bao gồm các ý niệm về tôn trọng cuộc sống (không sát sanh, không chiến tranh tôn giáo), về bình đẳng (tất cả mọi sinh vật đều bình đẳng và có Phật tánh) và về tự do tư tưởng (đa nguyên - phong phú về các vị Bồ Tát, về tình thương và về sự tôn trọng tha nhân), ta có thể thấy triển vọng lạc quan về sự đối thoại giữa những tín đồ Phật giáo Việt Nam với những tín hữu Cơ Đốc Việt Nam. Các tín đồ Cơ Đốc Việt Nam đã liên hoan vào tháng 6/1988, với việc Đức Giáo Hoàng phong thánh cho 117 tín hữu đã bỏ mình vì đạo trong thời gian trước thế kỷ 20 tại Việt Nam. Có một điều quan trọng là cần minh định quan điểm của Phật giáo đồ về hoà bình, bác ái và tự do tôn giáo, để quy trách cho đúng những người liên can trong những cuộc ngược đãi đã qua đối với Thiên Chúa giáo tại Việt Nam. Có lẽ phải cần

đến trọn một bài báo hoặc một chương sách (1) và hơn nữa, các chi tiết về cuộc đời của những thánh tử đạo gây tranh cãi trong số 117 nhân vật này, ngõ hầu đi đến một sự xác quyết công bằng rõ rệt về điểm mà Chính quyền Cộng sản Việt Nam đã nêu ra, là liệu có một số trong những người tử vì đạo này là tay sai của thực dân Pháp hay không. Nhưng đó không phải là mục đích của chúng tôi. Điều mà chúng tôi muốn thực hiện ở đây là giải quyết một khía cạnh của sự ngược đãi đó, nó là quan trọng cho việc đối thoại giữa Phật giáo và Thiên Chúa giáo Việt Nam: Phật giáo đồ có làm điều gì không phải trong sự đàn áp Thiên Chúa giáo tại Việt Nam thời trước? Công trình nghiên cứu được trình bày hôm nay sẽ làm rõ rằng Phật giáo đồ Việt Nam, với triết lý khoan dung và lòng tôn trọng nhân quyền của mình, là hoàn toàn không thể bị quy trách và chỉ có tư cách là những người ngoài cuộc trong việc đàn áp Thiên Chúa giáo dưới các triều đại Lê, Nguyễn. Nếu sự kết luận công bằng này có thể bắc một nhịp cầu thông cảm cho sự đối thoại Phật - Chúa giữa những người Việt Nam, đặc biệt là những người Việt ly hương mà cần phải đoàn kết để vượt qua khó khăn khi sinh tồn rải rác khắp thế giới như những cộng đồng thiểu số giữa những dân tộc khác, và nhờ vậy vượt thắng được nỗi đơng độc cá nhân và khủng hoảng về thế đứng tập thể, thì đây là một phần thưởng đáng khích lệ đối với tác giả.

Câu chuyện về ảnh hưởng của Phật giáo Việt Nam đối với chính sách nhân quyền của nhà cầm quyền thì hết sức có giá trị làm sáng tỏ, bởi vì đây là một trong số ít trường hợp khi mà người Phật giáo trực tiếp tác động lên đường lối, chính sách của Nhà nước và trực tiếp gây dựng, đóng góp vào chính sách nhân quyền của chính quyền. Sau cùng, nếu đây là một bằng chứng rõ rệt cho thấy rằng một tôn giáo có thể gây ảnh hưởng đến chính sách nhân quyền của Nhà nước thì chúng ta có thể cho rằng những sự kiện này chứng minh mạnh mẽ rằng lý thuyết duy vật lịch sử của Mác-xít - ở đây hàm nghĩa hạ tầng cơ sở của một xã hội quyết định kiến trúc thượng tầng của nó - là sai.

Khi nói về nhân quyền, nhiều người Tây phương lập tức nói tới các quyền hiến định trong những quốc gia Tây phương, được công nhận là có tính cưỡng chế theo hiến pháp và do đó có thể được gọi một cách đúng đắn là "các quyền". Hơn hai phần ba những hiến pháp thì được ban hành từ Thế chiến II, và phần lớn tác giả của chúng là "những nhà soạn chếp hiến pháp"... Các kiểu mẫu chính về nội dung và văn thức của các hiến chương nhân quyền chủ yếu là: Hiến Chương Anh quốc về Các Quyền (1689), Tuyên ngôn Pháp quốc về các Quyền của Con người và Công dân (1789), và Hiến Chương Mỹ quốc về các Quyền (mười Sửa đổi hay Tu Chính Hiến Pháp đầu tiên, 1791) (2). Ta thử đặt câu hỏi: có phải nhân quyền là sản phẩm của nền văn minh Tây phương, còn đối với các nước châu Á truyền thống - mà Việt Nam là một trong số đó - chỉ có cái mà một số học giả gọi là "sự chuyên chế Đông phương"? (3).

Trong quyển sách của chúng tôi, Truyền thống Việt Nam về Nhân quyền (The Vietnamese Tradition of Human Rights) (Viện Đông Á Học / Đại học California / Berkeley-1988), chúng tôi thấy bằng

chứng lịch sử đưa đến kết luận rằng những quy chuẩn và những thực hành pháp luật của nước Việt Nam truyền thống đã theo sát nhiều trong số các chuẩn mực quốc tế ngày nay và thậm chí còn vượt trội trong lĩnh vực những quyền về kinh tế và xã hội (có thể đòi thi hành được). Những độc giả quan tâm đến toàn thể đề tài này có thể đọc tổng luận này về lịch sử ngàn năm nhân quyền tại Việt Nam. Trong bài chuyên khảo nhỏ hơn này, chúng tôi chỉ tập trung vào ảnh hưởng của Phật giáo đối với chính sách nhân quyền của nhà nước trong đất nước Việt Nam truyền thống.

Khi đề cập đến đạo Phật trong thời Việt Nam quân chủ phong kiến, các sử gia thường nhắc đến các đời nhà Lý (1010-1225) và nhà Trần (1225-1400), mà trong các triều đại đó đạo Phật rất phát triển. Trong đời nhà Lê (1428-1788), ảnh hưởng của Phật giáo suy yếu dần do việc chủ thuyết Tán Tống Nho đã trở thành hệ tư tưởng thống soái của những quan lại cầm quyền, của các vua Lê (nhất là Thánh Tông), chúa Trịnh và chúa Nguyễn. Trong đời nhà Nguyễn (từ 1802 cho đến cuộc chinh phục của người Pháp vào cuối thế kỷ 19), vua Gia Long và đặc biệt là vua Minh Mạng đã áp dụng trung thành không những các chế định cai trị của triều đại Mãn Thanh (Trung Hoa) mà còn áp dụng bộ luật Đại Thanh Luật Lệ của họ (chỉ thêm vài điều khoản). Các quy tắc Khổng giáo (Nho giáo) đã thắng thế các nguyên lý Phật giáo. Sự thống trị của Khổng giáo trong những thế kỷ này đã tạo ra một hệ quả gián tiếp về tự do tín ngưỡng đối với Thiên Chúa giáo, như được đề cập ngắn gọn sau đây, trong một giai đoạn mà Phật giáo không còn tạo được ảnh hưởng nào đối với nhà cầm quyền. Vì thế, khi bàn về ảnh hưởng của Phật giáo đối với chính sách nhân quyền của nhà nước trong lịch sử Việt Nam, chúng ta phải tập trung vào đời Lý và đời Trần, khi Phật giáo có vai trò và do đó có trách nhiệm đối với chính sách của nhà cầm quyền, để nhận ra mối quan hệ nhân quả giữa đạo Phật và nhân quyền; bất cứ sự bàn thêm nào về đời Lê và đời Nguyễn – khi Phật giáo không còn gây được ảnh hưởng đối với chính quyền – sẽ chỉ được xem như những trường hợp phản biện hoặc “dữ liệu kiểm chứng lại” để xác minh các chứng cứ trong giai đoạn chính được nghiên cứu (trước năm 1400) – theo phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội tiêu chuẩn.

VAI TRÒ CHÍNH TRỊ VÀ Ý THỨC HỆ CỦA ĐẠO PHẬT TRONG NƯỚC VIỆT TRUYỀN THỐNG, TỪ THỜI SƠ KHAI ĐẾN CUỐI ĐỜI TRẦN (1400)

Đạo Phật bắt đầu có ảnh hưởng tại Việt Nam kể từ thời kỳ Trung Hoa đô hộ (111 TCN – 939 Sau CN). Trung Hoa đã áp dụng chính sách đồng hoá văn hoá đối với đại chúng và đồng thời ngăn cản việc học lên cao từ sách chữ Hán (mà có thể là một kênh giúp thăng tiến trong xã hội). Thực tiễn này đã gián tiếp tạo nên vai trò quan trọng cho các nhà sư Phật giáo, họ vốn tinh thông chữ Hán nhất trong xã hội (để nghiên cứu kinh sách), cũng như tạo ra ảnh hưởng của đạo Phật tại Việt Nam từ những thuở ban đầu. Khi giành lại độc lập, ba triều đại – Ngô (939 – 967), Đinh (968 – 980), và Tiền Lê (980 – 1009) – đã nối tiếp nhau nhanh chóng. Bởi vì những người chấp chính vốn là “con nhà võ” đang bận bịu cùng có

quyền lực còn non yếu, nên họ cậy nhờ đến những tỷ kheo Phật giáo uyên thâm này, cả về công vụ đối nội cũng như về quan hệ ngoại giao với Trung Hoa. Họ sử dụng kiến thức của các nhà sư mà không phải âu lo về lý thuyết trung thành kiểu Khổng giáo đối với một vị vương (trung thần bất sự nhị quân) khi phụng sự một triều đại mới kế nghiệp vị vương đó. Sư Ngô Chân Lưu, hậu duệ nhà Ngô, đã phụng sự vua Đinh Tiên Hoàng – người đã bổ nhiệm sư làm Tăng Thống Giáo Hội Phật Giáo và ban tặng tước hiệu Khuông Việt Đại Sư (cao tăng giúp việc trị vì nước Việt). Trong thời gian tại vị, vua Đinh Tiên Hoàng cũng đã ban hành quy định về các hạng tăng phẩm, các tăng này được xem là triều thần. Sau khi Lê Hoàn tiếm quyền từ người kế vị vua Đinh Tiên Hoàng và trở thành vua Lê Đại Hành, tất cả công việc triều chính được xử lý bởi sư Khuông Việt. Vị cao tăng này đã cùng sư Lạc Thuận phụ giúp nhà Vua trong việc tiếp nhận sứ thần Trung Hoa (4). Sư Vạn Hạnh đã được vua Lê Đại Hành tham vấn về chính sự trong các chiến dịch phá Tống bình Chiêm. Vị sư này khi chứng kiến điềm gở nơi một cây lớn bị sét đánh đã tiên đoán rằng nhà vua tham sắc Lễ Ngọa Triều sẽ là vị vua cuối cùng của triều đại Tiền Lê và đã khuyên Lý Công Uẩn chiếm ngai vàng (5).

Lý Công Uẩn, từ sau này là vua Lý Thái Tổ (thứ nhất) của triều đại nhà Lý, là một trẻ ngoại hôn, làm con nuôi cho sư Khánh Vân. Như vậy là đời nhà Lý (1010 – 1225) theo cơ duyên đã gắn kết với đạo Phật ngay từ ban đầu. Mặc dầu vai trò chính trị của các cao tăng không còn thống soái như trước đó, ảnh hưởng của họ vẫn còn rất mạnh, và Phật giáo đã có được sự tự do và hỗ trợ rộng rãi nhất như từng được biết trong lịch sử Việt Nam thời cổ. Được học tập nhiều hơn những vua triều trước, các vua nhà Lý ngưỡng mộ đạo Phật theo một phong cách mẫn tuệ hơn.

Trong suốt triều đại này, quyền lực nằm trong tay hoàng tộc, một số hoàng tử có quân túc vệ riêng. Triều đình được tổ chức theo kiểu Trung Hoa, cũng có nhiều Nho sĩ hơn. Năm 1070, vua Lý Thánh Tông cho xây dựng Văn Miếu, nơi Vua gửi hoàng thái tử đến học tập và cũng là nơi lưu giữ những kinh điển Khổng giáo. Nhà vua cũng cho tạc tượng Chu Công, Khổng tử và 72 vị thánh hiền. Năm 1075, vua Lý Nhân Tông tổ chức khoa thi tam trường để tuyển dụng Nho sĩ ra làm quan. Kỳ thi này đã khởi sự cho hệ thống khảo hạch Nho học tại Việt Nam. Năm 1076, nhà vua lập ra Quốc Tử Giám. Với vai trò ngày càng lớn mạnh của Nho giáo, các nhà sư đã không còn giữ một địa vị ưu thắng về chính trị như trước nữa.

Tuy nhiên, trong tinh thần “tam giáo đồng nguyên”: Nho, Phật, Lão (Đạo giáo), các nhà sư danh tiếng vẫn giữ được ảnh hưởng rộng lớn của họ và ảnh hưởng Phật giáo này đã thấm nhuần trong chính sách và thực tiễn (và luật) về nhân quyền của triều đình với tinh thần tử bi và bác ái, như sẽ được nêu ra sau đây. Các tỷ kheo này thực thi ảnh hưởng của mình theo ba cách. Một là, nhiều người trong số này là con/cháu của các vua/hoàng hậu, hoặc các quan to, và do đó, vẫn có – một cách gián tiếp, riêng tư – ảnh hưởng đối với các vua và triều thần. Sư Mãn Giác là con trai Lý Hoài Tổ; ni sư Diệu Nhân là con nuôi vua Lý Thánh Tông; sư Viên Chiếu là cháu của hoàng hậu

Linh Nhân. Hai là, họ luôn được tôn kính như những lãnh đạo tôn giáo bởi các vua và hoàng hậu/hoàng thái hậu – những người thường hay mời họ trụ trì đền, chùa ở kinh đô và thuyết pháp trong các cung điện. Sư Huệ Sinh và sư Viên Chiếu đã được vua Lý Thái Tổ vời vào cung. Vua Lý Nhân Tông và mẹ - Hoàng hậu Linh Nhân, là những người mộ đạo và thường thỉnh các nhà sư danh tiếng đến đàm đạo về các vấn đề tôn giáo. Nhiều vị tỷ kheo rất được kính trọng bởi vua Nhân Tông và các vua nhà Lý khác, trong số đó có: Thông Biện, Mãn Giác, Chân Không, Giác Hải và Không Lộ (6). Ba là, nhiều vị vua cũng tự mình xuất gia sau khi về hưu: Thánh Tông (sáng lập tông phái Thảo Đường), Anh Tông, Cao Tông và Huệ Tông. Các vị thái thượng hoàng (vua đã về hưu), mà đã là tăng sĩ, vẫn có nhiều uy lực đối với các vua đang trị vì, do đó ảnh hưởng của Phật giáo đối với triều đình rất mạnh mẽ.

Dưới đời Trần (1225 – 1400), ảnh hưởng của Phật giáo đối với triều đình đã giảm sút so với dưới đời Lý. Trong một nỗ lực nhằm duy trì sự cố kết trong họ tộc Trần, hoàng thân quốc thích đã được trao cho nhiều vai trò quan trọng trong việc trị quốc hơn là như dưới đời Lý: họ nắm giữ các chức tước quan trọng trong quân đội và dân sự, được ban tặng điền thổ để đánh thuế và thu tô, và các hoàng tử có quân túc vệ riêng (họ đánh đuổi quân xâm lăng Nguyên). Các quan lại (những nhà hành chính chuyên nghiệp) được tuyển dụng thông qua các cuộc thi tuyển công chức (được phát triển hơn dưới đời Trần so với đời Lý), bổ nhiệm vào các chức vụ xuống tới cấp làng. Như vậy, tất nhiên là ảnh hưởng của Phật giáo đã sụt giảm. Đến gần cuối triều đại, năm 1396, vua Trần Thuận Tông đã thực thi một biện pháp tương tự như trong một đạo luật của nhà Minh - Trung Hoa: các tu sĩ Phật giáo và Đạo giáo dưới 50 tuổi phải hoàn tục. Hàng Nho sĩ công khai tấn kích vào ảnh hưởng của Phật giáo trong các chính sách của triều đình.

Tuy nhiên, đạo Phật vẫn còn tạo được một ảnh hưởng lớn trong tín ngưỡng và hành xử của các vua. Nhà Trần tiếp tục hệ tư tưởng chính thức "Tam Giáo Đồng Nguyên" và nếu Nho giáo là một triết lý xã hội chi phối tổ chức nhà nước và các mối quan hệ xã hội thì đạo Phật được công nhận như là tôn giáo của mọi người, vua quan cũng như thần dân. Trong phần dẫn nhập cuốn *Thiền Tông Chi Nam* của mình, vua Trần Thái Tông đã kể lại câu chuyện ông rời bỏ ngai vàng lên chùa Yên Tử để tìm kiếm một vị thiền sư và rồi phải trở lại kinh đô chỉ vì lời dọa của Thái Sư Trần Thủ Độ là sẽ chuyển toàn bộ triều đình lên chùa này. Người viết rằng: "Từ thuở niên thiếu khi bắt đầu hiểu biết, trẫm đã hấp thụ những lời dạy của các vị Thiền sư. Trẫm đã học hỏi và nghiền ngẫm về Phật Thiền. Lòng Trẫm đã khao khát theo một vị thầy và nguyện trung thành với Đạo." Về sau, khi đã trở thành thái thượng hoàng, Thái Tông đã xuất gia đầu Phật, tạo nên một tiền lệ cho các vua kế vị noi theo. Phần lớn các vua nhà Trần là Phật tử thuần thành, thích đàm đạo với các tăng sĩ, và xuất gia khi về hưu và trở thành thái thượng hoàng: Thánh Tông, Nhân Tông, Anh Tông, Minh Tông. Một tình trạng có thể tiếp diễn trong đó một vị vua ủng hộ Phật giáo trong khi vua cha - đã về hưu và trở thành thái thượng hoàng- chu du trong

thiên hạ quảng bá đạo Phật. Quả là một hoàn cảnh càng dẫn đến sự duy trì mạnh mẽ sự hiện diện của Phật giáo. Khi thái thượng hoàng Nhân Tông lai kinh năm 1304 với tư cách là chưởng môn của Phật phái Trúc Lâm, vua Anh Tông và toàn thể triều đình đã ra nghênh đón, nhà vua xin thọ giáo tỷ kheo và tất cả triều thần đã đồng thanh thọ nguyện (7).

Cho dù Phật giáo đã rõ ràng tạo dựng được một sự thống trị tinh thần lớn lao đối với các triều đại Lý và Trần, khi điểm lại những công việc thế tục (đời thường) đã được hành xử bởi những quan chức Nho sĩ, mà một số trong họ- như sẽ nêu ra dưới đây- đã cố gắng làm giảm vai trò của Phật giáo, thì chúng tôi vẫn phải xác định vấn đề khảo cứu cốt lõi một cách thật chính xác là: Phật giáo đã có ảnh hưởng gì đối với các chính sách về nhân quyền của các triều đình?

(còn tiếp)

CHÚ THÍCH:

- 1) Xem Tạ Văn Tài, *The Vietnamese Tradition of Human Rights* (Truyền thống Việt Nam về Nhân quyền), Viện Đông Á Học/ Đại học California/ Berkeley, 1988, các trang 157 –176. Quyển sách này sử dụng danh mục đầy đủ về các tiêu chuẩn nhân quyền quốc tế hiện nay, như một khung phân tích và hòn đá thử vàng cho việc đánh giá thành tích của Việt Nam trong những lãnh vực về sự toàn vẹn con người (quyền sống, quyền tự do và quyền an toàn trong quá trình pháp luật), quyền bình đẳng, các quyền dân sự và chính trị, các quyền về kinh tế, xã hội và văn hoá.
- 2) Ivo B. Duchacek, *Rights and Liberties in the World Today* (Các quyền và các tự do trong thế giới ngày nay), Santa Barbara, CA: Ban xuất bản Clio, 1973, trang 4.
- 3) Muốn đọc sự trình bày đầy đủ về "quyền lực chuyên chế – toàn diện và không nhân từ", xin xem quyển *Oriental Despotism* (Chuyên Chế Đông phương) của Karl Wittfogel, New Haven: Ban xuất bản Đại học Yale, 1957.
- 4) Hoàng Xuân Hãn, *Lý Thường Kiệt*, Hà Nội, 1949, các trang 400 và 403; Đào Duy Anh, *Việt Nam Văn Hoá Sử Cương*, Saigon, 1951, trang 234.
- 5) Hoàng Xuân Hãn, các trang 403-404; *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*, sau đây gọi tắt là TT, bộ chính sử của Triều đại nhà Lê. Bản dịch sang Tiếng Việt của Cao Huy Giu, Hà Nội, 1967, tập I, trang 185.
- 6) Hoàng Xuân Hãn, 401, 404-405.
- 7) Nguyễn Lang, *Việt Nam Phật Giáo Sử Luận*, Saigon, 1974, 307-308. [Chú của Chánh Pháp: có lẽ tác giả đã nhầm về việc thọ giới của vua Trần Anh Tông. Theo Việt Nam Phật Giáo Sử Luận, Chương XII, Trần Nhân Tông và Thiền Phái Trúc Lâm, "Cuối năm 1304, vua Anh Tông thỉnh Trúc Lâm vào Đại Nội và xin thọ Tại Gia Bồ Tát Tâm Giới" chứ không phải "thọ giáo tỷ kheo và tất cả triều thần đã đồng thanh thọ nguyện". Tiếp đến, VNPGSL cũng nói "Thấy vua phát nguyện thọ giới Bồ tát, mọi người cũng xin phát nguyện thọ tam quy ngũ giới."]]

MỠI KỶ MỘT MÓN CHAY

SA-KÊ CHIÊN SẢ ỚT

Nguyên liệu:

- 1/2 trái Sa-kê, xắt lát dày chừng 1/2 cm
- 1 muỗng cafe muối
- 3 muỗng cafe đường (nếu ăn với cơm thì nêm 2-2.5 muỗng cà phê đường thô)
- 1 muỗng canh nước tương
- 2 muỗng canh sả băm
- 1/4 muỗng cafe ngũ vị hương
- 1/2 muỗng cafe tiêu
- 1/2 muỗng cafe paprika (bột ớt chuông)

Cách làm:

Ướp Sa-kê với gia vị cho thấm ít nhất 30 phút. Cho vào tủ lạnh khi ăn mới chiên. Có thể chấm với dấm ớt và chút nước tương nguyên chất, vừa thơm vừa cay rất lạ miệng... Ăn chơi hay ăn với cơm tùy thích.

(Nguồn: G. Phương)



Cây và trái sa-kê (Breadfruit — cây bánh mì)



TAI HẠI CỦA THAM ÁI

Ngày xưa có chị vợ kia
Lẳng lơ, trác nết, thiết gì chồng đâu
Loạn luân phạm tội từ lâu
Tư tình lén lút: chị dâu em chồng.
Lừa tình càng cháy càng nồng
Đưa người vào chốn tội cùng ác tâm.
Vợ kia chẳng chút ngại ngần
Xúi em tìm cách hại ngầm người anh,
Thoạt đầu em chẳng nỡ đành
Tỉ tê xúi mãi nghe thành êm tai
Giết anh ngay! Tội tày trời!
Cả hai thỏa thích sống đời tự do.

Chồng tuy chết vẫn âu lo
Vẫn thương vợ cũ, muốn cho cận kề
Thần lẩn hóa kiếp trở về
Rơi trên mình vợ, phòng the nô đùa,
Vợ thời độc ác có thừa
Nhìn thần lẩn biết chồng xưa. Giết liền!
Tình yêu vợ mãi không quên
Chồng đầu thai lại về bên vợ nhà
Luôn nằm cạnh, chẳng rời xa
Làm thân con chó vào ra bên mình
Theo chân như bóng theo hình,
Trai làng đùa hỏi: "Cô thành thợ săn?"
Vợ nghe nổi máu dữ dần
Cột ngay chó lại giết phăng nữa rồi!

Lần này chồng lại đầu thai
Làm con bò đực theo hoài vợ kia
Đi về quán quýt mỗi khi,
Trai làng chọc ghẹo: "Cô đi chăn bò?"
Thế là cô vợ thẹn thò
Cột bò thật chặt. Giết cho khỏi phiền!
Chồng tuy bị giết ba phen
Vẫn còn vương vấn, chồng bèn đầu thai
Lần này thành cậu con trai
Vợ sinh ra cậu mừng hoài chẳng thôi.
Cậu trai góp mặt với đời
Kiếp xưa hằn dấu in nơi tâm hồn
Nhớ bao đau khổ dập dồn
Cậu làm khó mẹ, ẵm bồng chẳng cho,
Chỉ ưng ông nội chăm lo
Buồn vui khuya sớm, đối no tháng ngày.



*
Bốn mùa lần lượt vẫn xoay
Trẻ kia biết nói, giờ đây lớn rồi,
Một hôm thuật hết đầu đuôi
Bao nhiêu tiền kiếp từ thời xa xưa,
Nghẹn ngào nhìn nội khế thừa:
"Nó đâu là mẹ! Là thù đấy thôi!
Lòng gian ác, máu tanh hôi
Xúi người hiểm độc, sống đời loạn luân!"
Nội nghe kinh ngạc vô ngần
Gia đình địa ngục cõi trần chẳng sai!
Chuyện tình đẫm máu bi ai
Chao ơi tham ái hại người khổ thay!
Ông ôm cháu nói: "Từ đây
Chúng mình hãy bỏ chốn này ra đi
Cháu đừng buồn nữa làm chi
Ta tìm cửa Phật xin về nương thân!"

*
Thời gian trôi! Một mùa Xuân
Trong ngôi chùa nọ ở gần rừng hoa
Người ta thấy một tăng già
Sống cùng chú tiểu thật là bình an!
Chuông chùa thánh thót ngân vang
Như xưa nổi khổ trần gian tràn trề
Vén màn tâm tối u mê
Thênh thang tịnh độ đường về thom hương.

(Thi hóa Truyện Cổ Phật Giáo)

thơ

TÂM MINH —
NGÔ TĂNG GIAO

Đừng nói

VĨNH HỮU TÂM KHÔNG

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Trời vừa sáng, anh Long đã vội trèo lên xích lô đạp đến bệnh viện. Thời buổi Taxi, Grab chạy đầy đường mà anh vẫn gắn bó không rời với chiếc xích lô cà tàng cũ kỹ, ai cũng nói anh là "khùng cổ hủ," anh cười, mặc kệ, xích lô có cái hay cái độc của xích lô!

Khuya hôm qua, lúc cả thành phố đã chìm vào giấc ngủ, trên đường đạp xe trở về nhà, anh đã tỉnh cờ phát hiện rồi cứu một nạn nhân bất tỉnh mê man bên vệ đường với một vết thương trên trán khiến cho máu ra thật nhiều. Nạn nhân là một người đàn ông trung niên, ăn mặc rất tươm tất sạch sẽ, nhưng nồng nặc mùi men. Lục trong túi quần nạn nhân, anh Long thấy một chiếc ví da dày cộm, bên trong đầy những tờ giấy bạc có mệnh giá lớn, có cả tiền đô-la tươi và giấy tờ tùy thân... Do trời đã khuya khỏa, anh chỉ kịp lo chở nạn nhân đi cấp cứu, không thể đến báo tin ngay cho thân nhân người bị nạn, vì xem dò địa chỉ ghi trong giấy chứng minh thư anh thấy ở quá cách xa, phải đến năm cây số, mà lúc ấy thì anh đã rã rời tứ chi sau một ngày lao động cực nhọc.

Anh Long cất kỹ chiếc ví, định bụng sáng sớm mai sẽ vào

bệnh viện trao trả lại cho nạn nhân đầy đủ. Khuya hôm qua, anh đã chờ cho đến khi bác sĩ báo cho hay kết quả sơ cứu nạn nhân, biết nạn nhân thoát được hung hiểm, anh mới yên tâm trở về nhà. Giờ thì anh vào thẳng bệnh viện...

Bước vào phòng, anh Long ngạc nhiên khi thấy một người hàng xóm quen biết của mình đang ngồi túc trực bên giường của nạn nhân mà anh đã cứu khuya hôm qua. Người hàng xóm cũng ngạc nhiên khi thấy anh.

Anh Long hỏi khẽ:

"Anh Trung... anh là gì của anh này?"

Người hàng xóm tên Trung cũng nói khe khẽ:

"Bạn thân. Tôi được bệnh viện báo tin cho biết mới sáng nay, vội vào đây, nói chuyện được ít câu thì anh ta đã ngủ. Anh ta say quá, bị bạn bè ép uống rượu trong buổi tiệc họp mặt nhân ngày Nhà Báo 21-6, trện đường về thì té xe, xe bị ai cuộm mất rồi, nhưng... chuyện ấy tính sau!"

Anh Long bước gần đến sát bên giường, nhìn kỹ gương mặt bệnh nhân, hỏi:

"Có đỡ nhiều hơn không?"

Anh Trung gật đầu:

"Nghe y tá nói, hồi mờ sáng anh ta có tỉnh giấc và báo cho bệnh viện biết địa chỉ nhà tôi. Anh ta không có người thân nào ở thành phố này, họ đều ở trong miền Tây Nam Bộ và một số đã định cư nước ngoài xa xôi cả... Có phải anh đã chở anh ta vào đây không?"

Anh Long gật nhẹ, rồi trao chiếc ví của nạn nhân cho anh Trung. Anh Trung mở xem qua bên trong, thấy giấy tờ và tiền bạc còn nguyên, thì ngẩn ngơ, suy tư một hồi lâu mới hỏi:

"Rõ ràng là một nhân duyên đưa đẩy cho anh gặp mà cứu anh ta, cứu lấy chính người đã từng là ân nhân của anh đó, anh có biết không?"

Người phu xích lô rùng mình, sửng sốt:

"Sao? Anh ta... anh ta... là ân nhân của tôi đó sao?"

Gật đầu một cái thật mạnh, anh Trung phẩy tay:

"Chính anh ta. Người đã giúp anh tiền để mua chiếc xích lô năm ngoái, và cũng chính anh ta giúp đỡ gia đình anh mấy đợt tiền trong lúc ngặt nghèo, bệnh hoạn. Tiền phụ cấp hằng tháng cho mấy đứa con của anh đi học cũng là của anh ta hỗ trợ cho đó!"

Hai người lặng im. Khoảng khắc yên tĩnh dành cho cơn rúng động nội tâm. Anh Long chưa hết bàng hoàng, lại nghe giọng trầm trầm của anh Trung cất lên:

"Không phải chỉ gia đình anh là được anh ta giúp đỡ đâu, mà còn rất nhiều gia đình neo đơn bần cùng khác nữa. Nhất là những gia đình nghèo có con cái hiếu thảo và ham học, như gia đình của anh chẳng hạn..."

Anh phu xích lô nghèo kinh ngạc, hỏi nhỏ:

"Anh ta là một... tỷ phú phải không?"

"Không. Anh ta chỉ đơn thuần là một nhà báo, nhà báo không thế!"



Há hốc mồm, anh Long hỏi lại:

"Nhà báo không thê?"

Anh Long giải thích:

"Nghĩa là một người cầm bút viết báo, nhưng không có... thê nhà báo. Một cách gọi khác về những công tác viên báo chí. Tuy chỉ là một công tác viên, nhưng trong làng báo nước nhà ai cũng biết tên tuổi của anh ta, vì anh ta có bút lực rất sung mãn, lại đa năng..."

Anh Long vẫn chưa qua hết cơn kinh ngạc:

"Nếu là nhà báo đơn thuần thì làm gì giàu có và hào phóng đến mức như vậy?"

Anh Trung hạ giọng xuống:

"Đó là điểm đặc biệt của anh ta. Anh ta vẫn cầm bút sáng tác bình thường, viết đủ thể loại và vẽ cả tranh minh họa và biếm họa, yêu nghề và quý trọng nghề, sống bằng tiền nhuận bút, bằng đồng tiền chân chính do chính mình làm ra. Còn những khoản tiền mà người thân ở nước ngoài đều đặn gửi về hằng tháng cho anh ta, anh ta đã không dùng đến, mà trút hết ra cho việc làm từ thiện, làm Phật sự..."

Anh phu xích lô ngẩn ngơ, hỏi ngay:

"Phật sự? Là làm chuyện cho chùa à?"

"Đúng vậy. Anh ta là một Phật tử thuần thành, do xưa kia, lúc còn là một thanh niên mới lớn, anh ta đã từng có thời gian 3 năm tu học Pháp Phật, sau vì dứt duyên mà hoàn tục, nhưng cái Tâm của anh ta từ đó đến mãi tận bay giờ dường như là không rời xa chốn thiền môn Hỷ Xả - Từ Bi. Thật đáng bái phục!"

Anh Long thốt lên:

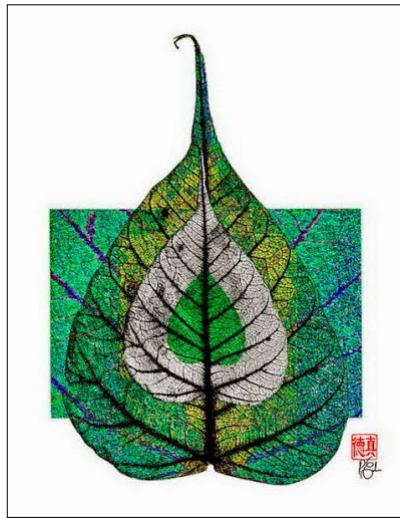
"Quá phi thường! Đâu phải ai cũng để làm được điều đó! Đây là lần đầu tiên tôi nghe thấy được."

Anh Trung nhìn ra bên ngoài cửa sổ, cất giọng có chút buồn giận:

"Cho nên rất nhiều người đàm tiếu chê bai, cho rằng anh ta là kẻ lập dị, là hâm, là khùng, là ngu, là khờ, là muốn chơi nổi chơi trội lấy tiếng, muốn lưu danh muôn thuở. Vì họ không làm được như anh ta, nên họ cho rằng vậy là lẽ đương nhiên!"

Chưa hết thắc mắc, người phu xích lô nghèo lại vặn hỏi:

"Nhưng... sao anh ta không tự tay mình, không đích thân làm những việc nghĩa như giúp



đỡ gia đình tôi, mà một số chuyện lại nhờ vào tay anh chuyên giao?"

Một nụ cười điểm nhẹ trên môi, anh Trung nói:

"Điều đó cũng là một cái... quái. Quái đến độ khiến cho chúng ta phải nghiêng mình khâm phục kính nể. Từ trước tới nay, mọi sự giúp đỡ của anh ta đều thông qua tôi, anh ta muốn vậy, vì không thích ai biết mặt mình, không thích ai nói đến chuyện mang ơn mạng nghĩa. Cho nên, cả anh ta lẫn anh, và những người mang ơn anh ta đều không biết mặt nhau đó! Anh ta muốn vậy, thì hãy để cho anh ta được như ý."

Anh Long sững sờ, lòng trời lên niềm kính phục trước con người bị nạn đang nằm ngủ say trên giường kia. Anh nhớ lại, rất nhiều lần gia đình anh lâm vào cảnh túng bấn cực cùng, khi vợ ốm, lúc con đau, khi hết gạo, lúc cạn tiền, nhằm mùa khai giảng lo cho con cái tựu trường, không còn gì giá trị trong nhà để bán đi, anh thì thất nghiệp dài dài, tứ bề tường như đã bể tắt... thì được anh Trung mang tiền đến trao cho nói rằng "của một người tốt bụng thích làm việc từ thiện, nhưng luôn luôn giấu mặt". Nhận được sự giúp đỡ của một người không quen biết qua trung gian một người hàng xóm nhân hậu, anh Long rất muốn biết mặt ân nhân của mình, rất khao khát được diện kiến ân nhân dù chỉ một lần trong đời để quỳ xuống mà nói lên lòng biết ơn, nhưng anh Trung đã khẳng khái từ chối không chịu cho biết nhân thân của người tốt bụng giấu mặt ấy. Không ngờ khuya hôm qua, anh Long lại được dịp trả cái ân tình, và sướng nhất là được biết dung

nhân diện mạo của người đã giúp gia đình anh thoát cảnh đói nghèo thê lương...

Người mà bao lâu nay anh Long muốn được nhìn ngắm đang nằm trên giường kia, gương mặt hiền lành, mắt nhắm nghiền trong cơn ngủ say vì mệt mỏi. Anh Long bước lại, nắm lấy bàn tay của ân nhân, nước mắt cứ chực trào ra. Anh Trung thấy vậy vội trùm áo anh xích lô giặt mấy cái, nói nhỏ:

"Nghe tôi dặn nè, chút nữa nếu anh ta có thức dậy, nhớ tuyệt đối không được nói đến chuyện ân nghĩa gì hết nghe chưa!"

Nhẫn nhịu mặt mày, anh Long hỏi:

"Không cho tôi nói một lời cảm ơn nào ư?"

"Tuyệt đối không!"

"Nói chút xiú thôi..."

"Chút xiú cũng không được!"

Dứt khoát là không được. Anh ta chưa ghét bắt cứ ai nói đến chuyện ân nghĩa, nói đến chuyện tạ ơn với cảm ơn. Hãy tôn trọng ý muốn của anh ta, đó chính là trả ơn rồi đó! Tôi chơi thân với anh ta chục năm rồi, tôi biết và hiểu anh ta rõ hơn ai hết!"

Anh Long chưa kịp nói gì thì con người nằm trên giường đã mở choàng mắt dậy. "Kẻ lập dị" đưa đôi mắt lơ lơ nhìn anh Trung, rồi nhìn sang anh Long với chút ngạc nhiên, cất giọng yếu ớt:

"Ai vậy, Trung?"

Anh Trung thản nhiên:

"Người xích lô chở anh vào đây hồi khuya đó."

Đưa mắt nhìn anh Long, "nhà báo không thê" cất giọng yếu ớt:

"Vậy à? Cảm ơn anh nhé, cảm ơn anh rất nhiều... cảm ơn đã cứu mạng..."

Anh Long bước lại sát bên giường, giọng ghen đi:

"Ơn nghĩa gì? Không nói chuyện ơn nghĩa gì hết. Tôi đến cốt để xin tiền cuộc xe hồi khuya đó. Trả lệ tiền cho tôi còn về. Hết thầy ba mươi lăm ngàn đồng!"

Nói xong rồi, anh Long quay mặt đi nơi khác, không cần nhìn thứ thái độ của người đang nằm trên giường.

Người phu xích lô nghèo đã quay mặt đi nơi khác chỉ vì cố để giấu những giọt nước mắt của mình đang rơm rớm chực tuôn ra ngoài...



VAI TRÒ CỦA DINH DƯỠNG

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức

Y KHOA PHỔ THÔNG

Từ thế kỷ thứ V trước Công nguyên, danh y Hy Lạp Hippocrates đã chủ trương rằng, để phòng ngừa và điều trị một số bệnh ta chỉ cần áp dụng những chế độ ăn uống cân bằng hợp lý và sống hài hòa với thiên nhiên.

Ngoài việc triều chính, vua Hoàng Đế của Trung Hoa ngày xưa đã biết chỉ dẫn cho dân chúng về bệnh tật cũng như cách sản xuất lương thực và sử dụng những món ăn thức uống có tác dụng trị bệnh và có lợi cho sức khỏe.

Các vị danh y Tuệ Tĩnh, Hải Thượng Lãn Ông của Việt Nam trước đây đều nhấn mạnh vai trò quan trọng của ẩm thực trong việc ngăn ngừa và chữa trị một số bệnh. Hãy nghe lời khuyên như sau của danh y Tuệ Tĩnh:

*"Muốn cho phủ tạng được yên;
Bớt ăn mấy miếng, nhịn thêm hơn đau".*

Hoặc:

*"Chết vì bội thực cũng nhiều;
Ngờ đâu lại có người nghèo chết no".*

Như vậy, có thể nói rằng từ rất xa xưa, các vị danh y trên khắp thế giới hầu như đều đã nhận biết được là vấn đề dinh dưỡng có ảnh hưởng rất lớn đến sức khỏe con người, có thể giúp ta phòng trị bệnh cũng như duy trì được một cuộc sống luôn luôn khỏe mạnh.

Mục đích của Dinh Dưỡng

Dinh dưỡng có ba mục đích chính:

- 1- Tạo điều kiện thuận lợi để cơ thể có sức khỏe tốt;
- 2- Phòng ngừa các bệnh liên quan tới ăn uống;
- 3- Khôi phục sức khỏe sau thời kỳ bệnh tật, thương tích.

Người Anh có câu ngạn ngữ "You are what you eat" (Ăn ra sao thì người thế ấy", cũng là nói lên tầm quan trọng của vấn đề dinh dưỡng.

Thực phẩm ăn vào có ảnh hưởng rất lớn tới sức khỏe trong suốt các giai đoạn khác nhau của đời người. Ăn uống không đúng với tình trạng sinh học thì cơ thể sẽ có hậu quả xấu mà đôi khi chỉ với một vài thay đổi nhỏ về dinh dưỡng cũng cải thiện sức khỏe rất nhiều.

Cứ nhìn người Á Châu trước đây, lấy căn bản thức ăn là gạo, ít calcium, thường đều nhỏ con hơn dân Âu châu ăn lúa mì, nhiều calcium. Quan sát người Việt ta, xưa kia dân miền Bắc, miền Trung dinh dưỡng thiếu hụt nên cơ thể nhỏ hơn so với người sanh trưởng ở miền Nam, gạo lúa dư thừa. Con cháu chúng ta bây giờ ở nước ngoài, dinh dưỡng đầy đủ nhờ đó cháu nào cũng to hơn bố mẹ, ông bà.

Mỗi người cần có một thói quen ăn uống lành mạnh. Nhiều người ý thức được việc đó nhưng ít người thực hiện được. Vì thế, càng tìm hiểu nhiều về lợi hại của dinh dưỡng thì ta càng biết cách ăn uống sao cho thích hợp và có lợi cho sức khỏe.

Các lời khuyên về ăn uống thì nhiều và khác nhau nhưng mục đích đều hướng tới sự bảo vệ sức khỏe. Tuy nhiên cũng có người bối rối, không biết theo lời khuyên nào, cho nên tùy hứng làm theo ý mình. Thế là người ta đã tạo ra một thói quen đôi khi xấu nhiều hơn tốt. Do đó việc tạo ra thói quen tốt trong ăn uống đôi khi cũng không hẳn là dễ dàng.

Thói quen ăn uống cũng thay đổi tùy chủng tộc, văn hóa, khả năng cung cầu, điều kiện tâm lý, nếp sống cá nhân, sự hấp dẫn của món ăn, cách thức mời chào, quảng cáo của giới sản xuất.

Hầu hết các quốc gia đều đưa ra những tiêu chuẩn về dinh dưỡng cho người dân, quy định mức dinh dưỡng tối thiểu để cơ thể tăng trưởng mạnh và phát triển trí óc tốt đồng thời tránh được bệnh tật cũng như kéo dài tuổi thọ. Ngoài ra, còn có các chương trình quốc gia hướng dẫn để người dân biết cách áp dụng những tiêu chuẩn ấy trong việc ăn uống hàng ngày.

Một chế độ dinh dưỡng nhiều về lượng và phẩm cũng chưa đủ để có một sức khỏe tốt nếu không có sự cân đối hợp lý các thành phần dinh dưỡng. Trong cơ thể, các cơ quan luôn luôn hoạt động một cách nhịp nhàng tương ứng, để sử dụng các chất dinh dưỡng khác nhau cho các nhu cầu về năng lượng, kiến tạo cũng như tu bổ các tế bào sau khi bị thương tích, bệnh tật.

Số lượng thực phẩm tiêu thụ còn tùy thuộc các yếu tố xã hội, tâm lý, sinh học của con người. Tâm trạng vui buồn đều có ảnh hưởng tới sự ăn uống và tiêu hóa. Các phản ứng sinh hóa trong cơ thể cũng ảnh hưởng tới sự hấp thụ và chuyển hóa dinh dưỡng.

Tóm lại, chất dinh dưỡng có thể làm ta mập hay gầy, hoạt động nhanh nhẹn hay chậm chạp, sống vui khỏe hay thường xuyên đau ốm... Nghĩa là có rất nhiều ảnh hưởng.

Nhu Cầu

Một chế độ dinh dưỡng có thể xem là:

a- **Thỏa đáng:** khi cung cấp đủ chất dinh dưỡng cho các hoạt động, chức năng của cơ thể cũng như có dự trữ cho nhu cầu cấp bách.

b- **Không đầy đủ:** khi tiêu thụ ít hơn nhu cầu. Trong trường hợp này, cơ thể sẽ lấy nguyên liệu từ kho dự trữ để nuôi dưỡng và tái tạo tế bào. Kho sẽ với dần dần nếu không được bổ sung.

Lấy ví dụ: hồng huyết cầu chỉ sống khoảng 120 ngày, tế bào niêm mạc ống tiêu hóa cần được thay thế mỗi tuần lễ. Cả hai đều cần có nguyên liệu từ chất dinh dưỡng. Nếu chỉ thiếu dinh dưỡng trong thời gian ngắn, kho dự trữ có thể du di, nhưng nếu kéo dài lâu ngày sẽ nảy sinh nhiều bệnh tật.

c- **Quá mức:** khi cung cấp nhiều hơn nhu cầu, sẽ tạo ra tình trạng dư thừa. Chẳng hạn, chất sắt rất cần cho việc tạo huyết cầu tố, nhưng quá nhiều sẽ đưa tới suy gan; năng lượng dư được cơ thể hấp thụ và chuyển sang dự trữ, quá nhiều sẽ gây ra tình trạng béo phì.

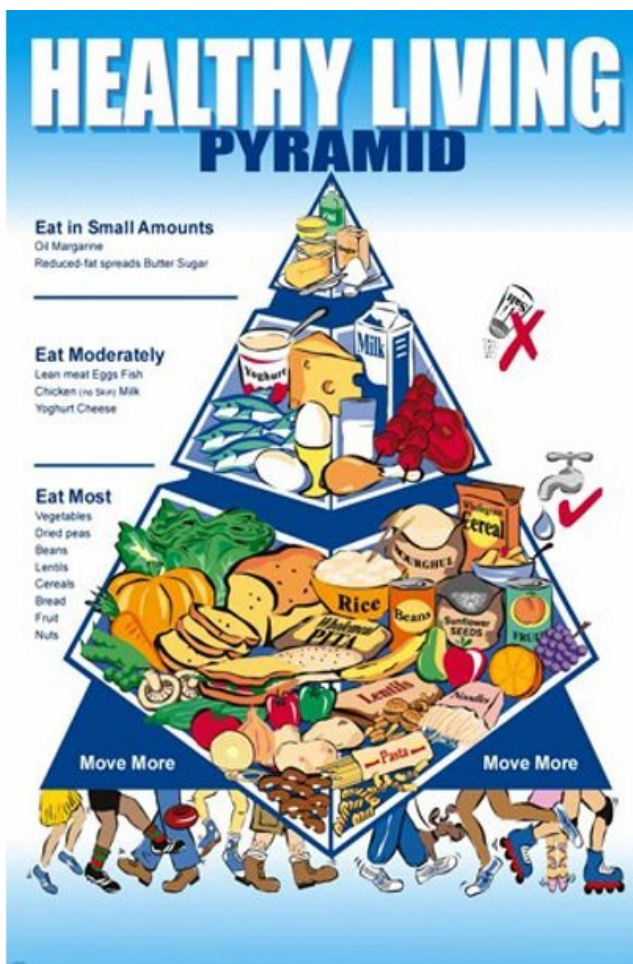
Mọi người đều cần những thành phần dinh dưỡng như nhau, bất kể tuổi tác, giới tính, chủng tộc, điều kiện sinh hoạt. Tuy nhiên về số lượng thì mỗi cơ thể đều có nhu cầu khác biệt.

Cơ thể càng to lớn thì nhu cầu càng cao; một người hoạt động nhiều chắc chắn cần nhiều thực phẩm hơn người sống tĩnh tại; khi ngủ nghỉ, nhu cầu năng lượng giảm; khi cơ thể run vì lạnh thì cần thêm năng lượng để khỏi lạnh cóng.

Khẩu phần ăn phải phù hợp với mỗi người, không gây cảm giác ngầy ngật mệt mỏi vì ăn quá no nhưng cũng không ăn quá ít, vì sẽ không cung cấp đủ dinh dưỡng cho hoạt động của cơ thể.

Chế độ dinh dưỡng hợp lý

Lời khuyên chung của các nhà dinh dưỡng và y tế về sự ăn uống là chúng ta nên:



1- Ăn nhiều loại thực phẩm khác nhau, vì mỗi loại có chất dinh dưỡng mà loại khác không có.

Chẳng hạn sữa mẹ được coi như gần hoàn hảo, nhưng lại có ít sắt và sinh tố D.

Sữa bò có nhiều đạm nhưng rất ít sắt và không có chất xơ.

Thịt động vật có vú nhiều đạm nhưng ít calci.

Trứng không có vitamin C và có rất ít calci vì hầu hết nằm ở vỏ trứng.

Như vậy cần có chế độ ăn đa dạng mới cung cấp đủ chất dinh dưỡng.

2- Duy trì trọng lượng cơ thể ở mức trung bình. Để tránh tăng cân quá mức, chỉ nên ăn đủ số năng lượng mà cơ thể cần;

3- Giảm chất béo động vật bão hòa và cholesterol: lượng cholesterol ăn vào mỗi ngày không quá 300mg; chất béo động vật bão hòa không quá 10% tổng số năng lượng được cung cấp mỗi ngày. Nên dùng dầu thực vật với chất béo chưa bão hòa. Mức tiêu thụ chất béo nói chung không nên quá 30% tổng số năng lượng mỗi ngày.

4- Giảm thịt động vật có nhiều mỡ hoặc loại bỏ bớt mỡ khi ăn thịt; ăn nhiều cá. Việc ăn thịt tự nó không có hại cho người khỏe mạnh, nhưng ăn nhiều thịt thường kèm theo nhiều chất béo và cung cấp nhiều năng lượng.

5- Dùng sữa đã gạn bớt chất béo, nhất là ở người tuổi cao.

6- Ăn thêm thực phẩm có chất xơ và tinh bột.

7- Tránh tiêu thụ quá nhiều đường tinh chế. Đường không gây bệnh tiểu đường, bệnh tim như nhiều người lầm tưởng, nhưng vì có nhiều năng lượng cho nên dễ dẫn tới béo phì.

8- Giới hạn muối không quá 2500 mg mỗi ngày.

9- Hạn chế rượu bia. Nếu không thể bỏ hẳn thì không nên quá 350 ml bia hoặc 150 ml rượu vang, hai lần một ngày. Nếu là rượu mạnh thì không quá 50ml.

Hậu quả của chế độ dinh dưỡng sai

Chế độ dinh dưỡng sai có nguy cơ đưa tới một số bệnh tật. Sai có thể là quá dư, quá thiếu hoặc không cân đối.

Thiếu dinh dưỡng, cơ thể sẽ chậm phát triển, trí nhớ kém, sức đề kháng với bệnh tật giảm, cơ thể suy nhược và đưa tới giảm tuổi thọ.

Dinh dưỡng dư thừa sẽ dẫn đến các bệnh kinh niên, như bệnh tim, ung thư, cao huyết áp, tai biến động mạch não, tiểu đường. Ngoài ra còn có thể mắc phải những bệnh khác như xơ gan, viêm túi ruột hoặc tai nạn, tự tử do tiêu thụ nhiều rượu.

Dinh dưỡng sai mà lại thiếu vận động cơ thể còn đưa tới nhiều ảnh hưởng không tốt khác cho sức khỏe.

Dinh dưỡng không đúng cũng gây ra tổn thương về nhiều phương diện cho các thể hệ sau.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức

www.bsnguyenyduc.com

NHỮNG CUỘC CHIẾN CHƯA HỀ CHẤM DỨT

Những cuộc chiến chưa hề chấm dứt
Có chăng chỉ là tạm dứt quãng mà thôi
Mạng người dân bèo bọt nổi trôi
Đã đánh nhau, đang đánh nhau và còn đánh
nhau mãi mãi
Dòng lịch sử nhân loại
Sử Tây, sử Tàu và cả sử Ta
Luôn bất ổn và triền miên loạn động
Có vô vàn lý do để đánh nhau trong cuộc sống
Thậm chí đánh nhau chẳng có lý do gì
Dân ước mơ đời thái bình thịnh trị
Chưa bao giờ thành hiện thực em ơi
Những thế lực chính trị mị dân dùng lời xảo ngữ
Những âm mưu tàn độc nhất cũng không từ
Tranh lợi danh, quyền vị, quyền binh
Mặc dân tình thống khổ điêu linh
Cướp bóc, đốt phá và tru diệt
Những cuộc chiến bạo tàn khốc liệt
Sinh mạng dân như cái kiến con sâu
Đời liên miên những cuộc bể dâu
Kẻ thủ ác cuồng nộ và tham lam vô tận
Bạn tội ơi, chúng ta cùng một phận
Cố gắng làm lành tạo phước đức về sau
Gặp tao loạn còn có chút dư phước nhiệm màu
Đề hộ thân giảm bớt thương đau
Bạn tội ơi, hãy lên tiếng vì việc thiện
Công lý vốn là lẽ tự nhiên
Bạo quyền tuy hung tợn nhưng chỉ nhất thời
Những bạo chúa xưa bị muôn đời nguyền rủa
Sống gây tai ương một thuở
Giờ nơi đâu, chết đọa nơi đâu?
Những bạo chúa ngày nay cũng thế
Muội mê tính kế tương tàn
Những cuộc chiến chưa bao giờ chấm dứt
Khi lòng tham, đố kỵ, hận thù
Nội tâm như hỏa ngục
Diên cuồng gây chiến trận đạn bom
Mạnh hiếp yếu âm mưu thôn tính
Bạo chúa xưa nay đều thậm vô minh
Thừa tàn độc thiếu tình thương đồng loại
Những cuộc chiến vẫn lan tràn khắp cõi
Nay bên tây mai lại bên đông
Những bạo chúa tàn độc cuồng ngông



Không vắng mặt ở trong đời sống
Ác và thiện cùng song song tồn tại
Ác mạnh gớm ghê nhưng thiện chẳng
nhạt phai
Âm ỉ còn, bèn bi đằng dai
Ngay cả lúc tưởng chừng như tuyệt diệt.

BẠO CHÚA

Tội nghiệp cho người mẹ
Để phải đưa con đồ
Bà đau đớn xấu hổ
Vì đưa con ngõ nghich

Coi rẻ mạng sinh linh
Động binh gây máu lửa
Giết người phá nhà cửa
Người hả dạ hay chưa?

Cả thế giới nguyền rủa
Tên bạo chúa độc tài
Làm những việc tàn hại
Sử ghi mãi việc này

Đông hoa dương đã cháy
Ám muội mây đen bay
Xương thịt rơi máu chảy
Putin, người có hay

Sa hoàng đồ đại đế
Ý thức hệ u mê
Mặc thiên hạ cười chê
Hỗ trợ như đá!

Georgia, 03/22

thơ

THANH NGUYỄN

Truyện cực ngắn

STEVEN N.

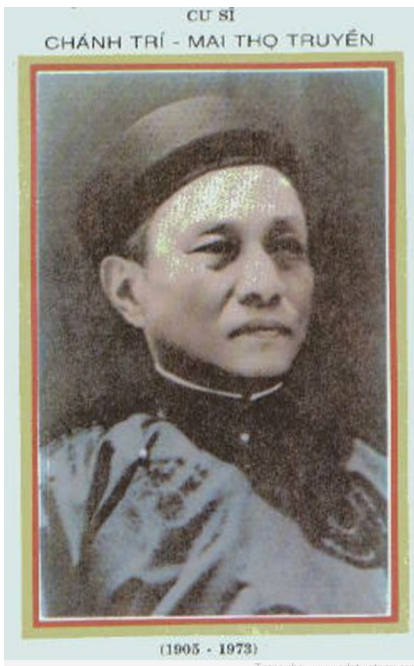
VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT



HỘ PHÁP PHÁP ĐỘ

Thuở ấy quốc gia xuất hiện một vị cư sĩ kỳ tài. Ông vốn người Kiến Tường, lớn lên tinh thông cả Nho lẫn Phật. Ông giữ nhiều chức vụ và quyền hạn trong bộ máy hành chính nhưng lúc nào cũng một lòng vì nước vì dân. Có nhiều lần ông phản đối người Pháp bách hại dân nên từ quan.

Ông là cư sĩ có công lớn trong việc chấn hưng Phật giáo, hỗ trợ hoằng dương, viết sách, dạy học, nắm trong ủy ban liên phái bảo vệ chánh pháp. Việc nào ông cũng làm tận tâm tận lực. Những trước tác của ông có thể kể: Tâm và Tánh, Tâm Kinh Việt dịch, Đời Sống Vị Tha, Ý Nghĩa Niết Bàn... Ngoài sách tiếng Việt, ông còn viết cả sách Pháp văn như: Le Buddhisme au Vitenam. Phải nói rằng ông là một cư sĩ xuất sắc của Phật giáo Việt Nam thời hiện đại. Người đời thời hậu chiến ngưỡng mộ ông:



CHÁNH PHÁP NHƯ LAI HẾT LÒNG TRUYỀN BẢ CƯ SĨ DỤNG CHÙA TƯ SỰ CÙNG DƯƠNG HỘ PHÁP PHÁP ĐỘ TRÍ HUỆ THỂ TÔN TÂN LỰC HOẰNG DƯƠNG SỰ PHỤ TRUYỀN GIÁO TAM HỌC TINH TÂN TỰ GIÁC GIÁC THA.

THỌ HAY KHÔNG THỌ

Ngày Tết bạn bè gặp nhau vui mừng hỉ hả, cười nói rôm rả, lời chúc tụng cũng quá xá luôn. Cái Hương nói với thằng Đại:

- Đạo này nghe nói ông ăn chơi dữ lắm, nhậu tới bến, sát gái một cây, đã thế còn cá độ không thua ai, liều mà giảm bớt đi nhe, kéo không nhận quá xấu!

Đại cười hềnh hếch:

- Bà lo xa quá, tui chẳng phải Phật tử, không quy y, không thọ giới nên luật nhân quả sao áp dụng cho tui được?

Thằng Trí nghe thế xen vào:

- Luật nhân quả chẳng phải Ông Phật chế ra, nó là tự nhiên, làm cái gì thì nhận cái đó. Tỳ như ông uống nhiều rượu thì say, chơi thể thao thì khỏe... có ai làm cho ông say hay khỏe đâu? Chẳng những ông mà tất cả mọi người đều thế cả! Cho dù ông có là Phật tử hay không Phật tử thì luật nhân quả vẫn cứ sờ sờ ra đấy!

Thằng Đại đang cười bỗng đứng nín thình.

TẠI TÂM

Có người đọc sách thấy viết: "...Tâm tạo tác, tâm chủ thể... Thiện ác cũng từ một tâm mà ra, thằng hay dọa cũng tự tâm..." Y sanh nghi bèn lên chùa cật vấn thầy:

- Nghiệp thiện và nghiệp ác vốn trái ngược nhau, lên với xuống nghịch nhau, sao bảo cùng là tại tâm?"

Thầy cười độ lượng:

- Anh nói cũng phải nhưng sách chẳng viết sai.

Đoạn thầy chỉ cho anh ta thấy hơi lạnh từ hệ thống tỏa ra:

- Cũng từ một ống dẫn này, chạy quanh quất trái phải, xuống lên nhưng mùa hè cho ra hơi lạnh, mùa đông cho ra hơi ấm. Giờ cứ tạm cho nó là tâm đi, chứ cái tâm vô hình vô tướng anh khó hình dung.

Người kia gật gù ra về hiểu:

- Hệ thống ống dẫn hơi kỳ diệu như tâm nhỉ.

CHỈ CÓ XỨ MÌNH LÀM ĐƯỢC

Sau mấy mươi năm đào tận gốc, trốc tận rễ, cào nam đập bắc... Xứ quờn bắt đầu lò dò quay lại đi theo vết cũ mà lúc trước đã cố tình xóa bỏ. Hăng xướng mọc lên, bán mua khắp chốn, kinh tế coi mỗi khá hơn. Triều đình có ông bộ phát cuồng tuyên bố:

- Chỉ có xứ ta làm được những điều thế giới không làm được!

Thiên hạ chửi dữ lắm, kẻ bảo cuồng ngôn, người nói bệnh tương, trên mạng dân cư mỉa mai:

- Bộ lộ làm đường cao tốc không có lán cấp cứu. Bộ tế bán thuốc giả, chọc mũi dân ăn tiền. Bộ giao ép giá máy bay giải cứu... toàn là chuyện chỉ có xứ mình làm được!

Thế là bọn lâu la, cò ke lục chốt nhảy vào mắng xối xả, đe dọa đủ kiểu, dùng những ngôn từ bẩn thỉu nhất mà chúng có thể nghĩ ra. Người bị chửi kia cũng chẳng nao núng, lại cười:

- Thật đúng là chỉ có xứ mình làm được!



CÚNG XE

Ngày hết Tết đến, mọi người hồi hà mua sắm phần vật chưng Tết. Mỗi cũng lảng xãng dọn dẹp nhà cửa, lau chùi bộ lư, lại nhắc vợ:

- Bà đi chợ mua áo ông táo nhớ mua thêm bộ đồ cúng xe.

Chiều về, mỗi bày một mâm lễ vật lên mui xe, đốt bó nhang quỳ khấn:

- Ông xe linh thiêng hộ trì con đi đến nơi về đến chốn, thương lộ bình an, không bị côn đồ mấi lố, tránh được nạn sâu vôi vĩnh bánh mì cà phê...

Mấy anh tây du lịch đi ngang qua thấy thế bèn hỏi người thông dịch:

- Ông ấy làm gì mà quỳ trước xe cung kính thế?

Người phiên dịch bảo:

- Ông ấy cúng xe đấy! Xứ tui người ta cúng đủ thứ từ trời đất thánh thần, nhà cửa, xe cộ... thậm chí gốc cây, cục đá cũng cúng nốt! Ấy là chưa kể cúng tiền dưới gầm bàn, hồng cúng là không có việc gì trôi chảy được!

Mấy anh tây cười hô hố:

- Vậy là dân xứ tui khỏe re như bò kéo xe, chẳng biết cúng là gì vậy mà mọi việc vẫn ngon lành như chơi.

MẶC ĐỊNH

Mùa xuân về, cây cỏ xanh tươi, muôn hoa khoe hương sắc, chim muông cũng ríu rít hý hoan ca. Cây đào nở hoa rực rỡ cả khu vườn. Một cảnh đào nhìn qua khung cửa kiếng thấy cây phát tài bèn nói:

- Sao bạn cứ ở mãi trong căn phòng ấy? Hãy ra ngoài thiên nhiên hưởng lộc của đất trời.

Một số cây khác nhao nhao lên:

- Lão ấy không ra ngoài bao giờ, lão quen hơi loài người, chịu sự bảo bọc của loài người, lão đâu biết loài người cầm tù lão!

Cây phát tài buồn bã:

- Tớ đâu có muốn ở trong căn phòng này, loài người mặc định một cách buồn cười là bọn tớ sẽ làm cho họ phát tài hoặc may mắn, bởi vậy mà họ đặt tên cho bọn tớ là cây phát tài, cây tiền. Bọn tớ bị nhốt trong những căn phòng bí bách cho đến khi chết thôi!

Cả khu vườn nghe nói thế tự dựng lạng xuống thông cảm với nỗi niềm của cây phát tài. Lát sau cây mọc lan bảo:

- Loài người họ có cái lỗi mặc định rất buồn cười, gán cho cây này phát tài, con cá rồng may mắn, con cóc ngâm tiền, vật lá bẻ cành để hái lộc... lẽ ra họ phải biết tài lộc phải tự mình tạo lấy. Ngay cả Bồ Tát thánh thần cũng chẳng thể giúp hưởng chi là cái cây hay con vật vô tri kia.

KHAI PHÓNG

Xứ Cờ Hoa vốn tự do khai phóng, kinh tế giàu, quân sự mạnh, dân cư sống phong lưu. Ấy vậy mà có người chê:

- Bọn họ giàu có và hùng mạnh thật nhưng mặt nghề thuật thẩm mỹ kém xa người Pháp, Ý, Nhật...

Đám đông nghe thế nhảy vào bể hội đồng ngay lập tức, chẳng cần suy xét đúng sai:

- Đồ phản bội, ăn cháo đá bát... dám chê bai đất dung thân!

Người kia dẫn chứng:

- Một trái chuối già dán lên khung cũng gọi là nghệ thuật

bán cả trăm ngàn đô, một bức tranh vẽ bôi quẹt lung tung rồi xé làm hai cũng được khen là hậu hiện đại. Kiến trúc thì chỉ là hình hộp bằng kiếng và nhôm... hãy xem kiến trúc của Anh, Pháp, Ý... là biết ngay thôi!

Đám đông lại bảo:

- Nghệ thuật khai phóng mà! Người ấy vẫn không chịu, cười cười đáp:

- Khai phóng quá nên phóng hóa khai.

Anh ta còn lẩm nhẩm bài thơ yểu hậu:

"*Nghệ thuật mà sao ngỡ chuyên chơi*

Khai phóng người đi quá nực cười

Chuối già, giấy xé làm nên sự

Trời!"

TỔNG TÀI BÁ ĐẠO

Sau nhiều năm vận động mình bạch lần hắc ám, xứ của tổng tài được đảng cai đại hội võ lâm. Ngặt nỗi danh môn chánh phái tây chạy vì tội diệt chủng người Tạng, Duy Ngô Nhĩ, bóp chết dân chủ Hương Cảng... Riêng đàn chủ Nga La Tư luôn sát cánh với tổng tài, y bỏ nhỏ:

- Ta ủng hộ lưỡi bò liếm biển đông, người đồng ý cho ta chiếm Crime, vậy là huê. Tại sao người của người còn lẩn qua sông Tùng Hoa, xả xẻo đất biên giới của ta?

Tập xính xáng cười hi hí:

- Ấy da, ngộ với nị là đồng chí, bỏ tiểu cục để giữ đại cục. Thắng con hoang của ngộ nó còn dám dâng cho ngộ bao nhiêu là đất liền, biển, đảo trong khi nó bé không bằng cái móng tay của nị.

Nói xong Tập xính xáng nâng ly mời Nga đàn chủ cùng đám thủ hạ. Trong lúc hồng cung quốc yến linh đình thì ngoài sân các vận động viên căng mình thi đấu mà khán đài không có một bóng người. Một thủ hạ thân tín thì thào vào tai tổng tài chủ:

- Chuyển này tổng tài bá đạo lỗ sặc máu.

Không ngờ Tập xính xáng nghe được, y cười the thé:

- Các hạ đừng lo, một chú mười cái đại hội võ lâm như vậy ngộ cũng chơi. Ngộ là con trời mà!

STEVEN N

Ất Lăng thành, 02/22

Giải thoát

TIỂU LỤC THẦN PHONG

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Mỗ là quan chức thường thường bậc trung, tuy chưa phải là đại gia nhưng cũng có thể gọi là giàu sang có máu mặt. Sau nhiều năm lẫn lộn chốn quan trường, mỗ ngán ngấm lắm rồi. Mọi người mang mặt nạ để đối đãi nhau, đồng liêu cười cười nói nói, bắt tay, ôm hôn vỗ lưng bộp bộp nhưng sẵn sàng lụi nhau những phát chí tử. Quan trên thì hốt công đồ tội, bọn bên dưới thì rập rình đoạt ghế mỗ đang ngồi. Chính trường tràn gió tanh mưa máu, miệng lẩn lộn răn, tâm lang dạ sói, óc muối bụng voi. Triều đình đầy nghi kỵ, luôn rình mò từng cử chỉ hay lời nói, hễ lệch hướng một tí là triệt hạ ngay lập tức. Ở công đường là thế, về nhà càng mệt thêm, vợ suốt ngày chửi diên đũa đòi làm phu nhân, bà lớn. Con trai nhập băng hút xách, đua xe, quậy phá tung bưng. Con gái ăn chơi mát trời ông địa luôn. Mỗ ngán ngấm tình đời, muốn tìm cách giải thoát. Suy

nghĩ nhiều lắm, cuối cùng thấy chỉ có xuất gia đầu Phật là con đường giải thoát tuyệt nhất. Nghĩ là làm, tuy nhiên mỗ cũng thủ thế trước, kính nghiêm quan trường dạy mỗ vậy. Trước hết mỗ xin nghỉ việc không lương trong ba tháng để đi chữa bệnh, sau là mở tài khoản nhà băng bí mật và gom hết giấy tờ tài sản đứng tên riêng cất kỹ. Mỗ cũng nghe nói Phật xuất gia lúc nửa đêm để tránh sự quyến luyến và cản trở. Bởi vậy mỗ đợi ngày vợ con đi chơi xa, lúc bấy giờ mới lên chùa:

- Bạch hòa thượng, con muốn xuất gia đầu Phật, xin hòa thượng nhận con làm đệ tử.

Hòa thượng bắt ngờ nhưng rồi cười độ lượng:

- Vì sao ông muốn xuất gia?

- Dạ, đời là bể khổ, con muốn giải thoát để hết khổ.

- Nói vậy! Ai bảo đời khổ? Đời vui lắm, có tiền, có rượu

ngon, gái đẹp, thức ăn mỹ vị... Ở trong chùa mới khổ, chùa hồng có những món ấy đâu!

- Dạ, đời khổ thật mà, vì những món ấy mới khổ, hơn nữa lòng người đa trá, quan trường nham hiểm, vợ con nợ nần, sắc dục chạm bầy... chỉ có chốn già lam mới bình an thanh tịnh.

- Trong chùa cơm hẩm áo thô, vào ra đơn độc, thức khuya dậy sớm, bất tác bất thực, kham nhẫn nhịn nhục, rước khổ thiên hạ, thí lạc cho đời... toàn đi ngược lại với người đời cả!

- Dạ, lòng con đã quyết, những cái khổ khăn ấy không làm con nhụt chí đâu!

- Cứ cho là ông chịu được những điều ấy, nhưng ông xuất gia để cầu gì?

- Dạ, cầu giác ngộ.

- Chùa chẳng có gì ngộ ngộ để ông vác đầu.

- Cầu hầu cận Phật, gần Tổ.

- Vậy thì càng không được!

Làm Phật, làm Tổ khó lắm, ngày ngày ngồi đó chịu trận chúng đến cầu xin đủ thứ nào là tài lộc, thăng quan tiến chức, gia đạo bình an, con cháu đỗ đạt, thậm chí cầu sanh con trai... Nếu ngẫu nhiên mà được thì không sao, bằng như không vừa ý thì chúng lại đổ vấy tại Phật, tại Tổ không linh. Khổ lắm, kham không nổi đâu!

- Dạ, tại người mê mới cầu như thế nhưng Phật, Tổ từ bi đâu có trách!

- Ông nói cũng có lý, Phật, tổ không trách. Chúng lại làm những việc ma nhưng cứ đổ riết cho Phật, Bồ tát gọi là Phật sự. Chúng lợi dụng Phật, Bồ tát tổ chức xin xăm, bói toán, cúng sao, giải hạn, trục vong, mở ngải... để thu tiền, làm cho thiên hạ hiểu sai về Phật. Chúng bói nhọ như thế đấy, làm Phật, làm Tổ khổ lắm! Chưa hết đâu, chúng tàn hại thiên nhiên, phá rừng bạt núi dựng chùa to như từ cấm thành để làm khu du lịch thu tiền mà chúng bảo là Phật



Chùa Bái Đính, Ninh Bình, Việt Nam, được xem là một trong những trung tâm du lịch nổi tiếng hàng đầu trong nước. Hình: Wikipedia



Lễ hội đầu năm chùa Bái Đính.
Hình: Wikipedia

sự! Chúng dâng đàn nói nhảm linh tinh, phò thế lực quan quyền thế tục... đủ hết các trò mà ngày xưa ma vương Ba-tuần còn chưa dám làm. Chúng bôi tro trát trấu lên mặt Phật, chúng phỉ báng như thế mà vẫn phải nhẩn nại từ bi thương chúng vô minh. Làm Phật, làm Tổ khổ lắm! Ngày xưa Phật buông hết xuống chỉ còn tam y nhất bát, nay chúng vờ hết về mình, ôm đủ thứ mà miệng thì cứ oang oang bảo Phật sự. Ông thử nhìn lên bàn thờ mà xem: Đèn, nhang, hoa, quả... chúng dí sát vào tượng Phật, bày biện tùm lum, chúng sợ Phật không thấy phẩm vật nên hồng linh chẳng? Ông thử đi một vòng các chùa thì biết, gom tiền bá tánh đi rước sư tử Tàu, La Hán Tàu, pháp khí Đài Loan... chưng la liệt, chẳng biết chưng vậy để làm chi? Vừa hao tài tốn của vừa làm cho người mê. Chúng làm bày nhưng rồi chỉ có mỗi Phật, Bồ tát chịu trận thay. Suốt ngày chúng réo Phật, làm Phật, làm Bồ tát khổ lắm!

Hòa thượng nói thế nào mỗi cũng vẫn khăng xin xuất gia cho bằng được, cuối cùng hòa thượng cũng cho mỗi xuất gia để tìm đường giải thoát:

- Được rồi, ông muốn tránh khổ của đời để nhận cái khổ của chùa thì tui cũng chiều ông, tuy nhiên sau này kham hồng nổi thì đừng đổ thừa tui. Tui đã nói trước rồi đấy, làm Phật làm Tổ khổ lắm!

Thế rồi hòa thượng tập hợp chúng lại làm lễ cạo đầu cho mỗi xuất gia. Những ngày đầu mỗi lằng lằng vui sướng, hùng tâm tráng khí bốc cao như núi, lòng

nhẹ nhõm rỗng rang như mây bay. Từ nay không còn thù thế ở chốn quan trường, chẳng phải nhức đầu vì vợ con, đời tu hành thông dong tự tại. Mỗi hằng hái làm cái này cái kia, tập đi đứng chậm rãi, nói năng nhỏ nhẹ tử tốn, học giáo lý, học giới luật... Tuy hằng hái như vậy nhưng khổ một nỗi bản tánh xưa nay ở đời rất hùng hổ, quen thị uy, nóng nảy giờ đề nên xuống rất là khó chịu, nhiều lúc đang ngồi thiền mà nó cứ chực chờ bùng trào nổ tung. Mỗi ngồi trên bồ đoàn mà trong lòng bí bách như đang có cơn lũ dữ bị chặn lại. Những ngày đầu, khi cơn hưng phấn còn cao thì không sao, sau đó thì bắt đầu ném trái với bữa cơm toàn rau với đậu, mỗi cố nuốt nhưng sao thấy nhạt nhẽo khô khan quá. Trong tâm mỗi nổi lên cơn thèm miếng sườn, lát cá, ly bia... Mỗi phải trấn tĩnh, thực hiện chánh niệm: "Giờ mình đã xuất gia, phải hướng thượng, phải từ bỏ những cái tầm thường ấy để mà giải thoát."

Một đêm kia mỗi ngủ không được, bụng cồn cào vì đói, ngắt nỗi ở chùa đầu thế xuống bếp ăn vụng, và lại bữa cơm chiều cũng tếm gọn sạch sẽ rồi, chẳng còn gì cả. Mỗi thầm nghĩ: "Phải chi giờ này ở nhà, mình chạy ra quán quật một bụng cho đã đời." Mỗi trăn trở không sao ngủ được dù đã cố gắng niệm Phật thầm, chú mục vào hơi thở... nhưng chỉ được một tí là lòng lại dậy sóng. Mỗi nhớ những ngày tháng ăn nhậu tới bến, hết tăng một gầy tăng hai, tăng ba hát karaoke, mắt xa mắt trời ông địa luôn. Những cô tiếp viên trẻ đẹp chiều mỗi tới bến lên đỉnh vu sơn. Mỗi trở mình, chiếc giường chùa cứng quá, không có chăn ấm nệm êm làm cho thân thể mỗi đau và mỗi nhức, giấc ngủ chập chờn, đến bốn giờ sáng thì chuông thức chúng đã vang lên. Mỗi buộc lòng bỏ dậy theo chúng để vệ sinh rồi công phu buổi sớm. Ngồi lịm dim quán thân bất tịnh, mỗi thấy mấy cô tiếp viên đẹp quá, thơm quá có chi bất tịnh đâu. Quán thọ là khổ, chao ôi khổ thật, cơm hẩm áo thô, giường cứng, ngồi tê chân, đau lưng, ngủ không đầy giấc... Còn thọ với mấy em tiếp viên thì sướng quá, êm dịu, mướt mát đâu có gì khổ đâu! Quán lý vô thường, đành rằng là thế, vì

vô thường nên hãy hưởng cái sướng đi, khi nào vô thường đến hằng hay, tội gì chịu khổ rồi khi vô thường đến lại hối tiếc. Quán pháp vô ngã, mỗi sanh hoài nghi, của cải nhà cửa, tài sản sờ sờ ra đó sao là vô ngã? Có của thì nhất hô bá ứng, muốn gì được nấy cơ mà!

Thế là mỗi xuất gia được hai tháng, phải thú thật hai tháng này đối với mỗi như hai thế kỷ. Mỗi lần ngồi thiền nó bức bối khó chịu, gối đau, chân tê, lưng nhức, tâm thần lơ dờ ngủ gật ngủ gà, trong lòng mỗi ngổn ngang tâm sự, những tưởng thoát khổ nào ngờ còn khổ hơn. Trước khi xuất gia cứ ngỡ vào chùa là giải thoát giờ mới thấy giải thế nào cũng không thoát. Mỗi nhớ lời hòa thượng khi đến xin xuất gia: "Vào chùa khổ lắm, làm Phật làm Tổ khổ lắm, kham không nổi đâu!" Ngày chưa xuất gia, mỗi khi không vừa ý thì lập tức la hét, chửi mắng, thậm chí đập phá hay thương căng chân hạ cẳng tay cho hả giận, giờ phải tịnh khẩu, bó thân thật là khổ! Mỗi ngược nhìn tượng Phật Tổ trên bàn thờ mà lòng hoang mang, mỗi lâm râm cầu khẩn Phật Bồ tát phù hộ giải thoát.

Một ngày đầu của tháng thứ ba, sau khi xong buổi điểm tâm sáng, mọi người bắt đầu ra vườn chấp tác, riêng mỗi thì hòa thượng giữ lại:

- Đã thấy có gì ngộ ngộ để vác chưa? Đã giải nhưng không thoát phải không? Thôi hãy về đi! Ta giải thoát cho ông đấy!

Thì ra hòa thượng biết hết cả tâm sự trong lòng mỗi, hòa thượng đọc được từng ý nghĩ trong đầu mỗi, hòa thượng biết mỗi khổ thân và cả tâm. Nghe hòa thượng nói thế, lòng mỗi vui như mở hội, chợt thấy mình như chim sổ lồng, như cá ra sông, như tù nhân được thả cửa. Mỗi vội vàng quỳ xuống tạ ơn hòa thượng từ bi giải thoát cho, rồi lập tức xuống núi trở về nhà.

Tiểu Lục Thần Phong
Át Lăng thành, 01/22



Hoàng hậu Vi Đề với Pháp môn Tịnh độ

Soạn giả: THÍCH MINH CHIẾU

(Truyện Cổ Phật Giáo)

TRUYỆN TÍCH PHẬT GIÁO

Trong lúc Đức Thích Tôn còn tại thế, ở Ấn Độ có vua Tần Bà Ta La, nước giàu dân mạnh, tiếng oai hùng khắp cả bốn phương chư hầu thảy đều quy phục.

Song không bao lâu ông bị nghịch tử là A Xà Thế, sanh lòng ác muốn hại để đoạt ngôi. A Xà Thế bắt phụ hoàng giam vào ngục tối và cấm không cho ai được vãng lai. Hoàng hậu Vi Đề mật lo với ngục tối lên đến thăm, khi vào bà thấy vua ngồi trong ngục tối, nhan sắc tiêu tụy tinh thần bạc nhược sắp chết vì đói! Hoàng hậu vật mình chết ngất. Sau khi tỉnh dậy về cung, bà tìm phương cứu chồng. Hoàng hậu mới hòa bột cùng mật làm chuỗi anh lạc mỗi khi vào thăm bà đổ ra cho vua dùng, nhờ vậy mà vua Tần Bà Sa La sống cầm chừng khỏi chết. Nhưng rui thay, cơ mưu bại lộ, A Xà Thế biết được, ông giận quá xách gươm tìm mẹ để giết, may có vị đại thần can, bà mới thoát khỏi. Song bị giam vào lãnh cung. Từ đó Hoàng hậu



không thể đem thức ăn cho vua được nữa. Ôi! Còn chi đau đớn bằng mình bị tù ngục và cảnh tượng chồng đói sắp chết hiện ra trước mắt! Bà kêu gào than khóc đến nỗi hai mắt gần mờ; nhân đó bà nhận thấy cuộc đời giả dối, ngại vàng là lao ngục, danh lợi là gông cùm, ăn ái là hổ lang, địa vị như rắn độc.

Khi ấy bà liền nhớ đến Phật, nhờ sự cảm thông Đức Thế Tôn ở trong Kỳ Hoàn Tịnh xá, vận thần thông trên hư không cùng các đệ tử hiện vào trong lãnh cung. Trong khi bà đang quỳ gối chấp tay hướng về đấng Đại giác bỗng thấy hào quang chói khắp, bốn bức tường lạnh lẽo trở nên ấm áp. Ngẩng đầu lên bà thấy Phật; bà tủi mình khóc lóc đành lễ đức Phật và các vị Thánh chúng mà bạch Phật:

“Bạch Đức Thế Tôn không biết con đã gây nên tội gì mà nay sanh đọa con đại ngộ nghịch đến nỗi toan giết cha giam mẹ để đoạt ngôi? Nay con được may mắn gặp Phật, nguyện Đức Như Lai cứu độ cho con xả báo thân này để được sanh vào thế giới nào đừng gặp nghịch tử và chịu những điều oan khổ như ngày nay.”

Đức Thế Tôn dịu lời an ủi:

“Hoàng hậu hãy bình tĩnh để nhớ lại chuyện xưa. Khi Hoàng hậu chưa sanh Thái tử thì Đại vương và Hoàng hậu đêm ngày lo buồn, cầu các vị thần linh để mong sanh con quý. Vì lòng quá tin tưởng nên một đêm kia Đại vương chiêm bao thấy thần mạch bảo: ‘Trên núi cao cách thành mấy dặm có vị tiên nhân đương tu trên ấy, khi xả báo thân sẽ đầu thai vào làm con bệ hạ’. Lúc tỉnh lại Vua thuật lại cho Hoàng hậu nghe và truyền xa giá đưa đi, đến nơi quả nhiên thấy vị tiên nhân đang tĩnh tọa dưới gốc cây, vua quỳ làm lễ, và đem việc mình cầu tự cùng điềm chiêm bao mà thưa với đạo sĩ. Vị đạo sĩ nghe

xong, nhập định một lúc lâu, rồi bảo: ‘Quả có như vậy, song tôi còn ba năm nữa mới ly khai được xác thân này, vậy bệ hạ hãy chờ.’ Vua nghe xong, buồn rầu thưa lại: ‘Mạng người vô thường đâu có hẹn được, xin ngài từ bi cho tôi mau mau được như nguyện, nếu chờ ba năm lâu quá, biết tôi còn sống mà đợi được chăng?’ Vua năn nỉ rất lâu mà không được; phần quỳ đã mọi gối, ông liền nổi sùng bảo sảng: ‘Trẫm làm vua trong một nước, chủ trị cả giang sơn, Ngài tuy tu hành song cũng ở trong đất nước của Trẫm, nay Trẫm đã hết lời yêu cầu, nếu Ngài không nghe chắc không được.’ Đạo sĩ ngậm ngùi sẽ bảo: ‘Mạng tôi chưa chết bệ hạ lấy thế lực áp bức tôi nếu tôi không nghe chắc sẽ nguy hại, song tôi nghe thì khi vào làm con bệ hạ tôi sẽ hại bệ hạ mà đoạt ngôi thật là đáng tiếc.’ Đạo sĩ nói xong tự giận mà chết; và bắt đầu Hoàng hậu có thai, nhưng vua rất buồn vì cậu nói và cái chết của Đạo sĩ vẫn ám ảnh trong lòng. Chẳng bao lâu Hoàng hậu sanh Thái tử, vua đem việc ấy bàn với Hoàng hậu cả hai đồng tìm quặng con từ lâu cao rơi xuống, cổ cho Thái tử chết, nhưng Thái tử chỉ gãy một ngón tay mà lại lớn rất mau, diện mạo càng lớn càng đẹp để oai nghiêm, tư chất lại thông minh khác thường, làm cho vua và Hoàng hậu yêu quý như ngọc minh châu mà quên lần câu chuyện cũ.”

Tiếng Phật êm dịu như tơ đàn la miên, Vi Đề Hoàng hậu vừa nghe vừa nhớ lại việc ác của mình, nên dịu lòng đau khổ và ăn năn tội lỗi, bà liền đành lễ Phật, cầu Phật dạy cho phương pháp tu hành để diệt tội và khi xả thân được sanh về thế giới thanh tịnh bất sanh bất diệt.

Đức Thế Tôn phóng hào quang sáng chói hiện ra tất cả thế giới trong mười phương, trong đó có một thế giới Hoàng

hậu nguyện sanh tức là thế giới Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà, cõi ấy an vui, không thấy khổ. Nhân đó Đức Phật dạy cho bà pháp môn Tịnh Độ là chuyên niệm danh hiệu đức Phật A Di Đà để cầu vãng sanh theo chí nguyện. Bà chí tâm chuyên niệm đêm ngày không hở, nhờ vậy mà bà hết sự buồn khổ và chuyển được lòng ngổ nghịch của Thái tử. Nên từ khi giam mẹ vào lãnh cung một thời gian ngắn, một hôm A Xà Thế thấy lòng băng khuâng và nhớ lại mẹ, nhớ tội ác của mình ông bèn tự thân vào lãnh cung thăm mẹ.

Khi ngục tốt tận lực đẩy cánh cửa sắt nặng nề, A Xà Thế bước vào, bỗng ông dừng lại, ông đã thấy gì? Ông thấy mẫu hoàng tính tọa trên tấm đá lớn hai tay chấp trước ngực mắt hơi nhắm, nét mặt điềm đạm hiền từ mặc dù trời lạnh ở trong cung lạnh mà bà vẫn thản nhiên, dừng vài phút, ông rón rén đến bên và như một cái máy ông quỳ sụp xuống chân mẹ. Hoàng hậu giạt mình mở mắt thấy A Xà Thế, bà nhẹ nhàng để hai bàn tay lạnh trên đầu con...

Chúng ta ngày nay biết pháp môn niệm Phật là khởi nguyên từ đó.

Thuật giả: **Thế Quán**

*Dương gian là cảnh
Tịnh Độ là quê
Sống thì ta ở
Chết ta trở về.*



MÙA XUÂN VẪN ĐẾN

*Mùa Xuân vẫn đến em có hay?
Trăm hoa nghìn lá vẫn trở đầy
Quyển lan chớm nở hương thơm ngát
Bướm lượn quanh vườn ngát hương say.*

*Muôn ngàn mây trắng lướt trên không,
Tháp thoảng mây bay dưới nắng hồng
Rặng liễu bên hồ nghiêng bóng rũ
Từng đàn chim én lượn qua sông.*

*Gió thoảng đong đưa những nụ hoa,
Gió lay cành bưởi bóng la đà.
Dưới sông cá lặn tung bọt nước,
Muôn vạn sinh linh ở một nhà.*

*Mênh mông, trùng điệp núi thấp cao,
Đôi núi, thông reo gió rì rào...
Lãng đãng mây trời giăng đỉnh núi
Thiên nhiên tươi đẹp đất trắng sao...*

*Mùa Xuân vẫn đến em có hay?
Bốn mùa hoa lá đẹp hương say
Hạ qua, Thu về, Đông lại tới,
Xuân đến tràn gian đẹp ngát ngây.*

*Thiên nhiên ban phước lộc xuống trần,
ĐẤT là nhà ở của sinh linh.
NƯỚC mang nguồn sống cho muôn loại,
GIÓ/LỬA năng lực của chúng sanh.*

*Trái đất, hành tinh đẹp sắc màu,
Sự sống tràn ngập khắp năm châu.
Mặt trăng xoay quanh vòng trái đất,
Mặt trời năng lực sáng địa cầu.*

*Xuân tươi riu rít tiếng chim ca,
Lộc non rộ nở khắp sơn hà,
Nước biếc non cao mây trời rộng
Mùa Xuân đến mãi, đẹp chan hòa...*

thơ **HOÀNG THỰC UYÊN**

Ngõ thoát

(tức **Phương Trời Cao Rộng 3**)

Truyện dài của **VĨNH HẢO**



VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

(tiếp theo kỳ trước)

CHƯƠNG MƯỜI HAI

Trong phòng biệt giam, đêm buông xuống sớm hơn là thực tế bên ngoài. Sau giờ điểm danh buổi chiều, cánh cửa gió bị cán bộ trực đóng ập lại, bóng đêm chụp xuống ngay lúc đó. Và không khí trong phòng tự đứng nặng trĩu xuống.

Ông Trọng có điều thuốc để xoa ngay nỗi buồn của ông. Khi đèn phòng bật sáng, tôi thấy ông cố gắng che giấu một giọt lệ sắp rơi xuống má. Ông nhớ vợ con thì phải. Từ lúc tôi vào đây, chỉ nghe ông nhắc vợ con chứ chẳng nhắc đến ai khác. Đôi mắt dữ tợn của con hổ khi nhớ vợ con đã dịu xuống thành đôi mắt nai hiền lành, u ầu.

Thực ra, nhìn cái tướng cao lớn dềnh dàng của ông, khó có thể tưởng tượng được rằng một con người như thế lại biết khóc. Nhưng ông đã khóc thực rồi đó. Dù một thời ngang dọc vẫy vùng, khuấy nước chọc trời như ông từng kể tôi nghe tối hôm qua, thì ông vẫn là con người, có tình cảm, có con tim biết đập và nhảy những nhịp điệu muôn thở và thường tình của kiếp người. Tiếng gầm thét uy của con hổ làm rung động cả núi rừng, hoang sợ cả trăm loài muông thú; và thật dã man dữ tợn làm sao khi nó sử

dụng nanh vuốt và răng nhọn của mình để cấu xé, nhai nuốt con mồi! Nhưng không phải vì vậy mà nó thiếu đi cái vẻ tình tứ, thương yêu đối với vợ con. Tình cảm làm quân bình đời sống, làm dịu đi sự hận thù và lòng đanh ác. Trong một số trường hợp, tình cảm đã cho thấy mãnh lực dời núi lấp biển của nó. Tình cảm có thể động viên người ta làm được những việc phi thường, kỳ diệu. Nhưng, thảm họa của cuộc đời, đa phần cũng đẩy sinh tử cái tình cảm vừa dễ thương vừa khùng điên đó.

Tôi nhìn ông Trọng khóc như vừa nhìn thấy lần đầu một cảnh tượng lạ đời nhất. Có một cảm giác ngổ ngộ, vừa thương xót, vừa buồn cười, len lỏi trong từng thớ thịt, từng đốt xương, đục khoét nhẹ nhẹ nhưng lạnh buốt tâm hồn tôi. Tôi không có vợ con để đau khổ nhớ thương như ông nên không thể cảm thông tận cùng nỗi buồn của ông. Nhưng tôi có thể tưởng được đó là sự quẫn quai của một tâm hồn đang nhớ thương, nuối tiếc về quá khứ với những bóng hình thân yêu vượt khỏi tầm tay một cách cưỡng ép.

Khi nỗi buồn vơi đi rồi, ông Trọng đốt thuốc, hút liên tục, hết điếu này đến điếu khác. Phiếu mua hàng ông đặt mua thực phẩm thì hãy còn chờ vài ngày, nhưng thuốc lá thì

được đưa vào ngay vì cán bộ trực cũng có mang theo vào trại để bán lên cho tù nhân. Nhờ vậy, ông Trọng mới có đủ khói thuốc phù du để xoa đẩy cái buồn của ông đi. Tôi chẳng biết phải an ủi ông bằng cách nào. Chúng tôi ngồi im lặng như thể một lúc lâu.

Bên ngoài, tiếng nói chuyện inh ỏi, đều đều, rào rào, từ các phòng giam vọng qua vọng về, xen vào nhau, chạm vào nhau, như những đường gươm vung múa trước trận tiền. Thịnh thoảng, một tràng cười trời lên nghe như một loạt súng liên thanh bắn xả vào dòng người chen chúc. Lại có tiếng những tù nhân người Hoa, kêu réo, gọi nhau ơi ới, rồi nói chuyện bằng loa tay những lời xí xỏ xí xào không sao hiểu nổi. Chen lẫn trong dòng thác âm thanh cuồng loạn, hỗn tạp đó, cũng có đôi giọng ca cất lên. Kẻ ca tân nhạc, người hát vọng cổ.

Ông Trọng bỗng bốc hứng đáp lại tiếng réo gọi chung quanh bằng một khúc vọng cổ đột ngột. Ý như những con gà trống ở vùng quê mà tôi thường lắng nghe chúng gáy mỗi khuya. Ban đầu là một con, rồi hai ba con đáp lại, rồi đồng loạt cả xóm gà gáy rần trời. Tôi muốn bật cười khi nghe ông Trọng bắt giọng ca, nhưng ráng nín và lắng nghe. Vốn không thích, và vì vậy, không hiểu biết gì về cải lương vọng cổ, tôi chẳng hứng

thú chút nào mà có khi còn khó chịu khi nghe kẻ khác hát bên tai mình những khúc ca nhì nhằng, ẻo lả, lè thê và thường thường là sấu thảm đó. Nhưng bây giờ, ông Trọng hát, tôi bỗng thấy mình chịu khó, lắng nghe và hình như còn thích thú nữa là khác. Đây là một bản tân cổ giao duyên, tôi không biết nó mang tựa đề gì, nhưng lời ca rõ ràng là kể lại câu chuyện tình cảm bi thương của Lan và Điệp mà tôi có biết qua. Giọng ông Trọng ồ ồ, khàn đục, nhưng lại truyền cảm vì ông hát say sưa và gợi cảm cả tâm hồn ông vào đó. Nỗi buồn nơi ông dường như tuôn ra theo tiếng ca, phủ lấp không gian nhỏ hẹp của phòng giam. Rồi nó len nhẹ vào lòng tôi khiến trái tim tôi như tê giật lên bởi một dòng điện nhỏ. Lần đầu tiên, tôi rung động thực sự bởi một khúc vọng cổ. Có thể điệu ca và lời ca không đủ tác dụng để cuốn hút tôi đến thế. Nhưng rung động, đúng hơn là do trong một phút chốc, từ nỗi buồn của ông Trọng, tôi bỗng cảm nhận một cách thấm thía nỗi ly biệt miên viễn, trường kỳ của kiếp nhân sinh già hợp.

Ca xong bản tân cổ, ông Trọng lại đốt thuốc, rồi ông bắt đầu kể chuyện tôi nghe. Đêm nay là câu chuyện về những cuộc tình và hôn nhân của ông.

Theo lời ông kể, nếu là sự thực, đã có khoảng trên dưới mười người đàn bà qua tay ông. Tôi được nghe chi tiết những mẩu chuyện tình này từ nguyên nhân đến thời điểm, không gian của sự tao ngộ, sự thành thân hay ăn nằm lên lút với nhau, rồi giai đoạn và lý do chia tay, tan vỡ của mỗi cuộc tình. Bắt kể là tôi có thích nghe hay không, ông ấy nói thao thao không ngừng. Tôi có thói quen là luôn chăm chú lắng nghe người khác nói chuyện, dù rằng đôi lúc câu chuyện của họ chẳng mấy hấp dẫn. Có lẽ vì vậy mà ông Trọng cảm thấy kích lệ để không ngần ngại tuôn ra hết cả những gì đáng ra nên giữ kín. Tình ái quả là đề tài hấp dẫn mà hình như ai kể cũng có vẻ lôi cuốn, sinh động. Nhưng đối với mọi vấn đề, cái hay và đẹp nằm trong sự thực được chứng nghiệm. Trải qua mười mấy cuộc tình dang dở và cuối cùng là hai đời vợ lớn, vợ nhỏ, ông ấy quá đủ tư cách và thẩm quyền để kể được những mẩu chuyện tình kỳ

thú, cũng như có thể đóng vai bậc thầy cho những cậu con trai ngây ngô mới lớn về vấn đề tình dục hay cái mà nhà nước bây giờ gọi là *kế hoạch sinh đẻ*, hay *kế hoạch hoá gia đình*.

Ông Trọng có vẻ hả hê trong câu chuyện ông kể. Dường như ông được sống lại lần nữa với những vết tích chưa nhòa của dĩ vãng. Tôi đọc được trong ánh mắt rực cháy của ông, nơi khoé miệng thèm thũng của ông, cái khát dục không cùng của một sinh vật người hiện hữu trên trần gian.

Mỗi lại điều thuốc bị tắt ngấm vì mãi lo kể chuyện, ông Trọng hỏi:

"Còn cậu thì sao, kể tôi nghe với chứ. Hề hề, theo kinh nghiệm riêng của tôi thì đàn bà thích nhất hai loại đàn ông: thứ nhất là tên đàn ông hoạt bát, nói năng có duyên, lôi cuốn; thứ hai là gã đàn ông ít nói, có vẻ ngây thơ, khờ khạo. Nhưng hạng đàn ông thứ nhất thì chỉ vớ được mấy à xoàng xoàng ham chuộng bề ngoài; còn hạng thứ hai, đi chậm mà chắc chắn, có đời sống nặng về nội tâm hơn... Mà theo cách tôi nhìn thì cậu đúng là hạng đàn ông thứ hai, hẳn là cậu phải có nhiều cô thương, tình nguyện nâng khăn sửa túi, phải không? Ua, cậu nói cậu chưa có vợ hả?"

"Dạ, chưa. À, phải nói là không."

"Không? Cậu muốn độc thân suốt đời à?"

Tôi chỉ cười, không đáp.

"Cậu hai mươi sáu tuổi rồi, phải không?"

"Dạ phải."

"Thế thì cũng biết rồi."

"Biết gì, thưa chú?"

"Biết cái chuyện... trai gái đó."

"Ờ..."

"Ờ cái gì mà ờ! Tôi biết từ cái thưở mười bảy, mười tám kia. Không lý cậu hai mươi sáu mà còn tân sao!"

"Cũng tùy thôi chú à. Có người trên ba mươi, hay trên bốn mươi vẫn chưa biết gì về chuyện ấy."

"Xì, đó là mấy ông thầy tu. Còn người thường như chúng ta thì phải biết. Khác nhau là sớm hay muộn vài năm thôi. Cậu ngại phải nói ra chuyện tình cảm à? Bộ cậu nghĩ rằng dẫn thân làm chính trị thì không yêu đương, không lấy vợ sao?"

Ồi trời, đó là cái chuyện thường tình như là ăn cơm, uống nước. Có gì mà phải xấu hổ, che giấu. Ừ thôi, cho là cậu chưa biết gì về chuyện chăn gối đi, nhưng ít nhất trong lứa tuổi hăm sáu, với cái vẻ hiền lành, ít nói dễ gây cảm tình với phụ nữ, tôi nghĩ cậu cũng phải trải qua tẽ lẫm là năm cuộc tình sơ xị, dở dở, ương ương, phải không?"

"Ờ..."

"Lại ờ nữa rồi. Có thì nói đại là có chứ ngại gì! Phải không?"

"Dạ... có cũng được."

"Sao cũng được! Có. Dứt khoát là có chứ không thể có cũng được. Phải không?"

"Dạ... có."

"Thế thì người tình sau cùng, mới nhất, trước khi cậu vào tù như thế nào? Bao nhiêu tuổi rồi?"

"Dạ... chẳng biết nữa."

"Hồ hơ, sao mà không biết!"

Nếu đã yêu thực sự thì chẳng việc gì mà không biết. Tình yêu nó lạ kỳ như vậy đó. Tự dưng cậu sẽ biết tất cả những vấn đề riêng tư thuộc về người tình của cậu, khỏi cần cô ta khai báo. Thế mới hay chứ. Nếu cô nào mà cậu chưa biết tuổi thì chưa thể gọi là nhân tình; đó chỉ là mối quen phớt. Đã có tình thì tự động có hiểu biết. Trong hiểu biết về đời tượng tượng yêu, tuổi tác đi đầu. Cậu không thể có một người tình mà chẳng biết cô ta bao nhiêu tuổi. Phải biết chứ. Sao? Mấy tuổi? Đẹp lắm phải không?"

"Ờ... cháu cũng xin thưa thật với chú rằng lâu nay cháu ít quan tâm, hay nói thẳng là cháu không có thì giờ để nghĩ đến chuyện đó."

"Thôi cha nội! Làm sao mà chẳng nghĩ đến. Cậu cũng là con người chứ có phải khúc gỗ, cục đá đâu mà không có tình cảm! Nhìn đôi mắt ướt át long lanh như con gái của cậu là tôi biết ngay đời sống tình cảm của cậu nó như thế nào rồi. Nó có vẻ êm đềm ở bề ngoài nhưng bên trong phải như một con sông dậy sóng chứ chẳng phải chơi đâu. Cậu có cái bề ngoài trang nghiêm, hiền lành thật, nhưng điều đó không có nghĩa rằng không có tình cảm. Huống chi, trong vấn đề tình cảm, không thể nói là không có thì giờ. Cậu em nên biết, khi có yêu, tự dưng thì giờ nó nhiều ra, nhiều lắm. Một đời ta, thì giờ dành cho vấn đề yêu đương, vấn đề tình cảm, hơn một nửa rồi."

Yêu ai cậu sẽ có rất nhiều thì giờ dành cho người đó. Đi, đứng, ngồi, nằm, ăn uống, làm việc, đi chơi, nói chuyện... không lúc nào mà không nghĩ đến người tình. Thậm chí nằm mộng cũng thấy toàn là bóng người tình không à. Đúng không? Đâu sợ không có thì giờ!"

Tôi phì cười, chợt nghĩ đến công phu tu tập của những người theo Phật giáo. Trong Thiền tông, các thiền sinh đã áp dụng phương pháp quán tưởng, tham công án vào mọi sinh hoạt của đời sống thường nhật của họ. Bên Tịnh độ tông cũng thế, họ được dạy là phải niệm Phật A Di Đà, quán tưởng hình ảnh đức Phật A Di Đà trong nhất cử nhất động, không hở phút giây nào.

Khổ nổi là ở đời, ít người có khả năng hay quyết tâm để thực hành được các pháp thức nói trên. Có lẽ quán tưởng, nhớ nghĩ hay gọi tên người tình để hơn tham thiền, niệm Phật. Nó vừa dễ, vừa cụ thể, mà có hy vọng thành tựu rõ ràng hơn!

Tôi xoa tay ra dấu với ông Trọng là tôi không muốn nói chuyện nữa. Tôi nằm xuống, duỗi thẳng hai chân hai tay, mắt ngược nhìn cái bóng đèn cao mút trên trần, tỏa ánh sáng chói lòa từ sau khung lưới nhỏ. Mộng Huyền ơi! Phải chăng theo một nghĩa nào đó, chúng ta đã là những tình nhân của nhau? Không được. Chúng ta không phải tình nhân. Lý do nào thì em đã biết, phải không?

Thấy tôi im lặng, ông Trọng cũng ngưng nói. Có lẽ ông hơi phật lòng vì bị mất hứng. Ông ngồi duỗi chân, lưng tựa vào vách, đốt thêm điều thuốc nữa, hút trong im lặng.

Rõ ràng là ông đang im lặng. Nhưng tôi vẫn cứ nghe như là ông đang nói. Ông đang nói hay là một gã mặt theo lẫn khuất đầu đó, nhe răng rả mà nói. Hay là chính tôi đã nói với tôi. Tôi thấy rõ ràng có một cái miệng nhép nhép hai hàm răng trắng ngà ngà, lúc ẩn lúc hiện giữa bờ môi đầy. Đôi môi đầy quen thuộc của một kẻ khát dục.

"Tôi nói cậu nghe, ở đời không có việc gì mà không đòi hỏi nghệ thuật, hay kỹ thuật tuyệt xảo của nó để đạt đến cái toàn mỹ và hạnh phúc. Trong tình yêu cũng vậy, không thể bỏ qua nghệ thuật của nó. Đó là một nghệ thuật đặc kỳ, sắc xảo, tinh tế và cao cả nhất trong tất



cả nghệ thuật. Tình yêu chiếm gần trọn cuộc đời ta và là khía cạnh nổi bật nhất của cuộc sống, quyết định sự tồn hữu hay suy hoại của hạnh phúc con người. Nhưng chẳng mấy ai biết yêu cả. Người ta mù lòa thờ quang chạy theo ái dục bằng cách sống với nhau, ăn chung mâm, ngủ chung giường, đầu ấp tay gối, tìm sinh kế, đẻ con cái, gây gỗ đánh cãi nhau, rồi lại ôm nhau, hôn hít, rồi già, rồi bệnh, rồi chết, rồi sầu khổ. Cả một đời như thế, nhưng chẳng có gì thực sự gọi là yêu trong sự kết hợp trâu bò đó. Tôi gọi là *sự kết hợp trâu bò* bởi vì nó thiếu cái nghệ thuật, bởi vì nó chẳng thuộc về tình yêu. Họ chẳng biết yêu gì cả. Họ chỉ biết làm bốn phận trong một phút lỡ trớn sa chân của họ mà thôi. Tình yêu của họ bị chết tiệt từ khi cái khao khát chiếm đoạt được thỏa mãn; sau đó, chỉ còn lại bốn phận, là cái mà người ta gọi là nghĩa vợ chồng, nghĩa tào khang. Hừm, đúng, đúng là cái tình nghĩa, cái ràng buộc bất khả kháng, chẳng vui thú và đẹp đẽ gì mà chỉ có sự già dỗi, đeo mặt nạ mà cười gượng gạo với nhau, mà ở bề sâu thì đầy đọa và làm khổ nhau. Họ chẳng giữ gìn được tình yêu và chẳng thương thức được trọn vẹn cái hạnh phúc tất hữu của yêu đương. Yêu, phải là hạnh phúc; không thể nói *yêu là đau khổ* được. Sao lại phải đau khổ! Đau khổ thì yêu làm quái gì! Không biết yêu, không gìn giữ được tình yêu thì tự khắc phải chuốc lấy đau khổ thôi. Cái hạnh phúc trong tình

yêu không nằm ở chỗ được hay mất đi đối tượng yêu thương của mình mà chính là sự trọn vẹn, nhất quán, và bất biến của nó ở trong ta, chày trôi và bàng bạc trên từng khoảnh khắc mong manh, biến ảo của dòng đời. Người tình không phải chỉ là kẻ được ta yêu thương mà chính là ta đó. Kẻ nào tự phân ly mình với người tình, thấy có sự sai khác giữa mình với người đó, thấy rằng có hai thực thể đối lập nhau đi đến kết hợp như một trao đổi và nương tựa nhau, kẻ ấy tự cắt chia tình yêu và đặt nó vào khuôn khổ vốn dĩ không phải là nơi có thể chứa đựng cái mệnh mông của tình yêu. Cái gì chân thật, bất biến thì không bị chia cắt, không bị hạn cuộc, không bị ngưng đọng trong cái hữu hạn và nhất thời. Yêu một người, trước tiên có nghĩa là phá bỏ bức rào ngăn cách ta với người đó, khiến cho ta với người đó trở thành một. Người tình của ta chính là ta chứ không là gì khác. Cả cuộc đời ta nằm ở trong đó. Ta làm tất cả những gì mang lại khoái lạc và hạnh phúc cho người tình, có nghĩa là làm cho chính ta. Nhưng ta không cần phải hỏi là làm cách nào để người tình của ta được hạnh phúc, hay cho chính ta được hạnh phúc. Bởi vì tình yêu tự có lối đi của nó. Cứ yêu một cách chân tình và hết mình thì hạnh phúc sẽ có. Cậu nói sao? Những gì tôi nói này giờ chỉ là lý thuyết thôi à! Vậy thì theo cậu, thế nào là thực tế của tình yêu?"

"Tình yêu phức tạp và chắc chắn là không vượt ra khỏi sự hạn cuộc của tính ích kỷ và cái bản ngã đáng ghét của chính ta? Vì ích kỷ nên tình yêu chỉ biết chăm sóc và nâng niu đối tượng nó chiếm hữu, như vậy chỉ có tình yêu hạn cuộc chứ không có cái tình yêu mệnh mông, cao cả được. Mà một khi tình yêu bị hạn cuộc bởi lòng ích kỷ chiếm hữu, nó gây tạo sự ràng buộc và khổ đau cho kẻ yêu và ngay cả kẻ được yêu nữa. Còn nếu nó muốn vượt ra khỏi cái vòng hạn cuộc đó, điều này chỉ là một sự phóng ngoại để tìm cầu một đối tượng mới khác cũng nhỏ nhen và hạn cuộc, để thay thế cái hạn cuộc nhỏ nhoi cũ mà thôi. Nói chớ cụ thể, chú chỉ có thể làm mọi việc cho thím, cho các cháu, và cho chính chú, chứ không thể lang bang trải tình yêu đó đến với một đối tượng khác, vì như

thế sẽ gây đau khổ cho vợ con.”

“Ha ha, sao lại phỏng cái tình yêu đó giống ruồi đến đối tượng nào nữa một khi nó đã tự chọn một nơi chốn để tụ hội và phát tiết toàn vẹn thể cách vô biên của nó! Vợ con ta không phải là tất cả đó sao. Vợ con ta chính là ta, chính là thế giới.”

“Sự náo loạn và xung đột của thế giới có thể được đẩy sinh tử sự tập trung bảo vệ và chiếm hữu của mỗi người đối với những gì hẳn yêu thích.”

“Kẻ nào luôn sống trọn vẹn với tình yêu của hẳn, hàm ý rằng hẳn đã sống trọn vẹn với con hẳn, sông trọn với chính con người hẳn, thì không tổn hại và xâm phạm đến hạnh phúc của kẻ khác. Thực sự yêu thì chỉ có hạnh phúc chứ chẳng gây đau khổ nào cả.”

“Lòng ích kỷ, sự ghen tuông, lòng khao khát chiếm hữu độc quyền, tất cả những thứ ấy không thể không ảnh hưởng đến tâm hồn con người yêu thương. Thiên hạ đã đau khổ bao nhiêu vì những thứ ấy. Cháu xin lỗi chú khi đặt giá thiết như vậy: sẽ có những lúc mà thím ở nhà có thể làm chú nổi cơn ghen tức với một tình địch nào đó. Cơn ghen làm mất bình tĩnh và gây khổ đau trong lòng chú, phải không?”

“Ghen tuông chẳng có gì là khổ. Ghen tuông là một điều kỳ thú và cần thiết, như những bông hoa, những nét chấm phá muốn màu điểm tô thêm cho vẻ diễm ảo của bức tranh tình ái. Ghen là sự dội ngược của bản ngã khi va chạm vào bức tường ly cách nó với bên ngoài. Nếu ta yêu một cách trọn vẹn, sống một cách trọn vẹn, bức tường đó bị phá đổ, và chẳng có sự va chạm nào ngoài sự hợp nhất của ta với thế giới. Thế giới là gì? Thế giới là vợ ta đó. Ghen tuông khổ, nhưng phải biết cách. Kẻ biết ghen cho trọn vẹn là kẻ tự húc đầu vào bức tường ly cách giữa hẳn với tha nhân, chứ không phải là làm cho vững chắc thêm bức tường đó để rồi quần quai đau khổ. Nhưng kẻ nào đã biết yêu một cách trọn vẹn thì không có gì xảy ra cho hẳn một cách nhảm nhí như ghen tuông, thất tình, cậu nhàu, bằng gắt, giận lẫy, thần thờ, điều đúng, khổ sở... Và cũng bởi người tình của hẳn sẽ chẳng bao giờ ngoại tình, hoặc làm, hoặc nói, hoặc biểu lộ một điều gì vượt ra ngoài



vòng tay chân tình của hẳn. Tình yêu chân thật sẽ tự vẽ ra những lối đi của nó. Những lối đi này biểu hiện sự phong phú và tròn đầy của tình yêu; mặt khác, chính chúng là những cánh tay ban phát, thân nhiệt và bảo vệ sự sinh tồn của tình yêu. Những lối đi đó, chính là nghệ thuật yêu đương. Kẻ nào biết yêu thì tự hẳn để ra nghệ thuật này; kẻ nào không biết yêu phải học nghệ thuật đó để tiến đến tình yêu và hạnh phúc chân thật. Bởi vì con đường từ nhà đến chợ cũng chính là con đường dẫn ta từ chợ đến nhà vậy. Phải không cậu em?”

Tôi trở mình, xoay qua phía ông Trọng, thấy ông vẫn còn ngồi im đó. Điều thuốc trên tay ông chỉ cháy hơn một nửa. Cái miệng ông hãy còn nhép nhép. Tôi lẩn lộn, chẳng rõ là nãy giờ ông ta nói hay cái gã mặt theo lấp ló đầu đó đã nói. Ông ta đang nói hay đang nhai thứ gì? Mà những điều ông nói có vẻ lung tung quá. Cái tình yêu đó, cơn khát khao đục tình đó, cả ông và gã mặt theo đều nói một ý như nhau: lúc nào cũng ca ngợi, khuyến khích con đường chiếm hữu, hợp nhất với những đối tượng huyền ảo của trần gian mà tôi từng gắng công vượt thoát. Tôi vỗ nhẹ đùi ông một cái, nói:

“Thôi, đừng nói nữa chú. Ngồi đi cho khỏe.”

Ông Trọng há hốc, nhìn tôi: “Nãy giờ tôi có nói gì nữa đâu.”

Tôi dụi mắt, nhìn kỹ lại miệng ông. Cái miệng không cử động, không nhóp nhép, nhưng há ra trong kinh ngạc.

“Da... thì đừng nói nữa.”

Tôi nhắm mắt lại. Có tiếng ông Trọng phủ bụi đất nơi chỗ nằm của ông để nằm xuống.

Ngủ ngon nghe chú. Ừ, cậu cũng ngủ ngon. Đã đến giờ báo nghiêm. Trại giam im lặng. Ngon đèn trên trần cháy sáng suốt đêm. Tôi nghe như có những âm ba nào đó chạy rần rần theo những tia sáng chói chang của ngọn đèn tỏa xuống.

Cái hạnh phúc trong tình yêu mà ông Trọng tự hào là ông tìm thấy, có phải là thứ hạnh phúc chân thật không? Ông có thực tìm thấy bình an và sự bất động trước những quấy nhiễu của khổ đau và hệ lụy của cuộc đời chẳng? Tại sao ông ấy buồn khổ và đã khóc? Cái tình yêu trọn vẹn và thực sự mà ông nói không cứu thoát ông ra khỏi nỗi nhớ nhung, buồn thương khi chia cách với vợ con sao?

“Nói gì thì nói, hình như chú vẫn phải đón đau vì nỗi nhớ thương và buồn tủi khi phải xa cách vợ con mình. Đó là thực tế khổ đau này sinh từ tình yêu chiếm hữu.”

“Ha, nhớ nhung là sự vươn dài của tâm hồn một cách tha thiết cuồng nhiệt về quá khứ dẫu yêu để ý thức và xác định sự bất diệt của tình yêu trong dòng biển thiên vô cùng của đất trời. Ta không thấy khổ đau gì trong nhớ nhung, bởi nhớ nhung là hưởng thụ, là sự múa nhảy cần thiết của trái tim để biểu lộ giá trị chan rười, hòa hợp giữa những thực thể vẫn thường tự ly cách nhau bằng sự vây bọc của lớp vỏ bản ngã. Nhớ nhung là phút quay đầu và réo gọi của tình yêu hướng về dĩ vãng. Nó không là gì khác hơn tình yêu. Mà trong tình yêu, chẳng có cái gọi là khổ đau. Khi yêu, hãy hợp nhất với tình yêu; khi nhớ nhung, hãy hợp nhất với nhớ nhung.”

“Nhưng rõ ràng là chú vẫn rơi nước mắt. Đó không phải là dấu hiệu của khổ đau sao?”

“Khổ đau như trái ớt cay. Kẻ nào biết ăn, biết thưởng thức, biết hưởng thụ thì nó thấy ngon. Kẻ không biết thì hãi sợ. Đã yêu thực sự thì ngại gì khổ đau! Ta nhai nó ngẫu nhiên, vui miệng chứ có hề hấn gì đâu nào!”

“Vậy tâm hồn chú sẽ như thế nào nếu vĩnh viễn chia xa với vợ con? Cháu xin lỗi đã đặt giá thiết này. Cháu nói cụ thể hơn, nếu người tình chết đi, nó sẽ ảnh hưởng biết bao với đời sống của ta!”

“Sống hết mình, yêu trọn vẹn, ta đã làm tròn ý nghĩa và

bốn phận của chính ta trên cuộc đời. Ta không ân hận, nuôi tiếc, vì ta chẳng bao giờ phụ lòng người tình của ta. Nàng có chết đi, tình yêu của ta cũng không mất. Tình yêu bất diệt. Đó là điều kỳ thú. Vì tình yêu bất diệt, hạnh phúc cũng bất diệt...”

Dù ông Trọng nói vậy, tôi vẫn nghi ngờ, cho đó là lời dụ hoặc quyến rũ của yêu ma trần tục. Tôi luôn thấy một cái gì giả trá, mộng huyền trong cái mà người ta gọi là tình yêu. Tôi có rung động, có khát khao, có mơ tưởng, nhưng cứ nhìn lại, xét lại và thấy toàn bộ những thứ ấy chỉ là sự dấy động của dục vọng mà thôi. Tuy vậy, lúc này tôi chưa biết nói gì để bác bỏ luận điệu của ông Trọng. Vì dù sao, trong vấn đề tình yêu, tôi vẫn là kẻ thiếu thực nghiệm trong khi đó, ông ấy đã sống, đã yêu, bằng cả con người, bằng cả cuộc đời ông.

Tôi vùng dậy tính nói với ông Trọng rằng dù tôi không cãi lý được với ông, tôi vẫn chưa hoàn toàn tán đồng quan điểm của ông về tình yêu và hạnh phúc. Nhưng rõ ràng là ông ấy đã ngủ khò. Tiếng ngáy của ông giống như tiếng rít qua điệu cây của những người hút thuốc lào. Giống như có bong bóng nước sủi lên trong ấy. Ông đâu có nói chuyện với tôi. Tôi chỉ tưởng tượng ra đây thôi. Hoặc là, chính tôi đã nói chuyện với gã mặt thẹo, *cái thằng tôi* đáng ghét thường bám sát theo tôi mà thôi.

Tôi nằm xuống trở lại, cố dỗ giấc ngủ bằng cách niệm Phật. Nhưng tôi cứ nghe vang vọng những thứ âm thanh chung quanh. Có tiếng văng vẳng của một thiếu nữ nào đó vọng từ tim tôi vọng ra. Đừng bỏ em, nghe anh. Đừng bỏ em. Ô, đó chỉ là ảo giác. Khang ơi, quên đi. Gọi lại chỉ thêm đau mà thôi. Nam mô A Di Đà Phật... Những tiếng bên ngoài văng vào mới thực. Nói vậy cũng không đúng. Phải nói là cả trong lẫn ngoài đều chẳng thực. Nhưng lại có hiện hữu. Giống như giấc mộng. Mộng cũng có, đâu phải không có, nhưng chẳng thực. Có tiếng la ới ới của một tù nhân nào đó bên phòng giam tập thể. Ông Trọng hơi cửa mình một chút. Tiếng chó sủa xa xa. Con chuột cống dưới lỗ cầu cống gằng đây bung chiếc dép nhựa của ông Trọng ra khỏi miệng cầu để chui lên mà không thành công. Hai con để hay thứ côn trùng không tên nào đó, kêu rúc rích rúc rích như cười giỡn với nhau. Chắc chúng phải nhỏ hơn cả con muỗi mới phát ra tiếng kêu bé xíu thiếu âm lượng như vậy...

(Hết Chương 12, mời đọc tiếp
Chương 13 vào kỳ báo tới)

TÌM MỘ

*Người tù trở về thăm đất Bắc
Đôi sản mệnh mông ngã bóng chiều
Con suối hình như giờ cạn lại
Môi mòn mạch nước cũng khô theo*

*Anh nằm giữa đỉnh đôi hoang vắng
Mát rượi tàng cây dưới bóng sao
Con suối vòng cung qua mây trại
Nhảy tung bọt sóng thảng mưa rào*

*Sơn La nước độc ma rừng thiêng
Sương muối chiều hôm phủ khắp triền
Hơi thở tương chừng như đặc lại
Nặng nề buồn phổi héo vành tim*

*Anh đến Sơn La rồi ở lại
Bạn bè sau đó cũng về Nam
Chiều nay trở lại tìm anh đó
Chớp mắt qua rồi mấy chục năm*

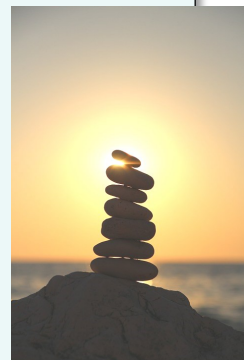
*Cây sao cỏ thụ giờ đâu mất
Còn chỉ mệnh mông sản phủ đồi
Cách ngã ba này trăm rười thước
Mồ hoang viễn xứ lạnh mưa rơi*

*Gốc cây mục nát lên tầng năm
Càng quanh hiu thêm lũ mối càng
Cả khúc cây rừng còn gậm nát
Huống hồ xương trắng gió mưa chan*

*Năm xưa bẻ tạm ba nhánh nhỏ
Làm nén hương lòng tiễn bạn đi
Gạo muối cũng không lòng thấy trống
Tủi thân manh chiếu rách đôi lê*

*Tôi dắt con anh trở lại đây
Mệnh mông nghĩa tận khói hương dày
Về Nam hương hóa mộ yên tịnh
Chắc cũng còn hơn thô trạch này.*

thơ HỒ THANH NHÃ



The Story of a Young Sow

Dhammapada, Verses 338 – 343

While residing at the Veluvana monastery, the Buddha uttered Verses (338) to (343) of this book, with reference to a young sow.

On one occasion, while the Buddha was on an alms-round at Rajagaha, he saw a young dirty sow and smiled. When asked by the Venerable Ananda, the Buddha replied, "Ananda, this young sow was a hen during the time of Kakusandha Buddha. As she was then staying near a refectory in a monastery she used to hear the recitation of the sacred text and the discourses on the Dhamma. When she died she was reborn as a princess. On one occasion, while going to the latrine, the princess noticed the maggots and she became mindful of the loathsomeness of the body, etc. When she died she was reborn in the Brahma (Archangel) realm as a puthujjana Brahma(Archangel) but later due to some evil kamma, she was reborn as a sow. Ananda! Look, on account of good and evil kamma there is no end of the round of existences."

Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 338: Just as a tree with roots undamaged and firm grows again even though cut down, so also, if latent craving is not rooted out, this dukkha/suffering (of birth, ageing and death) arises again and again.

Verse 339: That man of wrong views, in whom the thirty-six streams (of craving) that flow towards pleasurable objects are strong, is carried away by his many thoughts connected with passion.

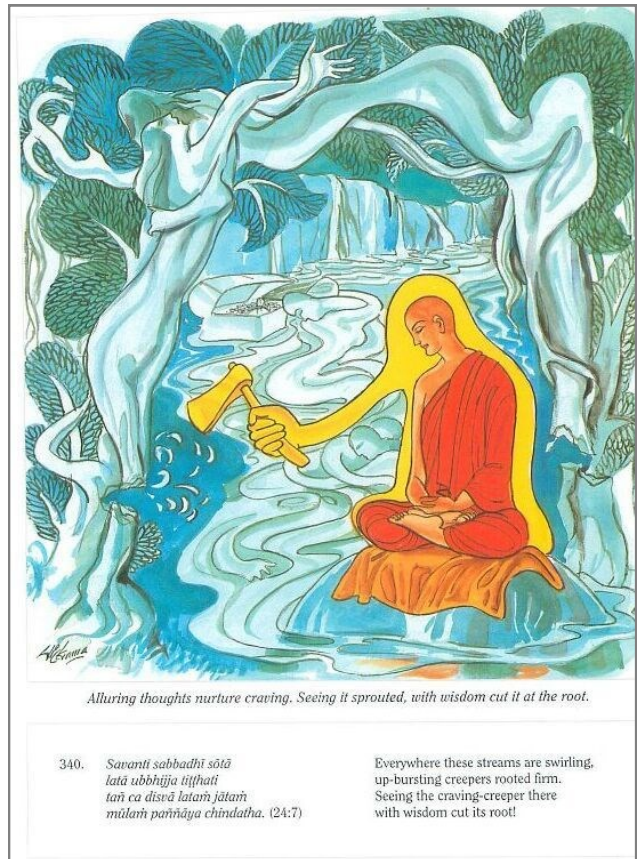
Verse 340: The stream of craving flows towards all sense objects; the creeper of craving arises (at the six sense-doors) and fixes itself (on the six sense objects). Seeing that creeper of craving growing, cut off its roots with Magga Insight.

Verse 341: In beings, there flows happiness that is smeared with craving; those beings attached to pleasure and seeking pleasure are, indeed, subject to birth and ageing.

Verse 342: People beset with craving are terrified like a hare caught in a snare; held fast by fetters and bonds they undergo dukkha/suffering (round of rebirths) again and again, for a long time.

Verse 343: People beset with craving are terrified like a hare caught in a snare. Therefore, One who wishes to free himself from craving should eradicate craving.

Translated by **Daw Mya Tin, M.A.**,
Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma.



Alluring thoughts nurture craving. Seeing it sprouted, with wisdom cut it at the root.

340. *Savanti sabbadāhi sōtā
latā ubbhijja tīṣṭhati
tañ ca disvā lalanā jātañ
mūlañ paññāya chindatha. (24:7)*

Everywhere these streams are swirling,
up-bursting creepers rooted firm.
Seeing the craving-creeper there
with wisdom cut its root!